

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700143694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 12/04/2019)



CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 153../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .03. tháng 03. năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (84-27) 4382 4245

Fax: (84-27) 4389 7722

Website : <https://www.biwase.com.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà Dương Anh Thu

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Điện thoại: (84-27) 4382 4245

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 12/04/2019)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : BWE

Mệnh giá : 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng chào bán : 37.500.000 (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) cổ phiếu

Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá : 375.000.000.000 (Ba trăm bảy mươi lăm tỷ) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC RIÊNG, HỢP NHẤT NĂM 2018,2019:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Trụ sở chính : Số, 1 Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3824 1990 Fax: (84.24) 3825 3973

Website : www.aasc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Trụ sở chính : Số 1, Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 3972 4568 Fax : (84-24) 3972 4600

Website : www.vndirect.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1.	Rủi ro về kinh tế.....	5
1.1.	Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới.....	5
1.2.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam	5
1.3.	Lạm phát	8
1.4.	Lãi suất.....	9
2.	Rủi ro pháp lý.....	10
3.	Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh.....	10
4.	Rủi ro đặc thù	10
5.	Rủi ro của Đợt chào bán cổ phiếu, của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán	11
6.	Rủi ro pha loãng cổ phiếu	12
7.	Rủi ro quản trị công ty.....	13
8.	Rủi ro khác.....	14
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	15
1.	Tổ chức chào bán.....	15
2.	Tổ chức tư vấn	15
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	16
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN.....	18
1.	Tóm tắt quá trình hình thành phát triển	18
1.1	Thông tin chung về Công ty	18
1.2	Ngành nghề kinh doanh.....	18
1.3	Quá trình hình thành và phát triển:	22
1.4	Quá trình tăng vốn điều lệ.....	27
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	27
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	26
4.	Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông.....	36



5.	<i>Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán</i>	<i>38</i>
6.	<i>Hoạt động kinh doanh.....</i>	<i>39</i>
6.1	<i>Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty.....</i>	<i>39</i>
6.2	<i>Cơ cấu doanh thu.....</i>	<i>42</i>
6.3	<i>Cơ cấu Lợi nhuận gộp.....</i>	<i>44</i>
6.4	<i>Nguyên vật liệu</i>	<i>46</i>
6.5	<i>Chi phí sản xuất.....</i>	<i>46</i>
6.6	<i>Trình độ công nghệ.....</i>	<i>47</i>
6.7	<i>Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....</i>	<i>47</i>
6.8	<i>Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch, xử lý rác thải</i>	<i>47</i>
6.9	<i>Hoạt động Marketing.....</i>	<i>48</i>
6.10	<i>Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....</i>	<i>48</i>
6.11	<i>Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết</i>	<i>49</i>
7.	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn năm 2018-Quý I/2020.....</i>	<i>50</i>
7.1	<i>Kết quả hoạt động SXKD trong giai đoạn năm 2018-Q1/2020.....</i>	<i>50</i>
7.2	<i>Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2019 (Riêng, Hợp nhất)</i>	<i>52</i>
7.3	<i>Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo</i>	<i>54</i>
8.	<i>Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....</i>	<i>56</i>
8.1	<i>Vị thế của Công ty trong ngành</i>	<i>55</i>
8.2	<i>Triển vọng phát triển của ngành</i>	<i>56</i>
8.3	<i>Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....</i>	<i>57</i>
9.	<i>Chính sách đối với người lao động.....</i>	<i>57</i>
9.1	<i>Tình hình lao động</i>	<i>57</i>
9.2	<i>Chính sách đối với người lao động.....</i>	<i>57</i>
10.	<i>Chính sách cổ tức</i>	<i>58</i>
11.	<i>Tình hình tài chính của Công ty.....</i>	<i>58</i>

11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	59
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	74
12.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	75
12.1.	Hội đồng quản trị.....	75
12.2.	Ban Giám đốc; Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính kế toán.....	88
12.3.	Ban kiểm soát.....	95
13.	Tài sản	100
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	104
14.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	104
14.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	105
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	107
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán.....	109
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	107
V.	CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN.....	108
1.	Tên cổ phiếu.....	109
2.	Loại cổ phiếu.....	109
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	109
4.	Hình thức chào bán.....	109
5.	Giá chào bán	109
6.	Phương pháp tính giá.....	109
7.	Thời gian phân phối cổ phiếu	109
8.	Đăng ký mua cổ phiếu	111
9.	Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết.....	111
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	111
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	112
12.	Các loại thuế có liên quan.....	112
12.1	Đối với Công ty.....	112
12.2	Đối với nhà đầu tư.....	112
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	112



14. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu chào bán thành công vào giao dịch trên thị trường chứng khoán:.....	114
VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	113
VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	115
VIII. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI.....	117
IX. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KẾ HOẠCH CHÀO BÁN KHÔNG THÀNH CÔNG.....	123
X. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	126
XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN	126
1. Tổ chức tư vấn	124
2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2018, 2019.....	124
XII. PHỤ LỤC.....	124

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Các tổ chức quốc tế lớn như Tổ chức Tiền tệ quốc tế (IMF), WB (Ngân hàng thế giới) và UN (Liên hợp quốc) cùng chung nhận định kinh tế toàn cầu bắt đầu tăng trưởng chậm lại, trong đó IMF dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới khả quan nhất, tăng 3,9% (trong đó các nước công nghiệp phát triển tăng 2,3%; các nước đang phát triển tăng 4,9%). Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) dự đoán thương mại toàn cầu đang chững lại trong thời gian tới.

Kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng vững chắc và dự báo đạt mức tăng trưởng cao trong năm 2018, khoảng 3,1%, nhờ chính sách cắt giảm thuế phát huy hiệu quả, kích thích đầu tư và phục hồi tăng trưởng kinh tế. Tỷ lệ thất nghiệp và lạm phát đạt các mức kỳ vọng của chính phủ.

Mặc dù bất ổn chính trị và sự kiện Brexit tác động, kinh tế khu vực châu Âu tiếp tục cho thấy triển vọng khả quan. Tăng trưởng dự kiến đạt khoảng 2% năm 2019. Tuy nhiên, áp lực về giá và tăng trưởng việc làm ở khu vực này vẫn duy trì ở mức cao.

Kinh tế Trung Quốc đang có thêm các dấu hiệu “hạ nhiệt” giữa bối cảnh Mỹ áp đặt các mức thuế thương mại mới đối với hàng hóa Trung Quốc. Hoạt động đầu tư vào các tài sản cố định của Trung Quốc đã chậm lại nhiều hơn dự đoán xuống còn 5,3% trong 8 tháng đầu năm 2018, trong lúc doanh số bán lẻ chững lại, phản ánh nhu cầu nội địa yếu đi và niềm tin kinh doanh sụt giảm. Thị trường chứng khoán sụt giảm, đồng NDT chưa có dấu hiệu phục hồi.

Theo dự báo của IMF, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục giảm xuống 6,6% năm 2018 và 6,4% năm 2019. Đà giảm tốc tăng trưởng của Trung Quốc cũng ảnh hưởng tới tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, theo đó, tăng trưởng kinh tế của các nhóm nước này sẽ không cao hơn các năm 2016 và 2017 do tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đóng góp lớn vào tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế này. Tăng trưởng của nhóm nước ASEAN-5 sẽ đạt khoảng 5,3% năm 2018 và 5,3% năm 2019, cao hơn các năm trước.

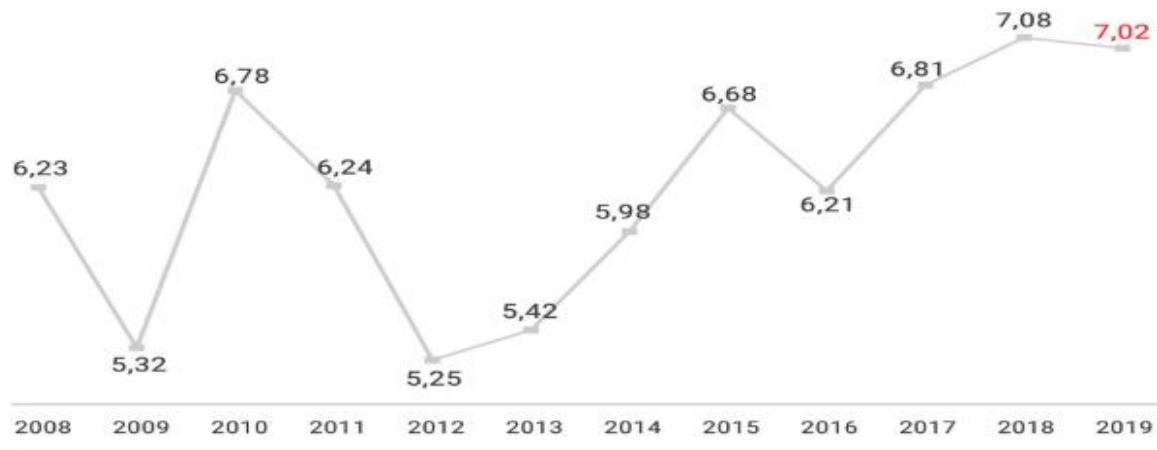
Tất cả các vấn đề về sự tăng trưởng kinh tế thế giới tuy không ảnh hưởng trực tiếp nhưng có thể sẽ gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Từ đó đến nay, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Hình 1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2019



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Năm 2016, kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng đáng kể từ các yếu tố chính trị trong khu vực và trên thế giới như: kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, tăng trưởng thương mại ở mức thấp, Brexit, giá dầu thô và nông sản giảm cùng với những tác động của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng GDP là 6,2% của năm 2016, mặc dù chưa đạt chỉ tiêu 6,7% được đề ra nhưng Việt Nam vẫn đứng thứ 3 về tốc độ tăng trưởng GDP trong nhóm quốc gia châu Á đang phát triển. Đồng thời, trong năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng trưởng 16,2% so với năm 2015.

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng ấn tượng, đạt 6,81% theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, cao nhất trong vòng 10 năm qua. Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành đã đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 74%. GDP bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng/năm (2.385 USD), tăng 7,7% so với năm 2016. Tổng vốn FDI giải ngân trong năm 2017 tăng kỷ lục ở mức 10,8% so với năm

2016. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng đạt mốc kỉ lục là 400 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 2,67 tỷ USD.

GDP cả năm 2018 tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây^[3], khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%, đóng góp 42,7%¹.

Năm 2019, kinh tế - xã hội Việt Nam diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại toàn cầu, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, xác định năm 2019 là năm “bứt phá” phấn đấu thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, với phương châm hành động “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, bứt phá, hiệu quả”, tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2019 tiếp tục chuyển biến tích cực, đạt nhiều kết quả nổi bật. Cụ thể, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2019 đạt kết quả ấn tượng, tăng trưởng kinh tế năm 2019 đạt 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6-6,8%. Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011 - 2017. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01%, đóng góp 4,6% vào mức tăng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,90%, đóng góp 50,4%. Khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45%. Về sử dụng GDP năm 2019, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,23% so với năm 2018. Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,35%. Đặc biệt, ngành công nghiệp năm 2019 duy trì mức tăng trưởng cao với 8,86%. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt nền kinh tế tăng trưởng với mức tăng 11,29%. Ngành công nghiệp khai khoáng tăng nhẹ 1,29% sau 3 năm giảm liên tục nhờ khai thác than tăng cao, bù đắp cho sự sụt giảm của khai thác dầu thô. Ngành xây dựng duy trì đà tăng trưởng tích cực với tốc độ 9,1%. Khu vực dịch vụ năm 2019 tăng 7,3%, trong đó tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ thị trường đạt 8,41%, cao hơn tốc độ tăng 7,02% của GDP. Nhìn chung, hoạt động thương mại, dịch vụ của cả nước năm 2019 tiếp tục phát triển ổn định và tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 tăng cao 11,8% so với năm trước, mức tăng cao nhất giai đoạn 2016 - 2019. Song, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 đạt mức tăng trưởng thấp do hạn hán, biến đổi khí hậu ảnh hưởng tới năng suất và sản lượng cây trồng, ngành chăn nuôi chịu thiệt hại nặng nề bởi dịch tả lợn châu Phi, nông sản gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và giá xuất khẩu. Tăng trưởng của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2019 đạt 2,01%, chỉ cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016 trong giai đoạn 2011 - 2019. Ngành nông nghiệp đạt mức tăng thấp 0,61%, là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn

¹ <http://gso.gov.vn/Default.aspx?tabid=621&ItemID=19037>

2011 - 2019; ngành lâm nghiệp tăng 4,98%. Điểm sáng của khu vực này là ngành thủy sản tăng trưởng khá ở mức 6,3% do sản lượng nuôi trồng và khai thác đạt khá.

Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, xử lý rác thải phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân. Nên dù vĩ mô có những diễn biến không thuận lợi thì công ty vẫn hoạt động bình thường, hoặc có thể chịu ảnh hưởng nhẹ khi giá nguyên liệu xử lý nước đầu vào hoặc máy móc đầu tư bị tăng giá theo những biến động của nền kinh tế.

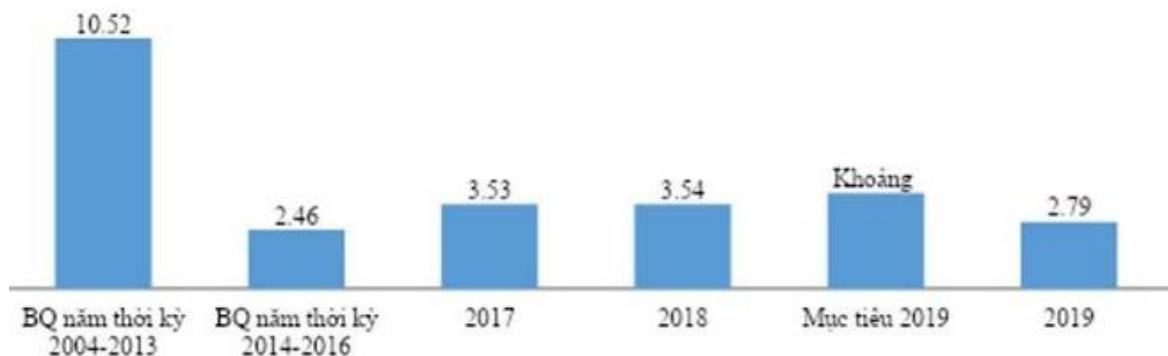
1.3. *Lạm phát*

Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, giai đoạn 2016 – 2020, NHNN đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ, tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 – 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

Việc lạm phát trong năm 2016 và 2017 duy trì ổn định ở dưới mức mục tiêu 4% của NHNN hỗ trợ tạo tâm lý tốt cho cả nền kinh tế. Lạm phát ổn định ở mức thấp, ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục, thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện vững chắc là những yếu tố cơ bản được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế sử dụng làm căn cứ để nâng hệ số tín nhiệm của Việt Nam. Trong năm 2018, lạm phát cơ bản bình quân tăng dưới 1,5% so với cùng kỳ. Nhân tố tác động chủ yếu đến lạm phát năm 2018 là thực phẩm và xăng dầu: giá thực phẩm tăng 6,67% so với đầu năm; nhóm giao thông tăng 7,3% so với đầu năm. Sang đến năm 2019, Lạm phát chỉ ở mức 2,79%, là đã thấp nhất trong vòng 3 năm gần đây. Con số này thậm chí còn thấp hơn mức dự báo từ đầu năm của Ban chỉ đạo điều hành giá (3,3 - 3,9%). Có một số nguyên nhân làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng, đó là một số mặt hàng tăng giá theo quy luật hằng năm, như nhóm hàng tiêu dùng (thực phẩm, dịch vụ ăn uống, đồ uống, dịch vụ giao thông công cộng, du lịch,...); giá nhiên liệu, chất đốt trong nước tăng theo giá thế giới; giá dịch vụ y tế điều chỉnh tăng theo mức tăng thêm của lương cơ bản; giá vật liệu xây dựng và nhân công tăng do nhu cầu và chi phí đầu vào. Cùng với đó, trong nửa cuối năm 2019, mặt bằng giá thịt lợn trong nước tăng cao cũng đã tác động tới chỉ số lạm phát của nền kinh tế. Ở chiều ngược lại, các nguyên nhân làm giảm áp lực lên mặt bằng giá là giá lương thực giảm; giá dầu, gas, viễn thông, đường giảm... Cùng với đó, công tác điều hành giá, đảm bảo cung cầu hàng hóa, kiểm soát giá cả thị trường, điều hành tỷ giá... thực hiện tốt đã có tác động tích cực làm giảm áp lực lên lạm phát.²

² <https://baodautu.vn/kinh-te-viet-nam-2019-tang-truong-gdp-tren-7-lam-phat-27-28-d113576.html>

Hình 2. Lạm phát Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro, chú trọng công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường cung cấp nước sạch và xử lý rác thải.

1.4. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành.

Mặt bằng lãi suất Việt Nam đã trải qua một năm 2019 đầy biến động trước sự ảnh hưởng của cả yếu tố trong nước và quốc tế. Trong 9 tháng đầu năm, lãi suất huy động liên tục được các ngân hàng đẩy lên cao; đặc biệt là tại các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân nhỏ trước áp lực cơ cấu lại nguồn vốn nhằm đáp ứng các qui định về hệ số an toàn vốn (CAR) theo chuẩn Basel II và lộ trình giảm tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn của NHNN. Theo đó, tính đến cuối tháng 9, lãi suất huy động tiền gửi tại một số ngân hàng đã tăng lên mức 9%/năm; trong khi lãi suất chứng chỉ tiền gửi cũng nhanh chóng vượt qua 10%/năm. Đà tăng của lãi suất huy động chỉ bắt đầu hạ nhiệt từ giữa tháng 10, sau khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) phát đi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm % và Cục dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tháng 9. Trong những tháng tiếp theo, mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục xu hướng đi xuống nhất là sau động thái giảm trần lãi suất huy động tiền gửi tại các kì hạn ngắn và lãi suất cho vay một số lĩnh vực của NHNN. Tính chung cả năm 2019, lãi suất huy động các kì hạn ngắn dưới 6 tháng có mức dao động không quá lớn trong thậm chí giảm sau quyết định áp trần lãi suất huy động 5,0%/năm của NHNN. Đối với các kì hạn trên 6 tháng, lãi suất huy động nhìn chung ở mức tương đương cùng kì năm 2018. Trong khi đó, mặt bằng chung của lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019. Thậm chí lãi suất cho vay tối đa với một số lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được điều chỉnh giảm nhằm mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp³. Bước sang năm 2020, toàn bộ nền kinh tế thế giới đã bị ảnh hưởng sâu sắc từ

³ <https://vietnambiz.vn/du-bao-xu-huong-lai-suat-nam-2020-20191231120904726.htm>

dịch cúm COVID-19. Chính sách điều hành lãi suất để vượt qua suy thoái kinh tế đang là thách thức của các ngân hàng trung ương toàn cầu, trong đó có Việt Nam.

Đối với BWE, công ty có tỉ lệ Nợ vay/Tổng tài sản là 43%, trong đó vay các ngân hàng quốc doanh và chủ yếu từ Ngân hàng thế giới, Ngân hàng phát triển Châu Á, Quỹ Phát triển Bình Dương nên được hưởng mức lãi vay thấp. Đồng thời, Công ty cũng đang trong giai đoạn cơ cấu lại các khoản vay để giảm dần sự phụ thuộc vào các khoản vay tín dụng, tránh bớt các rủi ro có thể đến từ biến động lãi suất.

2. Rủi ro pháp lý

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên CTCP Nước – Môi trường Bình Dương chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh

Từ khi cổ phần hóa để chuyển đổi thành công ty cổ phần, BWE chưa từng tăng vốn điều lệ. Việc công ty mở rộng địa bàn hoạt động trong ngành sản xuất kinh doanh nước sạch, xử lý nước thải đòi hỏi đầu tư lớn để xây dựng các nhà máy mới nên kế hoạch tăng vốn điều lệ là điều nhất thiết và cần triển khai ngay. Mặc dù lượng cổ phiếu chào bán thêm khá lớn nhưng với mức giá bán có thể cao hơn mệnh giá sẽ đem lại cho Công ty nguồn thặng dư đủ để phục vụ cho các kế hoạch mở rộng trong tương lai. Từ đó sẽ mang lại dòng tiền và nguồn lợi nhuận ổn định cho Công ty và cổ đông.

4. Rủi ro đặc thù

4.1. Rủi ro về giá bán

Với đặc thù của ngành nghề kinh doanh nước sạch, giá bán nước sạch của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định và theo lộ trình 5 năm từ năm 2018-2022, trong khi đó giá nguyên, nhiên vật liệu đầu vào, tình trạng ô nhiễm nguồn nước ngầm có xu hướng tăng, địa bàn khu dân của tỉnh Bình Dương nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung... khiến cho chi phí sản xuất tăng cao. Giá bán chỉ được điều chỉnh thường kéo dài từ giai đoạn lập và trình các

cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt làm giảm tính linh hoạt trong cơ chế giá bán nước sạch của công ty. Điều đó dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác sản xuất và định hướng xây dựng kế hoạch kinh doanh của Công ty.

4.2. *Rủi ro về tỷ lệ thất thoát nước*

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nước sạch, tỷ lệ thất thoát nước luôn là mối quan tâm của Công ty. BWE có rủi ro đặc thù là thất thoát nước trong quá trình cung cấp nước sạch cho khách hàng, bao gồm khách hàng doanh nghiệp và các hộ gia đình. Do mạng lưới khách hàng rộng lớn và nhiều khách nhỏ lẻ, hệ thống đường ống nước phức tạp nên việc quản lý thất thoát nước khá khó khăn. Tuy nhiên, tỉ lệ thất thoát nước của BWE liên tục giảm qua các năm, cho thấy Công ty đang nỗ lực trong việc kiểm soát chi phí này.

4.3. *Rủi ro liên quan đến chất lượng nước đầu vào*

Công ty khai thác nguồn nước từ nước mặt Sông Sài Gòn và Sông Đồng Nai. Hàng năm vào mùa khô sông Sài Gòn khu vực hạ lưu chịu ảnh hưởng trực tiếp xâm nhập mặn, vào thời điểm mặn theo triều cường nếu chỉ số clorua vượt quá giới hạn cho phép bắt buộc phải ngừng khai thác nước.

5. *Rủi ro của Đợt chào bán cổ phiếu, của Dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán*

5.1. *Rủi ro của Đợt chào bán cổ phiếu*

Kế hoạch chào bán cổ phiếu của Công ty tiềm ẩn rủi ro không thành công khi Nhà đầu tư không thực hiện mua cổ phiếu đã đăng ký. Kết quả này phụ thuộc khá nhiều vào thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2020 và nội tại của cổ phiếu BWE.

- ✓ Đối với thị trường chung, thị trường chứng khoán Việt Nam chịu áp lực bán rất mạnh trong tuần từ 16-20/3 do tâm lý nhà đầu tư bị ảnh hưởng bởi tình hình phức tạp của dịch bệnh cùng với đó là diễn biến xấu đến từ thị trường chứng khoán Mỹ. Kết thúc tuần giao dịch, VN-Index đứng ở mức 709,43 điểm, tương ứng giảm 6,87% so với tuần trước. Như vậy, chỉ trong vòng 2 tuần vừa qua, VN-Index đã giảm đến 20,4%. Còn đối với HNX-Index, chỉ số này biến động không quá mạnh trong tuần và chỉ tăng nhẹ 0,4% lên 101,79 điểm.
- ✓ Đối với cổ phiếu BWE, giá giao dịch của cổ phiếu khá ổn định với lượng giao dịch rất thấp. Nguyên nhân là do các nhà đầu tư luôn nắm giữ dài hạn và có xu hướng mua thêm với kỳ vọng tích cực vào tiềm năng phát triển của Công ty.

Với những diễn biến tích cực trên, ĐHĐCĐ Công ty đã đồng thuận thông qua phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai tại HOSE. Trong trường hợp kết quả chào bán không đạt được như đề ra, Hội đồng Quản trị Công ty sẽ tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác và tìm kiếm các nguồn vốn khác để thực hiện các kế hoạch sử dụng vốn như đã được thông qua.

5.2. *Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán*

Mục đích của đợt chào bán là Bổ đắp vốn lưu động đã và sẽ sử dụng Đầu tư các Dự án đầu tư Cấp nước Khu Liên Hợp Bình Dương (Nhà máy nước Tân Hiệp) công suất 100.000m³/ngày đêm, Dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác, công suất 8.400 kg/giờ tại Khu liên hợp xử lý chất thải

rắn Nam Bình Dương, Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, xây dựng Trụ sở mới của Công ty và cho thuê kinh doanh tại khu thành phố mới Bình Dương, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa, Thanh toán đợt 1 tiền gốc trái phiếu BWEBOND2018.

Việc triển khai các dự án trên tiềm ẩn nhiều rủi ro như rủi ro chậm tiến độ, vận hành, khai thác.... Tuy nhiên, các dự án đều đã hoàn tất công tác nghiên cứu khả thi và bước đầu đã triển khai bằng nguồn vốn công ty và nguồn vốn vay tín dụng. Trên thực tế, các dự án này đều thuộc các lĩnh vực mà Công ty đang hoạt động nên đội ngũ Ban lãnh đạo giàu kinh nghiệm của Công ty hoàn toàn có thể chủ động điều chỉnh tiến độ, lựa chọn các nhà thầu xây dựng thi công có uy tín và tìm kiếm các nguồn vốn vay khác để triển khai dự án.

6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) rủi ro pha loãng EPS, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần và (ii) tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

(i) Rủi ro pha loãng EPS, rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loãng} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

EPS_{pha loãng}: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E: Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq}: Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau:

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

NVCSH: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Giả sử tỷ lệ thành công của đợt chào bán là 100% thì số lượng cổ phiếu chào bán thêm là 37.500.000 cổ phiếu. Dự kiến đợt chào bán được hoàn tất vào Quý III năm 2020. Do đó, chỉ tiêu

EPS của Công ty trong năm 2020 sẽ bị tác động như sau:

Bảng 1. Tác động của kế hoạch chào bán cổ phiếu đến chỉ tiêu EPS năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Ghi chú	Giá trị
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	triệu đồng	1	465.315
Nguồn vốn chủ sở hữu thời điểm 31/12/2019	triệu đồng	2	2.135.450
Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020	triệu đồng	3	470.000
Nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2020 (nếu không chào bán)	triệu đồng	4	2.425.450
Vốn điều lệ tăng thêm sau khi chào bán thành công	triệu đồng	5	375.000
Nguồn vốn chủ sở hữu dự kiến năm 2020 (nếu chào bán)	triệu đồng	6=4+5	2.800.450
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân năm 2019	triệu cổ phiếu	7	150
Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán	triệu cổ phiếu	8	37,5
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2019 (nếu không chào bán)	triệu cổ phiếu	9	150,0
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân dự kiến năm 2020 (sau khi chào bán)	triệu cổ phiếu	10	156,3
Tổng số lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến năm 2020 (sau khi chào bán)	triệu cổ phiếu	11=7+8	187,5
EPS năm 2019	đồng/cổ phiếu	12=1/7	3.102
EPS dự kiến năm 2020 (nếu không chào bán)	đồng/cổ phiếu	13=3/7	3.133
EPS dự kiến năm 2020 (sau khi chào bán)	đồng/cổ phiếu	14=3/10	3.008
Giá trị sổ sách cổ phần tại 31/12/2019	đồng/cổ phiếu	15=2/7	14.236
Giá trị sổ sách cổ phần dự kiến tại 31/12/2020 (không chào bán)	đồng/cổ phiếu	16=4/7	16.170
Giá trị sổ sách cổ phần dự kiến tại 31/12/2020 (sau khi chào bán)	đồng/cổ phiếu	17=6/11	14.940

(ii) Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Trong đợt chào bán tăng vốn điều lệ, Công ty thực hiện đấu giá cổ phiếu cho nhà đầu tư bao gồm cổ đông hiện hữu. Do đó, các cổ đông hiện hữu không được tham gia mua sẽ tự động bị giảm tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu và quyền biểu quyết tương ứng.

7. Rủi ro quản trị công ty

Trong bất kỳ ngành nghề kinh doanh nào, việc lựa chọn cơ cấu quản trị, cơ cấu tổ chức quản trị

rủi ro phù hợp là nền tảng quan trọng trong chiến lược quản trị rủi ro của doanh nghiệp. Tùy vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp mà khung quản trị rủi ro cần được xây dựng phù hợp với chiến lược của doanh nghiệp. Do vậy doanh nghiệp cần quan tâm từ những vấn đề cơ bản nhất để có thể tìm ra giải pháp hữu hiệu, giảm thiểu tối đa rủi ro cho doanh nghiệp.

Rủi ro quản trị công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn tới sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Rủi ro quản trị có thể xuất phát từ nguyên nhân chủ quan (sai sót của cấp quản lý do năng lực) và khách quan (biến động thị trường, thay đổi văn bản luật) gây tác động trực tiếp tới công tác quản trị tài chính, năng suất lao động... Do vậy, bất kỳ doanh nghiệp nào cũng cần phải có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các rủi ro này để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động quản trị.

Đối với CTCP Nước – Môi trường Bình Dương, để hạn chế đến mức thấp nhất rủi ro này, Công ty luôn chuẩn bị các kế hoạch rà soát chính sách, quy trình nội bộ ... để đảm bảo mọi quyết định, hoạt động của các cấp quản lý luôn chính xác, đạt được mục tiêu chung của Công ty. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty còn hợp tác với đơn vị tư vấn có uy tín để có được sự hỗ trợ tốt nhất trong việc cập nhật đầy đủ sự thay đổi của các văn bản luật, giúp Ban lãnh đạo đưa ra quyết định chính xác, đảm bảo lợi ích của Công ty.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Ban quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được ĐHĐCĐ thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

8. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai (bão, lũ...) sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

Ông	Nguyễn Văn Thiện	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Trần Chiến Công	Tổng giám đốc
Ông	Trần Tấn Đức	Kế toán trưởng
Bà	Dương Anh Thư	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Bà	Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính
		Người đại diện theo pháp luật

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
Biwase:	Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương
BKS:	Ban Kiểm soát
CBCNV:	Cán bộ công nhân viên
CMND:	Chứng minh nhân dân
CNĐKDN:	Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CNĐKKD:	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
Công ty/BWE:	Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương
CTCP:	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ:	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ:	Điều lệ Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
DTT:	Doanh thu thuần
GVHB:	Giá vốn hàng bán
HĐQT:	Hội đồng Quản trị
LNG:	Lợi nhuận gộp
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước
SGDCK:	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KH&ĐT:	Sở Kế hoạch & Đầu tư
SXKD:	Sản xuất kinh doanh
Thuế GTGT:	Thuế giá trị gia tăng

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp

TNHH: Trách nhiệm hữu hạn

TP: Thành phố

TSLĐ: Tài sản lưu động

TTCK: Thị trường Chứng khoán

TTLKCK: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

UBCKNN: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước

VCSH: Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1 Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tên giao dịch quốc tế : Binh Duong Water Environment Joint Stock Company

Tên viết tắt : BIWASE

Trụ sở chính : Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại : (84-27) 4382 4245

Fax : (84-27) 4389 7722

Giấy CNĐKKD : Số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 12/04/2019

Vốn điều lệ đăng ký : 1.500.000.000.000 (Một nghìn năm trăm tỷ) đồng

Vốn thực góp : 1.500.000.000.000 (Một nghìn năm trăm tỷ) đồng

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy CNĐKKD số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 07/02/2006 và thay đổi lần thứ 13 ngày 12/04/2019, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Mã ngành	Tên ngành nghề ĐKDN
4799	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ vật tư, thiết bị, dụng cụ và làm dịch vụ chuyên ngành nước, môi trường.
3811	Thu gom rác thải không độc hại
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác
3830	Tái chế phế liệu
3812	Thu gom rác thải độc hại

3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3822	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Gia công cơ khí (trừ xi mạ và tráng phủ kim loại)
4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ); - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; - Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; - Thiết kế cấp thoát nước; - Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: cấp thoát nước; - Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình; - Dịch vụ khoan thăm dò, điều tra khảo sát và khai thác nước ngầm.
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (trừ hoạt động bãi cát).
3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.
3700	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước.
7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô.
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
3530	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá

	Chi tiết: Sản xuất nước đá.
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (không chứa, phân loại, xử lý và tái chế tại trụ sở; Trừ kinh doanh các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường); - Bán buôn vật tư ngành nước. - Bán buôn khăn giấy ướt, đồ bảo hộ lao động, vật tư vệ sinh
7020	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thực hiện thẩm định thiết kế, dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình.
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về môi trường.
8559	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng (Chỉ được hoạt động khi đáp ứng các quy định của pháp luật về giáo dục)
7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.
7820	Cung ứng lao động tạm thời (Chỉ hoạt động khi có giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm. Trừ xuất khẩu lao động)
7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chỉ hoạt động khi có giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm. Trừ xuất khẩu lao động)
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng.
4321	Lắp đặt hệ thống điện

	Chi tiết: Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp 35KV, hệ thống chiếu sáng công cộng.
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Dịch vụ nạo vét cống rãnh, bể phốt, hút hầm cầu, rửa đường.
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây.
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân compost.
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn văn phòng phẩm
4761	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm
4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh
4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn quả tươi, đông lạnh và chế biến, nước ép quả
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn (bia, rượu) và không cồn (coca cola, pepsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác; nước ngọt khác đóng chai, đóng lon, nước khoáng thiên nhiên, nước tinh khiết đóng chai
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng

4322 (Chính)	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước
4789	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, đồ thờ cúng, vàng mã và hàng hóa phục vụ cho mục đích tín ngưỡng khác; hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh (chổi, bài chải, giẻ lau...)
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh.
4101	Xây dựng nhà để ở
4102	Xây dựng nhà không để ở
4212	Xây dựng công trình đường bộ
4229	Xây dựng công trình công ích khác - Quản lý, khai thác và kinh doanh các dịch vụ từ công trình thủy lợi; - Thi công xây dựng, sửa chữa công trình thủy lợi, các công trình xử lý nước thải, môi trường
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
8531	Đào tạo sơ cấp chi tiết: Đào tạo sơ cấp nghề

1.3 Quá trình hình thành và phát triển:

Giai đoạn trước năm 1975:

Theo tài liệu để lại có ghi: hệ thống cấp nước Thủ Dầu Một có từ năm 1901 do Pháp xây dựng, hệ thống được phát triển qua nhiều thời kỳ, nguồn nước khai thác chủ yếu là nguồn nước ngầm khai thác từ độ sâu 50m – 70m.

Trước 30/4/1975: Công ty có tên là "Trung Tâm Cấp Thủy Bình Dương" trực thuộc Ty Giao thông Công chánh, với 5 trạm bơm nước ngầm: Ty Công An, Ngô Quyền, Cầu Ông Đình, Yersin và Gò Đậu, công suất 2.000 m³/ngày đêm. Trụ sở đặt tại phường Phú Cường (Đường Quang Trung gần văn phòng UBND TP. Thủ Dầu Một ngày nay).

Giai đoạn 1975 – 1990:

Ngày 8/5/1976: Trung tâm Cấp thủy được đổi tên là Xí nghiệp Cấp nước trực thuộc quản lý chỉ đạo của Ty Xây dựng tỉnh Sông Bé theo Quyết định số 94/QĐ-UB ngày



8/5/1976 của Ủy ban Nhân dân cách mạng tỉnh Sông. Văn phòng đặt tại đường Yersin, phường Phú Cường

Ngày 22/3/1979: Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 43/QĐ-TC thành lập "Xí nghiệp Điện, Nước, Nhà ở và Công trình công cộng" trực thuộc Ty Xây dựng Sông Bé (sau gọi là Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé). Xí nghiệp là đơn vị kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng được mở tài khoản tại ngân hàng và được quan hệ với các ngành địa phương. Xí nghiệp có trụ sở văn phòng đặt tại phường Phú Hòa (nay là số 11 - Ngõ Văn Trị - phường Phú Lợi – TP. Thủ Dầu Một).

Ngày 14/7/1988: Chủ tịch UBND Tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 31/QĐ-UB, cho phép chuyển Xí nghiệp Điện, Nước, Nhà ở và Công trình công cộng thuộc Sở Xây dựng Sông Bé về trực thuộc UBND thị xã Thủ Dầu Một kể từ tháng 10/1988.

Năm 1976 – Xây dựng thêm 13 trạm bơm mới: Bến Bắc, Nam Sanh, Kiểm Lâm, Phú
1990: Thuận, Phú Hòa, Mũi Tàu, Ngô Chí Quốc, Tỉnh Đới, Hoàng Hoa Thám, Trung Vương, Yersin II, Cầu ông Đành II, Gò Đậu II với tổng công suất 5.000m³/ngày đêm.

Giai đoạn 1991 – 2000:

Ngày 12/3/1991: Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 08/QĐ-UB, chuyển Xí nghiệp Điện, Nước, Nhà ở và Công trình công cộng thuộc UBND thị xã Thủ Dầu Một về trực thuộc lại Sở Xây dựng tỉnh Sông Bé và đổi tên xí nghiệp thành "Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé" kể từ tháng 3/1991.

Ngày 15/10/1992: Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé ký Quyết định Quyết định số 83/QĐ-UB, về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước Xí nghiệp Cấp nước tỉnh Sông Bé. Doanh nghiệp được hạch toán độc lập, có con dấu riêng và chịu sự chỉ đạo, quản lý của UBND tỉnh Sông Bé. Sở Xây dựng giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước theo ngành kinh tế kỹ thuật đối với xí nghiệp.

Năm 1996: Xí nghiệp bắt đầu một giai đoạn phát triển mạnh mẽ sau khi được UBND tỉnh Sông Bé đầu tư cho một nhà máy tập trung với công suất giai đoạn I - 7.500m³/ngày đêm thay thế cho nguồn nước ngầm. Đây cũng là thời điểm các nhà đầu tư chuẩn bị vào Bình Dương đầu tư phát triển công nghiệp và các lĩnh vực khác.

Ngày 11/4/1996: Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 1468/QĐ-UB, về việc Xí nghiệp Cấp nước Sông Bé” đổi tên thành “Công ty Cấp nước Sông Bé”.

Ngày 29/5/1996: Chủ tịch UBND tỉnh Sông Bé ký Quyết định số 1981/QĐ-UB về việc bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Thiên - Phó Giám đốc xí nghiệp cấp nước giữ chức vụ Giám đốc công ty Cấp nước Sông Bé.



- Ngày 01/01/1997: Tỉnh Bình Dương được tái lập (từ tỉnh Sông Bé tách ra làm 2 tỉnh Bình Dương và Bình Phước). Để phù hợp với hoàn cảnh tình hình hiện tại, Công ty Cấp nước tỉnh Sông Bé được đổi tên thành Công ty Cấp nước tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 290/QĐ-UB ngày 31/01/1997 của UBND tỉnh Bình Dương.
- Ngày 26/4/1997: Khánh thành đưa vào hoạt động nhà máy nước mặt thị xã Thủ Dầu Một công suất 21.600m³/ngày đêm.
- Tháng 5/1997: Công ty Cấp nước được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích theo Quyết định số 1315/QĐ-UB ngày 29/4/1994.
- Tháng 01/1998: Công ty Cấp nước tỉnh Bình Dương đổi tên thành Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương theo Quyết định số 4519/QĐ-UB ngày 30/12/1997. Công ty là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, chịu sự chỉ đạo và quản lý mọi mặt của UBND tỉnh Bình Dương. Sở Xây dựng giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước theo ngành nghề kinh tế kỹ thuật đối với công ty.
- Công suất cấp nước: 20.000 m³/ngày đêm.
- Tỷ lệ thất thoát cao nhất trong giai đoạn này là 60% (năm 1997). Đến năm 2000 tỷ lệ thất thoát giảm còn 51,22%.

Giai đoạn 2001 – 2004:

- Ngày 22/12/2003: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ký Quyết định số 5498/QĐ-UB về việc bổ nhiệm lại đồng chí Nguyễn Văn Thiện giữ chức Giám đốc công ty Cấp nước kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án Cấp thoát nước – Môi Trường.
- Ngày 27/8/2004: Triển khai thi công Dự án cấp nước Dĩ An, Công ty thành lập 04 Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cấp nước Dĩ An (Quyết định số 684/QĐ-CTN ngày 17/8/2004), Xí nghiệp Cấp nước Thủ Dầu Một (Quyết định số 726/QĐ-CTN ngày 27/8/2004), Xí nghiệp Xử lý và chế biến rác thải Nam Bình Dương (Quyết định số 745/QĐ-CTN ngày 31/8/2004), Xí nghiệp QLKT Thủy Lợi (trên cơ sở sáp nhập đơn vị Thủy lợi về Biwase quản lý) (Quyết định số 674/QĐ-CTN ngày 16/8/2004) và các Ban quản lý dự án.
- Công suất cấp nước sạch đến 2004: 60.000 m³/ngày đêm, cung cấp cho trên 10.000 đầu nôi khách hàng.
- Tỷ lệ thất thoát nước đến năm 2004: 28,88% (mỗi năm giảm gần 10%).

Giai đoạn 2005 - 2009:

- Ngày 19/7/2005: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ký Quyết định số 135/2005/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương thành Công ty TNHH Một Thành Viên.



Ngày 21/12/2005: Thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp, UBND tỉnh Bình Dương ký Quyết định số 6547/QĐ-UBND phê duyệt phương án chuyển đổi, điều lệ tổ chức hoạt động và chuyển tên Công ty Cấp Thoát Nước Bình Dương thành Công ty TNHH 1 Thành Viên Cấp Thoát Nước - Môi Trường Bình Dương với tên viết tắt là Công ty TNHH Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương.

Năm 2006: Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ký Quyết định số 103/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Thiện - Giám đốc công ty Cấp thoát nước giữ chức Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi Trường Bình Dương.

Góp vốn và là cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa – Hoa viên Nghĩa trang Bình Dương.

Ngày 10/9/2007: Đây là giai đoạn phát triển mạnh mẽ và đa dạng ngành nghề, trong giai đoạn này Công ty triển khai các dự án: Cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Khu xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, nhà máy nước Tân Hiệp – Bình Dương, Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương. Công ty quyết định thành lập thêm 04 xí nghiệp trực thuộc: XN Tư vấn Cấp thoát nước (Quyết định số 1028/QĐ-CTN ngày 18/7/2005), XNCN Khu liên hợp (Quyết định số 180/QĐ-CTN ngày 28/02/2006), XN Xây Lắp (Quyết định số 185/QĐ-CTN ngày 28/02/2006), XN Công trình Đô thị (Quyết định số 685/QĐ-CTN.MT ngày 11/6/2008), và thành lập 03 Ban quản lý Dự án đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển các loại hình dịch vụ của công ty nói riêng và tỉnh Bình Dương nói chung (tổng đến thời điểm này là 08 xí nghiệp trực thuộc). Chức năng, nhiệm vụ chính: kinh doanh trong các lĩnh vực cấp và thoát nước đô thị; quản lý và khai thác thủy lợi; thu gom và xử lý chất thải – nước thải; tư vấn thiết kế, lập dự toán, dự án các công trình cấp thoát nước; kinh doanh dịch vụ chuyên ngành. Doanh thu tăng trưởng hàng năm: 30%.

Công suất cấp nước sạch: 150.000 m³/ngày đêm.

Tỷ lệ thất thoát nước đến 2009: 11,5%.

Lượng rác tiếp nhận và xử lý: 400 tấn/ngày và đưa vào vận hành nhà máy xử lý nước rỉ rác 450 m³/ngày.

Cho ra đời phân xưởng với sản phẩm mới: nước đóng chai.

Năm 2008: Công ty thành lập TTĐT và Nâng cao nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao năng lực cho CBCNV.

Giai đoạn 2010 – 2014:

Ngày 01/6/2010: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bình Dương ký Quyết định số 1609/QĐ-UBND về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về vốn của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương



(Biwase) cho Tổng công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp TNHH Một thành viên (Becamex IDC).

Ngày 21/9/2010: Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTC (BECAMEX IDC) ký Quyết định số 147/2010/QĐ-TC về việc bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Thiên – giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi Trường Bình Dương.

Chủ tịch Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp TNHH MTC (BECAMEX IDC) ký Quyết định số 151/2010/QĐ-TC về việc giao vốn chủ sở hữu về cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi Trường Bình Dương.

Trên đà phát triển, Công ty tiếp tục triển khai dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng, Dự án cấp nước khu đô thị Mỹ Phước, thành lập thêm 02 xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Cấp nước Tân Uyên (Quyết định số 1280/QĐ-CTN.MT ngày 26/9/2011 – Đổi tên Cụm Nhà máy nước Tân Uyên thành Xí nghiệp Cấp nước Tân Uyên – kể từ ngày 01/10/2011) và Xí nghiệp Xử lý nước thải Thủ Dầu Một (Quyết định số 1044/QĐ-CTN.MT ngày 15/10/2012 – Thành lập XN Xử lý nước thải Thủ Dầu Một) đưa tổng số đơn vị trực thuộc lên 10 xí nghiệp, 03 nhà máy nước huyện, 12 Phòng – Ban và Trung tâm.

Năm 2013: Khánh thành Khu liên hợp Xử lý chất thải Nam Bình Dương và đưa vào hoạt động Nhà máy phân compost 420 tấn/ngày; khánh thành đưa vào hoạt động nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một.

Năm 2014: Góp vốn và là cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một, khánh thành đưa vào hoạt động NMN Nam Thủ Dầu Một mở rộng – Dĩ An 2, công suất 50.000 m³/ngày đêm và NMN Khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước (30.000 m³/ ngày đêm).

Công suất cấp nước sạch: 300.000 m³/ngày đêm.

Tỷ lệ thất thoát nước đến 2014 là: 7,63%.

Lượng rác tiếp nhận và xử lý: 1.120 tấn/ngày, xử lý nước rỉ rác: 928 m³/ngày.

Đầu nổi xử lý nước thải sinh hoạt: khoảng 5.000m³/ngày đêm.

Giai đoạn 2015 – nay:

Khởi công xây dựng Nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại thị xã Thuận An (công suất 15.000 m³/ngày đêm), triển khai giai đoạn 3 – nhà máy xử lý nước thải khu vực Dĩ An

Triển khai các Dự án về Cấp thoát nước – Môi trường.

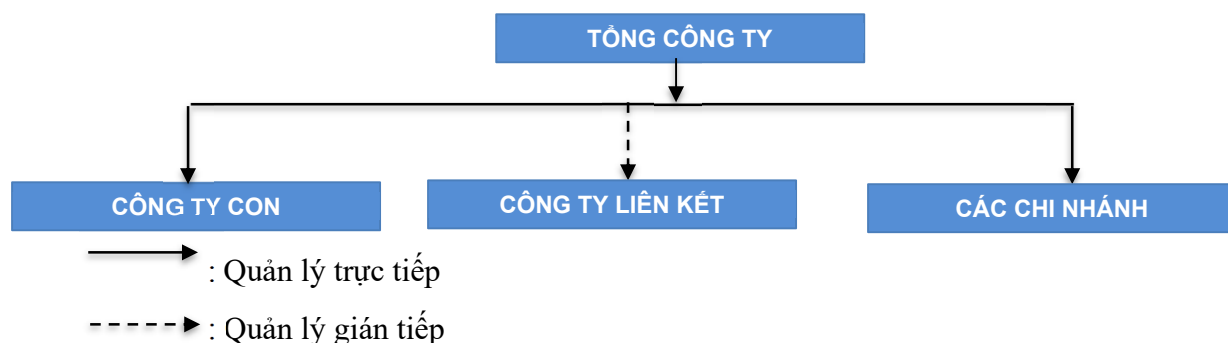
- Năm 2016: Chấp hành Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần
Quyết định số 4295/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương về việc cổ phần Công ty TNHH MTV CTN-MT Bình Dương thuộc Tổng Công ty DT&PTCN TNHH MTV (Becamex IDC)
- Ngày 30/9/2016: Công ty trở thành công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương với vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ vốn nhà nước tham gia 51% và vốn tư nhân 49% vốn điều lệ
- Ngày 22/9/2017 Thoái vốn nhà nước lần 1- năm 2017: tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nước - Môi Trường Bình Dương từ 51% giảm còn 41% vốn điều lệ. Số cổ phần bán ra 15.000.000 cổ phần, Số lượng cổ phiếu nhà nước nắm giữ sau đợt thoái vốn 61.500.000 cổ phần, chiếm 41% vốn điều lệ.
Thoái vốn nhà nước lần 2- năm 2019: tỷ lệ nắm giữ vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Nước - Môi Trường Bình Dương từ 41% giảm còn 25% vốn điều lệ. Số cổ phần bán ra 24.000.000 cổ phần. Số lượng cổ phiếu nhà nước nắm giữ sau đợt thoái vốn 37.500.000 cổ phần, hiện tại vốn nhà nước chiếm 25% vốn điều lệ.
- Ngày 7/3/2019

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ thời điểm cổ phần hóa để chuyển đổi từ Công ty Trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần cho đến năm 2020, Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương chưa từng tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ của Công ty hiện nay là 1.500.000.000.000 đồng, tương đương 150.000.000 cổ phiếu đã chào bán.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Hiện tại, CTCP Nước – Môi trường Bình Dương được tổ chức và hoạt động theo mô hình sau:



Trụ sở Công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương

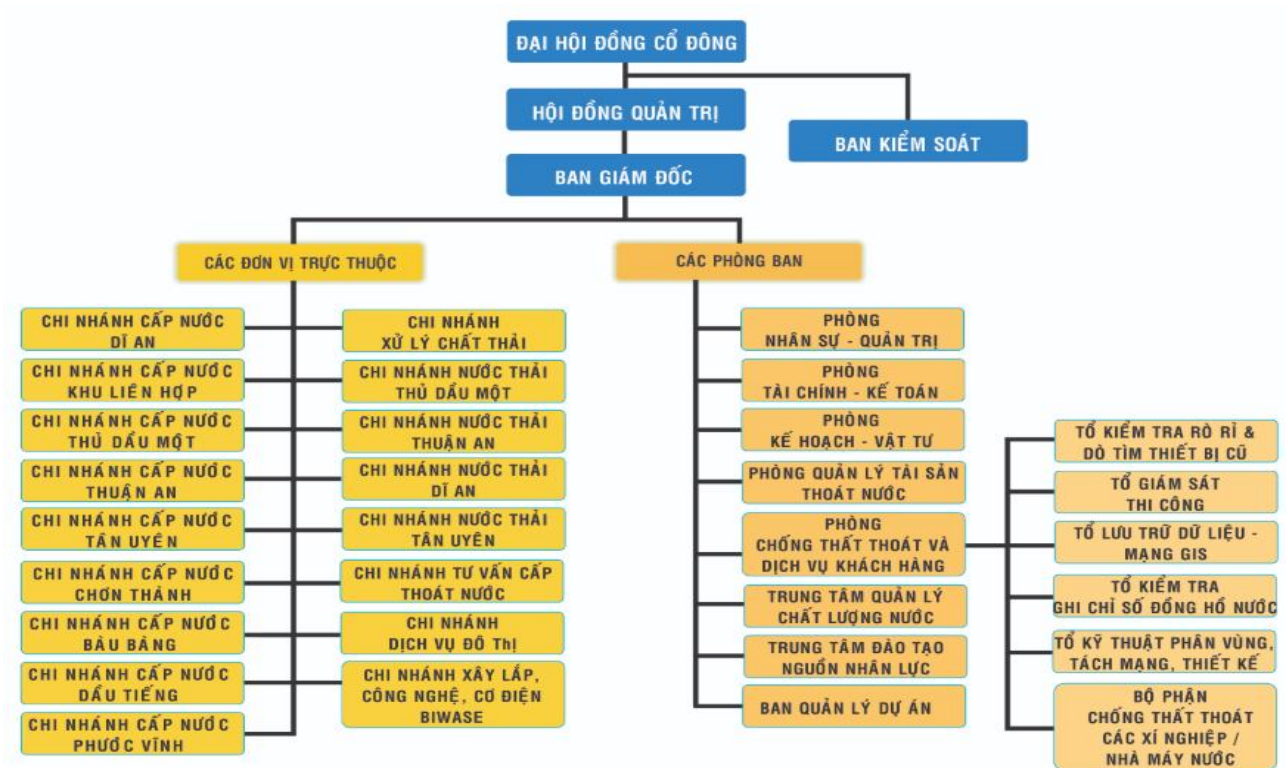
Công ty con: Công ty Cổ phần Tái chế Vật liệu Xanh

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 3. Cơ cấu bộ máy quản lý CTCP Nước – Môi trường Bình Dương



❖ ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương bao gồm 07 thành viên:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Thiện | Chủ tịch HĐQT (điều hành) |
| 2. Ông Trần Chiến Công | Thành viên HĐQT (điều hành) |

3.	Ông Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT (điều hành)
4.	Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT (không điều hành)
5.	Ông Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT (không điều hành)
6.	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT (không điều hành)
7.	Ông Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT (không điều hành)

❖ **Ban Kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của HĐQT, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc, trong ghi chép sổ sách kế toán và BCTC của Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

1.	Bà Dương Anh Thu	Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Bà Nguyễn Kim Liên	Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Ông Nguyễn Đức Bảo	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng Giám đốc của Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương bao gồm:

1.	Ông Trần Chiến Công	Tổng Giám đốc
2.	Ông Dương Hoàng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Phạm Thanh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Ngô Văn Lui	Phó Tổng Giám đốc
5.	Ông Trần Tấn Đức	Kế toán trưởng

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

• ***Phòng Nhân sự – Quản Trị***

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy của Công ty, bố trí nhân sự phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty.
- Quản lý các tài sản khác ngoài Nhà máy Nước.
- Tham mưu soạn thảo nội quy/ thỏa ước của Công ty, đồng thời theo dõi, rà soát việc thực hiện nội quy/ các thỏa ước được duyệt, thực hiện công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, vệ sinh lao động của Công ty và các bộ phận trực thuộc; kết hợp công tác đối ngoại và phối hợp với các bộ phận, đơn vị có liên quan để thực hiện các công tác này.
- Thực hiện và xây dựng các kế hoạch hội họp, xây dựng lịch công tác của Công ty theo từng tháng, chuẩn bị địa điểm, tài liệu về các cơ sở vật chất khác cho các cuộc hội họp của Công ty. Trực tiếp ghi biên bản, hoàn chỉnh và trình ký đồng thời triển khai nội dung đến các bộ phận lưu giữ.
- Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, an ninh và các công tác khác, được phát biểu ý kiến trên tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quản lý hồ sơ, lý lịch công nhân viên toàn Công ty, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước và theo quy định của Công ty.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc Công ty về quy hoạch cán bộ, xây dựng các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên; tiếp nhận hồ sơ xin việc, nghiên cứu tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về việc đề bạt, phân công cán bộ quản lý của Công ty và các bộ phận trực thuộc theo phân cấp.
- Quản lý lao động tiền lương của cán bộ công nhân viên, phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán xây dựng Tổng Quỹ lương và phân bổ quỹ lương, tiền thưởng Công ty và các bộ phận trực thuộc.

• ***Phòng Tài chính – Kế toán***

- Lập các báo cáo tài chính và quyết toán tài chính theo quy định. Báo cáo cho Ban Tổng Giám đốc kết quả sản xuất kinh doanh của toàn Công ty và các bộ phận trực thuộc theo tháng, quý, 6 tháng, năm để giúp Ban Tổng Giám đốc nắm chắc nguồn vốn, lãi, lỗ và các tình hình tài chính của Công ty.
- Lập kế hoạch tài chính năm, cân đối nguồn vốn.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc phát triển sử dụng có hiệu quả và chịu trách nhiệm quản lý vốn, thu hồi vốn.
- Tham gia tính toán hiệu quả các chương trình đầu tư của công ty để tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc.
- Giám sát, hướng dẫn và đôn đốc về mặt nghiệp vụ tài chính đối với các bộ phận trực

thuộc.

- Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty.
 - Tổ chức hạch toán, kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng luật kế toán thống kê của Nhà nước.
 - Tổ chức thu hồi công nợ đạt hiệu quả tốt nhất.
 - Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty.
 - Lập kế hoạch, trình và tổ chức thực hiện chiến lược kinh doanh trên các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Đề xuất phương án kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.
 - Tổ chức thực hiện phương án và tìm kiếm thị trường cho từng loại hình kinh doanh.
 - Soạn thảo hợp đồng kinh tế với khách hàng theo từng lĩnh vực kinh doanh.
 - Lập kế hoạch tổ chức thực hiện tìm các dự án, phối hợp cùng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật tính toán và tham gia dự thầu các dự án phù hợp với chức năng hoạt động của Công ty.
 - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về công tác sản xuất kinh doanh và có quyền có ý kiến trên tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kế hoạch – Vật tư**
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong lĩnh vực định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tính toán các chương trình đầu tư, kinh doanh của Công ty.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình thị trường liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nghiên cứu thị trường, đề xuất để mở rộng địa bàn hoạt động của Công ty.
 - Lập kế hoạch – lên báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ. Giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc các biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra.
 - Lập và theo dõi tình hình thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng giao nhận thầu thi công, các hợp đồng liên doanh, liên kết, các hợp đồng giao việc trong nội bộ Công ty.
 - Tổ chức thực hiện hoặc thuê các đơn vị có chức năng thiết lập: dự toán, hồ sơ pháp lý liên quan đến các dự án và các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành về xây dựng cơ bản; lập trình duyệt các dự án đầu tư, quyết định giao đất, giấy phép xây dựng, giấy phép khai thác nước mặt.

- Nghiên cứu, đề xuất các phương án kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật có hiệu quả cao nhất trong đầu tư.
 - Tổ chức thực hiện hoặc tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc chọn đơn vị tư vấn về quản lý xây dựng, khảo sát thiết kế, giao nhận và tổ chức thi công các công trình đầu tư của Công ty.
 - Khảo sát thiết kế, lập dự toán cho các công trình, hạng mục công trình xây lắp, điện nước, trang thiết bị thuộc các dự án đầu tư của Công ty.
 - Kiểm tra hồ sơ thiết kế, dự toán, giám sát kỹ thuật thi công, quyết toán, hoàn công của các hạng mục, công trình đầu tư của Công ty.
 - Quản lý chất lượng công trình, lưu trữ hồ sơ quản lý chất lượng hạng mục công trình; đề xuất với Ban Tổng Giám đốc các biện pháp kỹ thuật đối với các sự cố trong quá trình thi công.
 - Tổ chức nghiệm thu, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.
 - Chịu trách nhiệm trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến công nghệ trong lĩnh vực thi công, lĩnh vực trang thiết bị, công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động.
 - Quản lý, lưu trữ và phổ biến các hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị sử dụng hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ máy móc thiết bị, quy trình vận hành và các hồ sơ khác có liên quan.
 - Tiếp nhận chuyển giao và quản lý các quy trình vận hành thiết bị, công nghệ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật.
 - Được mời tham dự các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và được phát biểu ý kiến về mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng chống thất thoát và dịch vụ khách hàng**
 - Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý khách hàng sử dụng nước toàn Công ty:
 - ✓ Trực tiếp nhận các báo cáo về tình hình khách hàng, kết quả hoạt động của các đơn vị cấp nước trong tháng thông qua các chương trình quản lý bằng công nghệ thông tin. Từ đó phân tích các số liệu, báo cáo Tổng giám đốc về tình hình sản xuất nước của từng đơn vị hàng tháng và định kỳ theo quy định của Công ty.
 - ✓ Xác định được các nhóm khách hàng cần thiết theo từng loại tiêu chí để giúp đơn vị kiểm tra đánh giá chính xác mức độ sử dụng nước của khách hàng và tình hình thất thoát trên mạng lưới cấp nước. In ấn hóa đơn tiền nước, lập báo cáo tổng hợp về Doanh thu, sản lượng, chi phí điện của các đơn vị và toàn Công ty trong tháng.
 - ✓ Trực tiếp cùng các đơn vị kiểm tra, xác định đúng số liệu ghi chép, đo đếm ở cơ sở (nếu cần). Từ đó, xác định đúng nguyên nhân và yêu cầu đơn vị khắc phục các sai sót.

- ✓ Theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện công tác chuyên môn ở các đơn vị sản xuất. Kịp thời có kế hoạch giúp đỡ, khắc phục các điểm còn hạn chế (nếu có) của từng đơn vị về thiết bị cũng như đào tạo chuyên môn cho nhân viên.
- Tham mưu giúp Tổng giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước:
 - ✓ Áp dụng công nghệ thông tin để trực tiếp theo dõi và hướng dẫn đơn vị cấp nước quản lý chặt chẽ và khoa học toàn bộ đồng hồ trên mạng lưới. Trên cơ sở phân tích sẽ đánh giá chính xác thực trạng của toàn bộ đồng hồ đo nước đang hoạt động làm căn cứ để Công ty có kế hoạch mua sắm thay thế và bảo hành đồng hồ.
 - ✓ Lập kế hoạch mua mới, theo dõi xuất nhập và sử dụng đồng hồ của tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.
 - ✓ Căn cứ kế hoạch hàng năm của Công ty, Phòng kết hợp với các đơn vị lựa chọn các đồng hồ cần thiết đưa vào kiểm định để đạt hiệu quả.
 - ✓ Bố trí nhân lực vận hành dây chuyền kiểm định đồng hồ hoạt động có hiệu quả cao.
- ***Trung tâm quản lý chất lượng nước***
 - Trình Tổng Giám đốc chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ năm năm và hàng năm về điều tra, đánh giá chất lượng nguồn nước; phân tích, thí nghiệm chất lượng nước; xử lý, cải tạo, phục hồi và bảo vệ các nguồn nước; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
 - Điều tra, đánh giá chất lượng nguồn nước.
 - Phân tích, thí nghiệm chất lượng nước.
 - Xử lý, cải tạo, phục hồi các nguồn nước.
 - Đề xuất các đề tài, giải pháp khoa học, công nghệ trong lĩnh vực điều tra, đánh giá và bảo vệ chất lượng các nguồn nước; tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.
- ***Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực***
 - Tổ chức khảo sát, nghiên cứu năng lực, quy mô đào tạo nhân lực của Công ty.
 - Xây dựng các báo cáo đánh giá định kỳ về nguồn nhân lực
 - Tổ chức các buổi đào tạo để bổ sung, cập nhật các quy định kiến thức mới về ngành nghề mà Công ty đang hoạt động.
 - Kiểm tra trình độ của cán bộ công nhân viên để từ đó tăng cường những kỹ năng còn thiếu.

❖ **Các đơn vị trực thuộc**

- ***Chi nhánh cấp nước Dĩ An***

Địa chỉ: 369B/1 KP 1A - Phường An Phú - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: +84-274-3714 289 Fax: +84-274-3713 136

Được thành lập vào ngày 17/08/2004, là chi nhánh cấp nước đầu tiên của BIWASE đi đầu trong việc ứng dụng những công nghệ mới vào sản xuất, cung cấp nước sạch. Công suất cấp nước hiện tại là 190.000 m³/ngày đêm.

Phạm vi dịch vụ: Thị xã Dĩ An và Thuận An. Các KDC, KCN trên địa bàn thị xã Dĩ An, thị xã Thuận An

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch, Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước, Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà.

- ***Chi nhánh Cấp nước Khu Liên Hợp***

Địa chỉ: 303 Đường số 85 - Kp. Tân Phú - P. Tân Hiệp - Tx. Tân Uyên - T. Bình Dương
Điện thoại: +84-274-3861106 Fax: +84-274-3861105

Được thành lập vào ngày 28/02/2006. Công suất cấp nước hiện tại là 120.000 m³/ngày đêm. Các khu công nghiệp và khu tái định cư trong khu Liên Hợp – Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương. Các KCN Mỹ Phước 1, 2, 3 và 4; KCN An Tây và Bàu Bàng.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- ***Chi nhánh Cấp nước Thủ Dầu Một***

Địa chỉ: Số 11, Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: +84-274-3822 422 Fax: +84-274-3827 738

Được thành lập vào ngày 27/08/2004, là Chi nhánh Cấp nước được xây dựng đầu tiên của BIWASE. Công suất cấp nước hiện tại là 35.000 m³/ngày đêm.

Phạm vi dịch vụ: Thị xã Thủ Dầu Một, Một phần thị xã Thuận An, Các KDC và KCN trên địa bàn thị xã Thủ Dầu Một, Thuận An.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch, Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- ***Chi nhánh Cấp nước Thuận An***

Địa chỉ: 09 Đại lộ Bình Dương, P. Vĩnh Phú, Tx. Thuận An, T. Bình Dương
Điện thoại: +84-274-3785 985 Fax: +84-274-3827 801

Được thành lập vào ngày 02/01/2016. Công suất cấp nước hiện tại là 47.000 m³/ngày đêm.

Phạm vi dịch vụ: Thành phố Thủ Dầu Một, Một phần thị xã Thuận An, Các KDC và KCN trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một, Thuận An.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch, Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- ***Chi nhánh Cấp nước Tân Uyên***

Địa chỉ: Đường D3 – KCN Nam Tân Uyên – Huyện Tân Uyên – Tỉnh Bình Dương
Điện thoại: +84-274-3653211 Fax: +84-274-3652 939

Được thành lập vào ngày 02/05/2010. Công suất cấp nước hiện tại là 30.000 m³/ngày đêm.

Phạm vi dịch vụ: Khu công nghiệp Nam Tân Uyên và các vùng phụ cận.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- ***Chi nhánh Cấp nước Chơn Thành***

Địa chỉ: Ấp Mỹ Hưng - Xã Thành Tâm - Huyện Chơn Thành - Tỉnh Bình Phước
Điện thoại: +84-271-3691 568

Được thành lập vào ngày 25/10/2016. Công suất cấp nước hiện tại là 15.000 m³/ngày đêm.

Phạm vi dịch vụ: Huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- **Chi nhánh Cấp nước Bàu Bàng**

Địa chỉ: Đường N25 KCN Bàu Bàng - Huyện Bàu Bàng - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: 0274.3912696

Công suất cấp nước hiện tại là 30.000 m³/ngày đêm

Phạm vi dịch vụ: Khu công nghiệp Bàu Bàng và các vùng phụ cận.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- **Chi nhánh Cấp nước Dầu Tiếng**

Địa chỉ: Khu phố 4B - TT Dầu Tiếng – Huyện Dầu Tiếng – Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3521 055

Chi nhánh Cấp nước có công suất hiện tại 3.000 m³/ngày đêm

Phạm vi dịch vụ: Khu vực Thị trấn Dầu Tiếng.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- **Chi nhánh Cấp nước Phước Vĩnh**

Địa chỉ: Khu phố 2 - TT Phước Vĩnh – Huyện Phú Giáo – Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3672 924

Chi nhánh Cấp nước có công suất hiện tại 2.000 m³/ngày đêm

Phạm vi dịch vụ: Khu vực Thị trấn Phước Vĩnh

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước.

Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà. Mua bán vật tư ngành nước.

- **Chi nhánh Dịch vụ đô thị**

Địa chỉ: 808 Lý Thái Tổ - Phường Phú Tân - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3669 996

Được thành lập ngày 11/06/2008, Chi nhánh hiện đang góp phần chỉnh trang đô thị, làm cho tỉnh Bình Dương ngày càng đẹp hơn qua các dịch vụ của mình.

Lĩnh vực kinh doanh: Nước uống tinh khiết đóng bình đóng chai hiệu Biwase. Nước uống kiềm cao cấp đóng bình đóng chai hiệu ION GOLD. Dịch vụ văn phòng phẩm - Vệ sinh phẩm - Bảo hộ lao động - In biểu mẫu trọn gói.

- **Chi nhánh Xử lý chất thải**

Địa chỉ: Khu phố 1B, Phường Chánh Phú Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3542 906

Được thành lập ngày 31/08/2004, Chi nhánh là nơi quy tụ của những kỹ sư, chuyên viên, công nhân có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ môi trường, góp phần làm trong sạch trái đất, đồng thời giúp cho tỉnh Bình Dương ngày càng phát triển bền vững.

Phạm vi dịch vụ: Tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Dương và

các tỉnh lân cận.

Lĩnh vực kinh doanh: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải (sinh hoạt, công nghiệp và chất thải nguy hại).

Sản xuất phân compost. Sản xuất, tái chế, mua bán phế liệu, các sản phẩm từ nguồn rác, thiết bị, vật tư, dụng cụ. Thực hiện các dịch vụ công trình đô thị (nạo vét cống rãnh, hút hầm cầu, rửa đường). Trồng, chăm sóc và mua bán cây kiểng.

- ***Chi nhánh Nước Thải Thủ Dầu Một***

Địa chỉ: Khu phố 6 - Phường Phú Thọ - Tp. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3814 083

Được thành lập ngày 15/10/2012 và chính thức đi vào hoạt động ngày 31/05/2013; với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, công nhân có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tiên tiến, Chi nhánh hiện đang góp phần cải thiện hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn TP. Thủ Dầu Một, nâng cao chất lượng sống nhân dân, tăng cường sức khỏe cộng đồng trong khu vực, góp phần bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị. Công suất xử lý nước thải hiện nay 17.650m³/ngày đêm (giai đoạn 1).

Phạm vi dịch vụ: Các hộ thoát nước trên địa bàn TP. Thủ Dầu Một.

Lĩnh vực kinh doanh: Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho các hộ xả thải khu vực Thành phố Thủ Dầu Một; Lắp đặt, xây dựng, đấu nối, xử lý, bảo trì, vận hành, thu phí dịch vụ xử lý; Cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải theo đơn đặt hàng của các đối tác.

- ***Chi nhánh Tư vấn Cấp Thoát Nước***

Địa chỉ: 11 Đường Ngô Văn Trị - Phường Phú Lợi – Tp. Thủ Dầu Một – Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3840 291

Được thành lập ngày 18/07/2005, Chi nhánh hiện đang đảm trách vai trò tư vấn cho các dự án cấp thoát nước, môi trường mà công ty thực hiện cũng như các dự án khác trong và ngoài tỉnh Bình Dương.

Lĩnh vực kinh doanh: Cung cấp nước sạch. Khảo sát, thiết kế, thi công hệ thống cấp nước. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước bên trong, bên ngoài nhà.

- ***Chi nhánh Nước Thải Thuận An***

Địa chỉ: 09 Đại lộ Bình Dương, P. Vĩnh Phú, Tx. Thuận An, T. Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3785 985

Chi nhánh Nước thải Thuận An được thành lập ngày 14/12/2016 và đi vào hoạt động từ ngày 21/04/2017; với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, công nhân có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tiên tiến. Chi nhánh Nước thải Thuận An hiện đang góp phần cải thiện hệ thống thoát nước trên địa bàn thị xã Thuận An, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, tăng cường sức khỏe cộng đồng trong khu vực, góp phần bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị. Công suất xử lý nước thải của nhà máy là 17.000 m³/ngày.đêm (giai đoạn 1).

Phạm vi dịch vụ: Các hộ thoát nước trên địa bàn thị xã Thuận An.

Lĩnh vực kinh doanh: Thu gom và xử lý nước thải các hộ xả thải trên địa bàn thị xã Thuận An. Lắp đặt, xây dựng, đấu nối, bảo trì, vận hành, xử lý nước thải.

- **Chi nhánh Nước Thải Dĩ An**

Địa chỉ: Thửa đất số 1512 tờ bản đồ số 9, Đường Thái Hòa 80, Tổ 7, Khu phố An Thành, Phường Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3685 599

Chi nhánh Nước thải Tân Uyên được khánh thành và đưa vào sử dụng từ ngày 31/03/2019; với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, công nhân có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tiên tiến. Chi nhánh Nước thải Tân Uyên hiện đang góp phần cải thiện hệ thống thoát nước trên địa bàn thị xã Tân Uyên, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, tăng cường sức khỏe cộng đồng trong khu vực, góp phần bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị. Công suất xử lý nước thải của nhà máy là 15.000 m³/ngày.đêm (giai đoạn 1).

Lĩnh vực kinh doanh: Các hộ thoát nước trên địa bàn thị xã Tân Uyên.

Phạm vi dịch vụ: Thu gom và xử lý nước thải các hộ xả thải trên địa bàn thị xã Tân Uyên.

Lắp đặt, xây dựng, đấu nối, bảo trì, vận hành, xử lý nước thải.

- **Chi nhánh Nước thải Tân Uyên**

Địa chỉ: Thửa đất số 1512 tờ bản đồ số 9, Đường Thái Hòa 80, Tổ 7, Khu phố An Thành, Phường Thái Hòa, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3685 599

Chi nhánh Nước thải Tân Uyên được khánh thành và đưa vào sử dụng từ ngày 31/03/2019; với đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, công nhân có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ môi trường và ứng dụng công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt tiên tiến. Chi nhánh Nước thải Tân Uyên hiện đang góp phần cải thiện hệ thống thoát nước trên địa bàn thị xã Tân Uyên, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân, tăng cường sức khỏe cộng đồng trong khu vực, góp phần bảo vệ nguồn nước sông Sài Gòn, đảm bảo mỹ quan và vệ sinh môi trường đô thị. Công suất xử lý nước thải của nhà máy là 15.000 m³/ngày.đêm (giai đoạn 1).

Lĩnh vực kinh doanh: Các hộ thoát nước trên địa bàn thị xã Tân Uyên.

Phạm vi dịch vụ: Thu gom và xử lý nước thải các hộ xả thải trên địa bàn thị xã Tân Uyên.

Lắp đặt, xây dựng, đấu nối, bảo trì, vận hành, xử lý nước thải.

- **Chi nhánh Xây lắp - Công nghệ cơ điện**

Địa chỉ: 11 Đường Ngô Văn Trị - Phường Phú Lợi – Tp. TDM – Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: +84-274-3912 343

Được thành lập ngày 28/02/2006, Chi nhánh Xây lắp là nơi quy tụ các kỹ sư, cán bộ kỹ thuật chuyên ngành cấp thoát nước lành nghề với nhiều năm kinh nghiệm.

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp – Công nghệ, Điện – Tự động hóa, Mua bán, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, Công nghệ thông tin

4. **Danh sách cổ đông và cơ cấu cổ đông**

Bảng 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2019

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số ĐKKD/ CMND	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
-----	-------------	---------	------------------	-----------------------	----------------

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



1.	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	Số 8, đường Hùng Vương, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	3700145020	37.500.000	25,0
2.	CTCP Nước Thủ Dầu Một	Số 11b, Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương	3702226772	57.750.000	38,5
Tổng cộng				95.250.000.000	63,5

(Nguồn: DSCĐ chốt tại ngày 31/12/2019 do VSD cung cấp)

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 31/12/2019

STT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông trong nước	134.977.200	1.349.772.000.000	90,0	1.835
1	Cổ đông tổ chức	101.591.440	1.015.914.400.000	67,7	14
2	Cổ đông cá nhân	33.385.760	333.857.600.000	22,3	1.821
II	Cổ đông nước ngoài	15.022.800	150.228.000.000	10,0	46
1	Cổ đông tổ chức	14.599.800	145.998.000.000	9,72	21
2	Cổ đông cá nhân	423.000	4.230.000.000	0,28	25
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
Tổng cộng		150.000.000	1.500.000.000.000	100	1.881

(Nguồn: DSCĐ chốt tại ngày 31/12/2019 do VSD cung cấp)

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán**

- **Công ty mẹ:** Không có.
- **Công ty con:**

Công Ty Cổ Phần Tái chế Vật liệu Xanh

Địa chỉ: Số 7 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi - TP Thủ Dầu Một - T. Bình Dương

Điện thoại: 0650 3616 133

Giấy CNĐKKD: Số 3702288930 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 21/07/2014

Hoạt động kinh doanh chính: Tái chế phế liệu; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh

khác chưa được phân vào đâu;

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng

Vốn đầu tư của BWE tại CTCP Tái chế Vật liệu Xanh: 18.786.391.019 đồng

Tỉ lệ biểu quyết của BWE tại CTCP Tái chế Vật liệu Xanh: 95,8%.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018 của Hội đồng quản trị CTCP Nước – Môi trường Bình Dương, Hội đồng quản trị đã thống nhất chủ trương về việc Công ty nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông của Công Ty Cổ Phần Tái chế Vật liệu Xanh (3R) – là người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ Công ty.

• **Công ty liên kết:**

- **Công Ty Cổ Phần ĐT XD Chánh Phú Hòa**

- ✓ Địa chỉ: Số 7 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi - TP Thủ Dầu Một - T. Bình Dương
- ✓ Điện thoại: (84-27) 0650 3616 133
- ✓ Giấy CNĐKKD: Số 3700697127 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01/03/2006
- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- ✓ Vốn điều lệ: 246.980.000.000 đồng
- ✓ Vốn đầu tư của BWE tại CTCP ĐT XD Chánh Phú Hòa: 207.096.224.416 đồng
- ✓ Tỉ lệ biểu quyết tại CTCP ĐT XD Chánh Phú Hòa: 43,12%.

- **Công Ty Cổ Phần Cấp nước DNW Đồng Nai**

- ✓ Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, P, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai
- ✓ Điện thoại: (84-25) 1384 3316
- ✓ Giấy CNĐKKD: Số 3600259296 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/12/2014
- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch
- ✓ Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng
- ✓ Vốn góp của BWE tại CTCP Cấp nước DNW Đồng Nai: 273.085.860.000 đồng
- ✓ Tỉ lệ biểu quyết của BWE tại CTCP Cấp nước DNW Đồng Nai: 17,70%

- **Tổng Công ty Sản xuất và Xuất nhập khẩu Bình Dương**

- ✓ Địa chỉ: A128, đường, Ba Tháng Hai, Khu phố Đông Tư, Thuận An, Bình Dương
- ✓ Điện thoại: (84-27) 4 3755 243
- ✓ Giấy CNĐKKD: Số 3700148166 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 15/11/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/11/2018

- ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Trồng, khai thác cây nông sản, lâm sản, thủy sản
- ✓ Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 đồng
- ✓ Vốn góp của BWE tại TCT SX và XNK Bình Dương: 213.760.200.000 đồng
- ✓ Tỷ lệ biểu quyết của BWE tại TCT SX và XNK Bình Dương: 4%.
- **Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ**
 - ✓ Địa chỉ: Số 63, đường Yersin, phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
 - ✓ Điện thoại: (84-27) 4382 9534
 - ✓ Giấy CNĐKKD: Số 3700146458 do Sở KH&ĐT tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 22/09/1998, thay đổi lần thứ 4 ngày 01/11/2018
 - ✓ Hoạt động kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu xăng dầu; Mua bán nguyên liệu, nhiên liệu, xăng dầu
 - ✓ Vốn điều lệ: 1.717.140.000.000 đồng
 - ✓ Vốn góp của BWE tại TCT SX và XNK Bình Dương: 18.387.540.000 đồng
 - ✓ Tỷ lệ biểu quyết của BWE tại TCT SX và XNK Bình Dương: 0,51%.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty

❖ Sản xuất kinh doanh nước sạch

- Công ty có 9 chi nhánh chuyên sản xuất và cung cấp nước sạch, bao gồm:

STT	Chi nhánh	Công suất thiết kế	Công suất hoạt động	Số lượng khách hàng	Chiều dài đường ống cấp nước
1.	Khu Liên hợp	120.000	123.230	6.462	856.953
2.	Thủ Dầu Một	45.000	45.027	5.785	1.556.849
3.	Dĩ An	190.000	150.827	9.189	1.048.012
4.	Tân Uyên	50.000	24.210	1.304	237.121
5.	Dầu Tiếng	2.800	2.298	223	55.247
6.	Phước Vĩnh	3.500	1.657	114	56.705
7.	Bàu Bàng	30.000	25.520	2.853	120.703
8.	XNCN Thuận An	-	-	3.284	162.511
9.	CN Chơn Thành	30.000	12.810	1.040	182.461
	Tổng cộng	461.300	385.579	30.254	4.276.562

Để tạo nên một mạng lưới cấp nước hòa mạng, các Chi nhánh cấp nước có hoạt động mua bán nước với nhau và được theo dõi qua đồng hồ tổng.

Doanh thu cấp nước của 9 chi nhánh này trong năm 2019 là 1.637 tỷ đồng, đạt 101% kế

hoạch năm 2019 và vượt 19% so với kết quả đạt được của năm 2018 (1.381 tỷ đồng).

Đối với sản lượng nước tiêu thụ, trong năm 2019 Công ty đạt được 155.131.627 m³, đạt 101% kế hoạch năm 2019 và vượt 8% so với năm 2018 (144.126.000m³). Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty giảm đều qua các năm. Năm 2019, tỷ lệ này là 5,54%, giảm 0,21% so với năm 2018 (5,75%).

Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2009: 30.254 đầu nối, đạt 89% kế hoạch được giao (34.150 đầu nối). Lũy kế tính đến ngày 31/12/2019, đã có 275.376 đầu nối khách hàng. Tính đến cuối năm 2019, Công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 4.276 km đường ống cấp nước các loại từ D60-D1400, riêng trong năm 2019, Công ty tăng thêm 276 km đường ống.

- Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ trong giai đoạn 2015 – 2019:

Bảng 4. Giá trị sản xuất và tiêu thụ nước sạch của Công ty

Đơn vị: Triệu m³/năm

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Quý 1/2020
Công suất cấp nước	106,22	146,0	156,9	164,2	169,7	44,5
Sản lượng nước sản xuất	91,25	106,79	122,64	140,56	163,7	41,4
Sản lượng nước sạch tiêu thụ	82	97,6	112,7	130,4	155,1	39,0
Tỷ lệ thất thoát nước	7,3%	6,5%	6,1%	5,75%	5,54%	5,46%

(Nguồn: BWE)

❖ **Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:**

- Công ty có 01 chi nhánh chuyên xử lý rác thải. Trong năm 2019, tổng khối lượng rác tiếp nhận là 840.487 tấn và 279.113 m³ nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng 2.302 tấn/ngày và 765 m³/ngày nước rỉ rác với thành phần và tỷ lệ như sau:

STT	Danh mục	Khối lượng (tấn)	Tỷ lệ (%)
1.	Rác thải sinh hoạt	727.663,15	86,6
2.	Chất thải công nghiệp không nguy hại	70.602,32	8,4
3.	Chất thải công nghiệp nguy hại	21.032,51	2,5
4.	Bùn thải và chất thải y tế	21.189,39	2,5
	Tổng cộng	840.487,37	100

Tổng số khách hàng trong mảng Thu gom, vận chuyển và xử lý rác hiện nay là 2.499 khách hàng, trong đó khách hàng mới triển khai trong năm 2019 là 194 khách hàng.

Doanh thu xử lý chất thải của năm 2019 là 647 tỷ đồng, đạt 85% kế hoạch được giao

(680 tỷ đồng), so với năm 2018 thì tăng 4% (kết quả năm 2018 là 623 tỷ đồng).

❖ **Công tác thu gom, xử lý nước thải:**

- Công ty có các chi nhánh đang đảm nhiệm thu gom, xử lý nước thải như sau:

STT	Chi nhánh	Công suất thiết kế	Công suất thực tế
1	Thủ Dầu Một	17.650	14.533
2	Dĩ An	20.000	6.009
3	Thuận An	17.000	8.953
4	Tân Uyên	15.000	2.820
	Tổng cộng	69.650	32.315

Doanh thu năm 2019 của mảng thu gom, xử lý nước thải là 83,4 tỷ đồng, đạt 123% kế hoạch được giao năm 2019 (67,9 tỷ đồng).

Đến nay, tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các chi nhánh: 10.797.620 m³ với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Tổng số lượng hộ đầu nối nước thải đến nay đạt 10.431 hộ.

6.2 Cơ cấu doanh thu

Phần lớn doanh thu của Công ty tập trung từ hoạt động kinh doanh nước sạch cho tỉnh Bình Dương và huyện Chơn Thành thuộc tỉnh Bình Phước, phần còn lại đến từ các hoạt động Thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, cung cấp dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải theo đơn đặt hàng của các đối tác (1); Sản xuất, kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình hiệu BIWASE (2); Sản xuất, kinh doanh phân compost (phân hữu cơ) được tái chế từ các chất thải hữu cơ (3); cung cấp dịch vụ công trình đô thị (4).

Chi tiết Doanh thu thuần chia theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Bảng 5. Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2018-Q1/2020 (Riêng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	%/DTT	(%) +/- /2017	Năm 2019	%/DTT	(%) +/- /2018	Q1/2020
Sản xuất và kinh doanh nước sạch	1.277.493	58,8	25,3	1.606.850	63,6	25,8	424.029
Xử lý rác thải	524.207	24,1	29,2	561.936	22,3	7,2	69.773
Xử lý nước thải	31.955	1,5	16,8	44.359	1,8	38,8	7.731
Chuyển nhượng vật tư	122.147	5,6	-	-	-	-	-
Hoạt động khác	216.015	9,9	(37,1)	311.949	12,4	44,4	228.765

Tổng cộng	2.171.817	100	20,9	2.525.094	100	16,3	730.298
------------------	------------------	------------	-------------	------------------	------------	-------------	----------------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020-Riêng)

Bảng 6. Cơ cấu Doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh trong giai đoạn 2018- Q1/2020
(Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	%/DTT	(%) +/- /2017	Năm 2019	%/DTT	(%) +/- /2018	Q1/2020
Sản xuất và kinh doanh nước sạch	1.277.493	58,1	25,3	1.606.850	63,1	25,8	424.029
Xử lý rác thải	524.207	23,9	29,2	561.936	22,1	7,2	69.773
Xử lý nước thải	31.955	1,5	16,8	44.359	1,7	38,8	7.731
Chuyển nhượng vật tư	122.147	5,6	-	-	-	-	-
Hoạt động khác	241.714	11,0	(29,7)	332.531	13,1	37,6	231.586
Tổng cộng	2.197.516	100	22,4	2.545.676	100	15,8	733.119

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020-Hợp nhất)

Do các hoạt động kinh doanh của công ty có sự đan xen nên cơ cấu Doanh thu cũng được sắp xếp theo loại dịch vụ như sau:

Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu thuần theo loại dịch vụ trong giai đoạn 2018- Q1/2020
(Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	(%)+/- /2017	Năm 2019	(%)+/- /2018	Q1/2020
Doanh thu bán hàng	1.513.380	21,9	1.751.028	15,7	614.561
Doanh thu cung cấp dịch vụ	553.191	9,8	658.228	19,0	88.908
Doanh thu hợp đồng xây lắp	105.245	112,2	115.837	10,1	26.829
Tổng cộng	2.171.817	20,9	2.525.094	16,3	730.298

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 8. Cơ cấu Doanh thu thuần theo loại dịch vụ trong giai đoạn 2018-Quý 1/2020
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	(%)+/- /2017	Năm 2019	(%)+/- /2018	Q1/2020
Doanh thu bán hàng	1.539.078	23,8	1.771.611	15,1	617.382
Doanh thu cung cấp dịch vụ	553.192	9,8	658.229	19,0	88.908
Doanh thu hợp đồng xây lắp	105.245	112,2	115.837	10,0	26.829
Tổng cộng	2.197.515	22,4	2.545.677	15,8	733.119

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

Kể từ năm 2018, theo Quyết định số 04/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc quy định đơn giá nước sinh hoạt đô thị và sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bình Dương từ năm 2018 đến năm 2022, đơn giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh tăng so với đơn giá cũ và tăng dần qua các năm. Đồng thời, cùng tốc độ đô thị hóa, nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn tỉnh cũng tăng cao. Điều này dẫn đến Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các năm đều tăng và tăng tại tất cả các loại dịch vụ.

6.3 Cơ cấu Lợi nhuận gộp

Bảng 9. Lợi nhuận gộp Công ty theo loại dịch vụ trong giai đoạn 2018-Quý 1/2020 (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		(%) +/- 2018	Q1/2020
	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)		Lợi nhuận gộp
Bán hàng	650.804	30,0	857.123	33,9	31,7	258.029
Cung cấp dịch vụ	199.382	9,2	156.113	6,2	(21,7)	15.389
Hợp đồng xây lắp	12.596	0,6	16.662	0,7	32,3	7.744
Tổng cộng	862.783	39,8	1.029.899	40,8	19,3	281.162

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 10. Lợi nhuận gộp Công ty theo loại dịch vụ trong giai đoạn 2018- Quý 1/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	(%) +/-	Q1/2020
----------	----------	----------	---------	---------

	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	Lợi nhuận gộp	LNG/DT (%)	2018	Lợi nhuận gộp
Bán hàng	659.302	33,86	862.186	30,00	30,77	258.017
Cung cấp dịch vụ	199.382	6,13	156.113	9,07	(21,70)	15.389
Hợp đồng xây lắp	12.597	0,65	16.663	0,57	32,28	7.744
Tổng cộng	871.281	40,65	1.034.962	40,78	18,79	281.150

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

Bảng 11. Cơ cấu doanh thu Công ty trong giai đoạn 2018- Quý 1/2020 (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		(%) +/- 2018	Q1/2020
	Doanh thu	%/TDT	Doanh thu	%/TDT		Doanh thu
Doanh thu thuần hoạt động SXKD	2.171.817	96,7	2.525.094	96,0	16,3	730.298
Doanh thu tài chính	35.049	1,6	55.902	2,1	59,5	2.145
Thu nhập khác	40.201	1,7	50.074	1,9	24,6	6.485
Tổng doanh thu	2.247.068	100	2.631.070	100	17,1	738.927

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 12. Cơ cấu doanh thu Công ty trong giai đoạn 2018- Quý 1/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		(%) +/- 2018	Q1/2020
	Doanh thu	%/TDT	Doanh thu	%/TDT		Doanh thu
Doanh thu thuần hoạt động SXKD	2.197.516	97,4	2.545.677	96,4	15,8	733.119
Doanh thu tài chính	20.462	0,9	44.180	1,7	115,9	1.877
Thu nhập khác	37.747	1,7	49.860	1,9	32,1	6.272
Tổng doanh thu	2.255.725	100	2.639.716	100	17,0	741.268

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

Với diễn biến tích cực của các cổ phiếu mà BWE đang đầu tư, trong năm 2019 công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn với tổng số tiền là 15,98 tỷ đồng. Do đó, Doanh thu tài chính của Công ty tăng 115,9% so với năm trước.

Công ty cũng có hoạt động sản xuất điện sinh khối và bán lại cho các đơn vị khác, mặc dù không đóng góp nhiều về lợi nhuận nhưng đây cũng là hoạt động tiềm năng mà Công ty sẽ khai thác mạnh trong thời gian tới. Đồng thời Công ty cũng được nhận tài trợ cho Dự án thu khí Biogas phát điện, nên trong năm 2019 khoản Thu nhập khác khá tốt, đóng góp 1, 9% trong cơ cấu Tổng doanh thu toàn Công ty.

6.4 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty là nước mặt Sông Đồng Nai và Sông Sài Gòn. Đối với hoạt động xử lý rác thải thì nguyên vật liệu chính là lượng rác thải của tỉnh Bình Dương và các vùng lân cận.

Trong những năm gần đây nguồn nước đầu vào của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng từ diễn biến bất lợi của tự nhiên như hiện tượng xâm nhập mặn và tình trạng ô nhiễm do việc xả thải hóa chất chưa qua xử lý từ các nhà máy, khu công nghiệp. Do đó, nước thải thường có hàm lượng TSS, kim loại nặng và dầu mỡ khá cao, chứa nhiều các chất hữu cơ (BOD5, COD). Những vấn đề này đặt ra nhiều thách thức cho Ban Lãnh đạo Công ty trong thời gian qua. Hiện nay, Trung tâm kiểm soát chất lượng nước BWE đã đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trên lĩnh vực lọc nước để bổ sung, nâng cao quy trình lọc nước; mang lại chất lượng nước cao hơn, phục vụ đời sống sinh hoạt của người dân và các khu công nghiệp trong vùng.

6.5 Chi phí sản xuất

Bảng 13. Chi phí SXKD Công ty trong giai đoạn 2018-Q1/2020 (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		(%) +/- 2018	Q1/2020
	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT		Giá trị
Giá vốn hàng bán	1.309.033	58,3	1.495.195	56,8	14,2	449.135
Chi phí tài chính	184.583	8,2	128.056	4,9	(30,6)	24.425
Chi phí quản lý doanh nghiệp	108.370	4,8	112.687	4,3	4,0	30.203
Chi phí bán hàng	270.431	12,0	304.838	11,6	12,7	80.549
Chi phí khác	24.055	1,1	62.714	2,4	160,7	7.070
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.367	1,7	62.266	2,4	66,6	18.858
Tổng cộng	1.933.842	86,1	2.165.756	82,3	12,0	610.240

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019- Riêng)

Bảng 14. Chi phí SXKD Công ty trong giai đoạn 2018-Q1/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		(%) +/- 2018	Q1/2020
	Giá trị	%/TDT	Giá trị	%/TDT		Giá trị
Giá vốn hàng bán	1.326.235	58,8	1.510.715	57,2	13,9	451.969
Chi phí tài chính	185.800	8,2	128.532	4,9	(30,8)	24.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	110.537	4,9	107.133	4,1	(3,1)	30.801
Chi phí bán hàng	274.622	12,2	309.317	11,7	12,6	81.097
Chi phí khác	21.482	1,0	60.421	2,3	181,3	6.862
Chi phí thuế TNDN hiện hành	37.388	1,7	63.720	2,4	66,1	18.858
Tổng cộng	1.956.065	86,7	2.1789.838	82,6	11,4	614.083

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

6.6 Trình độ công nghệ

Thêm thông tin về công nghệ bể lắng ngang, với hệ thống vận hành hoàn toàn tự động thông qua hệ thống SCADA

Công nghệ xử lý được lựa chọn dựa trên nguyên tắc:

- Phù hợp với tính chất và chất lượng nguồn nước thô
- Đảm bảo yêu cầu chất lượng nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất lượng nước cấp cho sinh hoạt theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, ban hành theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN01:2009/BYT
- Sử dụng Công nghệ bể lắng ngang quản lý vận hành đơn giản, dễ cải tạo để nâng công suất hoạt động của Nhà máy, chi phí vận hành bảo dưỡng thấp do lắp ít thiết bị trong bể.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

Công ty có đội ngũ thí nghiệm thường xuyên kiểm tra chất lượng nước xử lý để kịp thời điều chỉnh lượng hóa chất xử lý hợp lý, định kỳ gửi mẫu nước đi kiểm tra chất lượng tại Trung tâm Kỹ thuật – Đo lường – Chất lượng 3 (QUATEST 3).

Định kỳ hàng tuần, hàng tháng đội ngũ thí nghiệm của Công ty tiến hành lấy mẫu nước kiểm tra chất lượng, bên cạnh đó gửi mẫu nước kiểm tra tại Trung tâm Kỹ thuật – Đo lường - Chất lượng 3 (Trung tâm 3) để kiểm tra chất lượng nước định kỳ và luôn đạt theo tiêu chuẩn nước sạch Việt Nam (TCVN).

6.8 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, trong lĩnh vực nước sạch, xử lý rác thải

Hiện Công trình do BIWASE làm chủ đầu tư: 9 dự án với tổng giá trị đầu tư khoảng 2.544 tỷ đồng

* Cấp nước: 4 dự án với tổng giá trị đầu tư khoảng 1.718 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư Xây dựng nhà máy nước Tân Hiệp mở rộng, công suất 100.000m³/ngày đêm với tổng giá trị 1.129 tỷ đồng:
 - + Hạng mục Trạm bơm nước thô: giá trị 121 tỷ đồng, hiện nhà thầu đã hoàn tất và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
 - + Hạng mục tuyến ống nước thô D1500mm, L = 8,8km, giá trị 305 tỷ đồng, hiện thi công đạt khoảng 100%.
 - + Hạng mục xây dựng nhà máy xử lý nước: giá trị 318 tỷ đồng, hiện thi công đạt khoảng 48%, dự kiến hoàn thành vào tháng 11/2020.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Nam Tân Uyên, hạng mục nhà máy xử lý, công suất tăng thêm 30.000m³/ngày đêm với tổng mức đầu tư 94,95 tỷ đồng. Giá trị HĐ: 77,55 tỷ đồng, hiện công trình đã hoàn tất và bàn giao công trình đưa vào sử dụng.
- Dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước Uyên Hưng, công suất tăng thêm 30.000m³/ngày đêm với tổng mức đầu tư khoảng 70 tỷ đồng, giá trị HĐ khoảng 61 tỷ đồng, đã triển khai thi công xây dựng vào tháng 3/2020, tiến độ đạt khoảng 45%, dự kiến hoàn thành vào tháng 10/2020.
- Đầu tư mở rộng Hệ thống cấp nước Chơn Thành (Khu liên hợp - công nghiệp và Đô thị BECAMEX Bình Phước và vùng lân cận): 253,8 tỷ đồng.

* Rác thải: 4 dự án với tổng giá trị đầu tư 835,6 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư nâng công suất xử lý rác sinh hoạt thành phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày với giá trị đầu tư khoảng 373 tỷ đồng, hiện Chi nhánh Xử lý rác thải đang thi công đạt 90%. Dự kiến cuối tháng 7/2020 hoàn thành.
- Dự án công trình Lò đốt rác, công suất 840kg/giờ với giá trị đầu tư khoảng 284 tỷ đồng hiện Chi nhánh Xử lý rác thải đang thi công đạt 95%. Dự kiến khoảng tháng 7/2020 hoàn thành.
- Dự án bể ủ thu hồi khí kết hợp phát điện số 4B với giá trị đầu tư khoảng 49,5 tỷ đồng, Chi nhánh Xử lý rác thải đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong quý 1/2020.
- Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long (400 ha) tại xã Tân Long - huyện Phú Giáo: đang hoàn chỉnh các thủ tục chi trả tiền đền bù với tổng kinh phí khoảng 250 tỷ đồng.

* Khác: 1 dự án với tổng giá trị đầu tư 177 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng (An Phú): Đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý của dự án, tổng mức đầu tư 207 tỷ đồng, giá trị HĐ 177 tỷ đồng, hiện CN Xây lắp Cơ điện đang trong giai đoạn hoàn thiện công trình, công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

6.9 Hoạt động Marketing

Công ty luôn ý thức cải thiện thương hiệu của doanh nghiệp. Công ty thường xuyên duy trì các chương trình và hoạt động xã hội ý nghĩa như tặng quà cho gia đình chính sách, trẻ em khuyết tật, bộ đội biên phòng... cũng như tham gia ngày hội hiến máu nhân đạo, chiến dịch

mùa hè xanh... Qua đó, Công ty vừa cải thiện hình ảnh doanh nghiệp, đồng thời còn đóng góp cho xã hội, cộng đồng.

6.10 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: <http://biwase.com.vn>
- Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký nhãn hiệu thương mại tại Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ.

Hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty: được thực hiện thông qua thành tích đạt được từ các giải thưởng uy tín, chất lượng như Top 50 công ty niêm yết tốt nhất năm 2020, giải thưởng doanh nghiệp ASEAN (ABA) - doanh nghiệp vì xã hội bền vững ... hoặc thông qua việc tổ chức giải xe đạp nữ quốc tế BIWASE hàng năm chào mừng ngày quốc tế phụ nữ 8/3.

Đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền: Trong quá trình hoạt động, để thuận tiện và hiệu quả hơn Công ty có một số phát minh, sáng chế hay bản quyền cụ thể như:

- Nghiên cứu chế tạo hệ thống tự động hút xả bùn trong bể lắng nước ứng dụng trong ngành cấp thoát nước.
- Ứng dụng công nghệ lắng lamen trong lĩnh vực cấp nước.

6.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 15. Một số hợp đồng lớn cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho đối tác

STT	Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Đối tác	Giá trị	Loại dịch vụ cung cấp
1	Số 200A: 20/4/2017	20/04/2017	Công ty CPCN An Điền	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
2	Số 1215: 1/5/2016	01/05/2016	Công CP Thép Nam Kim	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
3	Số 345: 19/12/2016	19/12/2016	CN Công ty CP Tôn Đông Á tại Thủ Dầu Một	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch

STT	Hợp đồng	Thời điểm ký kết	Đối tác	Giá trị	Loại dịch vụ cung cấp
4	Số 4080	05/04/2017	Công ty TNHH Panko Vina	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
5	BB012019/HĐ-CN	15/01/2019	Công ty TNHH Công nghiệp dệt Huge Bamboo	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
6	Số 2955	01/07/2016	Công ty TNHH Thuộc da Yi Sheng (Việt Nam)	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
7	20170617005/HĐ-CN	17/06/2017	Công ty TNHH Công nghiệp DELICACY Việt Nam	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
8	05/HĐ-CN	05/2018	Công ty TNHH Kyung Bang Việt Nam	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch
9	20170816006/HĐ-CN	16/08/2017	Công ty TNHH Công nghiệp Dệt Huge – BamBoo CN Bàu Bàng	Thanh toán theo khối lượng sử dụng thực tế	Nước sạch

(Nguồn: BWE)

Với đặc thù của ngành kinh doanh nước sạch, BWE và các khách hàng ký Hợp đồng cung cấp nước sạch, trong đó 02 bên thỏa thuận về giá bán. Theo định kỳ, khách hàng sẽ thanh toán cho BWE theo khối lượng nước tiêu thụ thực tế căn cứ theo chỉ số trên đồng hồ.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn năm 2018-Quý I/2020

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện bàn giao các Ban Quản lý Dự án gồm: Ban Quản lý Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên; Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương. Do vậy, Công ty không thực hiện cộng hợp số liệu của các Ban Quản lý Dự án này vào Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019. Điều này, dẫn đến giá trị tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2019 giảm đáng kể so với thời điểm ngày 01/01/2019.

Các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương tính đến thời điểm 31/12/2019 với tổng giá trị là 41,14 tỷ đồng, tương

ứng với nợ phải trả là 35,12 tỷ đồng và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 6,02 tỷ đồng chưa được hoàn tất các thủ tục bàn giao do chưa có văn bản hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, các tài sản vẫn tiếp tục được theo dõi trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho đến khi chính thức bàn giao cho đơn vị khác quản lý.

Trong năm 2019, Công ty hoàn trả lại Ngân sách Nhà nước tiền tạm ứng trước dự toán năm 2019 để thực hiện Dự án Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải Dĩ An với số tiền là 843.003.000.000 đồng. Giảm số dư tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2018 của Ban Quản lý Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên; Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương với tổng số tiền là 105.468.705.966 đồng. do Công ty thực hiện bàn giao tài sản, công nợ của các đơn vị này sang Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương.

7.1 Kết quả hoạt động SXKD trong giai đoạn năm 2018-Q1/2020

Bảng 16. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	(%) +/- /2017	Năm 2019	(%) +/- /2018	Q1/2020
Tổng tài sản	13.697.628	23,9	6.120.358	(55,3)	6.466.062
Vốn chủ sở hữu	4.066.667	21,4	2.135.450	(47,5)	2.171.074
Doanh thu thuần	2.171.817	20,9	2.525.094	16,3	730.298
Lợi nhuận gộp	862.783	32,8	1.029.899	19,4	281.162
Doanh thu tài chính	35.049	(7,1)	55.903	59,5	2.145
Chi phí tài chính	184.583	112,1	128.056	(30,6)	24.425
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	334.446	44,5	540.221	61,5	148.130
Lợi nhuận trước thuế	350.593	47,3	527.581	50,5	147.544
Lợi nhuận sau thuế	313.225	51,7	465.315	48,6	128.686
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	47,9	-	32,2	-	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 17. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	(%) +/- /2017	Năm 2019	(%) +/- /2018	Q1/2020
Tổng tài sản	13.777.966	24,6	6.207.483	(54,9)	6.556.986

Vốn chủ sở hữu (i)	4.126.375	23,1	2.199.762	(46,7)	2.237.700
Doanh thu thuần	2.197.516	22,4	2.545.677	15,8	733.119
Lợi nhuận gộp	871.281	34,1	1.034.962	18,8	281.150
Doanh thu tài chính	20.462	(45,8)	44.180	115,9	1.877
Chi phí tài chính	185.800	113,5	128.532	(30,8)	24.496
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	346.128	49,5	550.526	59,1	151.098
Lợi nhuận trước thuế	362.393	52,3	539.965	49,0	150.508
Lợi nhuận sau thuế	325.004	57,4	476.245	46,5	131.650
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	46,2%	-	31,5%	--	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

So với thời điểm 30/09/2016 là thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, tại thời điểm 31/12/2019, tổng tài sản của BWE giảm 3.746.453.337.384 đồng. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm 2019, Công ty đã thực hiện bàn giao tài sản, công nợ từ các đơn vị gồm: Ban Quản lý Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên; Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương theo Quyết định sso 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương.

(i) Vốn chủ sở hữu của Công ty giảm so với năm 2018 đa phần do Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giảm. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước cấp cho các Ban quản lý dự án để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân tỉnh bình dương giao cho Công ty làm chủ đầu tư. Khi quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được phê duyệt, các tài sản hình thành từ nguồn vốn này sẽ được bàn giao cho đơn vị tiếp nhận tài sản theo quyết định của ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương. Trong năm Công ty thực hiện bàn giao tài sản, công nợ từ các Ban Quản lý Dự án (trừ Ban Quản lý Dự án Nhà máy nước Tân Hiệp) sang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương. Số dư nguồn vốn này tại 31/12/2019 là nguồn Ngân sách cấp cho Ban Quản lý Dự án Nhà máy nước Tân Hiệp.

7.2 Ý kiến của đơn vị kiểm toán tại Báo cáo tài chính kiểm toán tại 31/12/2019 (Riêng, Hợp nhất)

Vấn đề cần nhấn mạnh

“Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

- Như công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 01- Thuyết minh báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất, trong năm 2019, Công ty đã thực hiện bàn giao các Ban Quản lý Dự án gồm: Ban Quản lý Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên;

Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương. Do vậy, Công ty không thực hiện cộng hợp số liệu của các Ban Quản lý Dự án này vào Báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019. Điều này dẫn đến giá trị tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán Riêng/Hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 giảm đáng kể so với thời điểm 01/01/2019.

- *Như trình bày tại Thuyết minh số 36 - Thuyết minh báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất, các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc quyết định cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương tính đến thời điểm ngày 31/12/2019 với tổng giá trị là 41,14 tỷ đồng, tương ứng với 35,12 tỷ đồng và nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 6,02 tỷ đồng đồng chưa được hoàn tất các thủ tục bàn giao do chưa có văn bản hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, các tài sản vẫn tiếp tục được theo dõi trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho đến khi chính thức bàn giao cho đơn vị khác quản lý.*
- *Các thủ tục kiểm toán đã thực hiện chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng/Hợp nhất của CTCP Nước – Môi trường Bình Dương mà không bao gồm các thủ tục kiểm toán theo yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 1000 – Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành. Do đó, số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.”*

Ý kiến giải trình của Công ty:

- Do cơ cấu tổ chức của Công ty các năm trước bao gồm 05 Ban Quản lý Dự án – được thành lập và hoạt động bằng nguồn vốn Công ty, nguồn vốn vay, viện trợ và nguồn Ngân sách cấp để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh nên thông tin tài chính của các đơn vị này được tổng hợp trong Báo cáo tài chính của BWE. Tuy nhiên theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đã được UBND tỉnh thành lập trước đây nhằm thực hiện các dự án do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương đầu tư (nay là CTCP Nước-Môi trường Bình Dương) để thành lập Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương, Công ty đã thực hiện bàn giao tài sản, nguồn vốn liên quan đến các Ban Quản lý Dự án:
 - Ban Quản lý Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một được thành lập theo Quyết định số 3949/QĐ-CT ngày 03/10/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh;

- Ban Quản lý Dự án Cấp thoát nước môi trường được thành lập theo Quyết định số 259/2003/QĐ-UB ngày 04/11/2003 của UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, và Tân Uyên được thành lập theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 14/06/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương được thành lập theo Quyết định số 718/QĐ.CTN-MT ngày 19/06/2007 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương (nay là CTCP Nước-Môi trường Bình Dương).

Theo đó, số liệu của 04 Ban Quản lý Dự án nêu trên sẽ được bàn giao về Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương – đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh Bình Dương, hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí hoạt động; tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ. Do vậy, Công ty không thực hiện cộng hợp số liệu của các Ban Quản lý Dự án này vào Báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2019. Điều này dẫn đến giá trị tổng tài sản và tổng nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán Riêng/Hợp nhất tại thời điểm 31/12/2019 giảm đáng kể so với thời điểm 01/01/2019.

- Khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, các tài sản và nguồn hình thành tài sản tại các Ban Quản lý Dự án nêu trên được loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương. Trong năm, Công ty đã thực hiện bàn giao tài sản, công nợ từ các đơn vị gồm: Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên; Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương. Đến ngày 31/12/2019, một số tài sản không được tính vào giá trị doanh nghiệp vẫn chưa có văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về việc xử lý bàn giao nên Công ty vẫn tạm giữ hộ và theo dõi ghi nhận các tài sản, nợ phải trả vào nguồn vốn tại BCTC Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019.
- Đồng thời, do các tài sản nêu trên chưa hoàn thành và/hoặc chưa được kiểm tra kiểm toán theo các quy định của Nhà nước về quyết toán dự án đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành nên số liệu liên quan đến khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết toán cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, đơn vị kiểm toán trình bày vấn đề nhấn mạnh trên Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính Riêng/Hợp nhất nhằm lưu ý người đọc đến vấn đề này.

Như vậy, toàn bộ các sự kiện phát sinh trong năm 2019 đều liên quan đến việc chuyển giao tài sản theo yêu cầu, chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Dương và nằm trong kế hoạch mà Công ty đã

định hướng từ trước. Mặc dù tổng tài sản của Công ty giảm đi nhưng các chi phí liên quan (chi phí khấu hao, chi phí quản lý, vận hành...), các khoản phải trả cũng giảm theo tương ứng. Ngoài ra kết quả kinh doanh của Công ty không hề bị tác động, thậm chí các chỉ tiêu tài chính còn có sự biến động tích cực.

7.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Trong những năm qua, cơ bản khung thể chế về phát triển cấp, thoát nước đã từng bước được hoàn thiện góp phần nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực cấp, thoát nước.
- Từ năm 2012 đến nay, nhiều đạo luật mới có liên quan đến quản lý và phát triển cấp, thoát nước như: Luật giá, Luật phí và lệ phí, Luật Tài nguyên nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường... đã được ban hành với những đổi mới cơ bản; nhiều định hướng, chiến lược, chương trình, quy hoạch như Điều chỉnh định hướng về cấp và thoát nước; Chương trình quốc gia về cấp nước an toàn; Quy hoạch cấp, thoát nước mang tính vùng cũng như quy hoạch cấp thoát nước các đô thị lớn... đã được phê duyệt.
- Giá bán nước sạch của Công ty do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định và theo lộ trình 5 năm từ năm 2018-2022: Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 1 của mỗi năm.
- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.
- Nguồn nhân lực ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả, năng suất lao động cao.

❖ Khó khăn

- Địa bàn các khu dân cư của tỉnh Bình Dương nằm trên phạm vi rộng lớn, thiếu tập trung, do đó nhu cầu vốn đầu tư lớn, do vậy để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của dân cư cần có nguồn vốn lớn để phát triển hệ thống cấp nước và xử lý rác thải.
- Các trạm cấp nước nông thôn sau khi được công ty tiếp nhận đều được tập trung đổi mới, thay nguồn nước cấp từ nước ngầm sang nước mặt, đầu tư, cải tạo mạng lưới cấp nước cũng như thay đổi đổi những đồng hồ khách hàng để việc đo đếm có độ chính xác cao và thực hiện những biện pháp để giảm lượng thất thoát nước khá cao gây phát sinh chi phí đầu tư tăng cao.
- Quá trình tiếp cận với các nguồn vốn ODA ngày càng khó khăn nên chuyển dần các nguồn đầu tư dự án từ vốn xã hội hóa.
- Nhìn chung, chất lượng nguồn nước ngày càng có xu hướng giảm sút do ảnh hưởng của quá trình công nghiệp hóa cũng như ảnh hưởng chất thải sinh hoạt do ý thức của người

dân về môi trường chưa cao, tại một số khu vực công nghiệp phát triển nhanh nguồn nước ngầm cũng đã xuất hiện dấu hiệu ô nhiễm từ đó làm chi phí xử lý nước ngày càng tăng cao, ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Bảng 18. Bảng so sánh Kết quả kinh doanh năm 2019 của các công ty trong ngành

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	CTCP Nước – Môi trường Bình Dương (BWE)	CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước (VSI)	CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ (CTW)	CTCP Nước Thủ Dầu Một (TDM)
Tổng tài sản	6.207.483	676.690	869.587	2.349.953
Vốn chủ sở hữu	2.199.762	208.872	418.026	1.576.108
Vốn điều lệ	1.500.000	132.000	280.000	957.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.545.677	443.452	296.608	345.772
Doanh thu tài chính	44.180	1.047	400	72.354
Lợi nhuận khác	(10.561)	4.532	(121)	296
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	539.965	30.291	57.461	211.294
Lợi nhuận sau thuế	476.245	23.004	45.723	203.768
Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	15,1	11,0	10,9	12,9

(Nguồn: Tổng hợp từ các Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019 của các công ty)

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Bình Dương luôn được đánh giá là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn FDI - đây chính là nguồn lực quan trọng để Bình Dương có tốc độ tăng trưởng GDP hằng năm cao gấp 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước. Năm 2019, Bình Dương đứng thứ 3 cả nước, sau TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh về thu hút vốn FDI với tổng vốn đạt hơn 3,073 tỷ USD, tăng 50% so với cùng kỳ năm 2018, vượt 119,57% so với chỉ tiêu năm 2019. Với lợi thế về hạ tầng khu công nghiệp hiện đại, cơ bản hoàn chỉnh, Bình Dương đã trở thành điểm đến được ưu tiên lựa chọn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan (Trung Quốc), Hoa Kỳ... Tính đến thời điểm này, có 65 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng

ký đầu tư tại Bình Dương với 3.755 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn hiệu lực. Lũy kế tính đến nay, Bình Dương đứng thứ 2 cả nước, chỉ sau TP. Hồ Chí Minh về thu hút FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký là 34,23 tỷ USD.⁴ Với tốc độ tăng trưởng như trên, nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất tại các khu công nghiệp và các hộ dân trong địa bàn tỉnh và các vùng lân cận chắc chắn sẽ tăng cao. Kèm theo đó là công tác thu gom, xử lý chất thải, nước thải, vệ sinh môi trường cũng là nhu cầu cấp bách, cần có sự đầu tư nghiêm túc của tỉnh, đảm bảo sự cân đối giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường chất lượng sống của người dân.

8.3 *Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới*

Nắm bắt nhu cầu của thị trường và xu hướng phát triển của toàn tỉnh trong thời gian tới, BWE sẽ mạnh dạn đầu tư để mở rộng công suất các nhà máy nước, các chi nhánh xử lý nước thải, tái chế rác thải thành các sản phẩm có thể sử dụng, phục vụ an sinh xã hội. Song song với công tác phát triển khách hàng ở những khu vực hiện hữu, Công ty sẽ tập trung đầu tư phát triển ống trực tại các huyện mới như Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên, các khu vực vùng ven nông thôn thuộc tỉnh Bình Dương để tăng năng lực cung cấp nước sạch.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 *Tình hình lao động*

Đến tháng 3/2020, tổng số CBCNV của Công ty là 1.135 nhân viên.

Bảng 19. Cơ cấu lao động theo trình độ chuyên môn

STT	Loại lao động	Số lượng (người)	Tỉ lệ (%)
1	Trình độ đại học và trên đại học	225	20
2	Trình độ cao đẳng	77	7
3	Trung học	185	16
4	Công nhân kỹ thuật	575	51
5	Đối tượng khác	73	6
	Tổng cộng	1.135	100

(Nguồn: BWE)

9.2 *Chính sách đối với người lao động*

❖ Chế độ làm việc

⁴ <https://congthuong.vn/binh-duong-tao-loi-the-trong-thu-hut-von-fdi-the-he-moi-130959.html>

Về thời gian làm việc: CBCNV làm việc 8 tiếng/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 2 tiếng. Người lao động được nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của bộ Luật lao động. Văn phòng làm việc được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho công việc.

❖ **Chính sách lương, thưởng và phúc lợi**

Công ty đang áp dụng chính sách trả lương theo nguyên tắc đảm bảo công bằng và cạnh tranh trên thị trường: Vị trí công việc, Năng lực cá nhân và Kết quả công việc.

Ngoài tiền lương, nhân viên còn được hưởng thêm phụ cấp ăn giữa ca. Ngoài ra, tùy theo vị trí công việc và/hoặc cấp bậc, nhân viên còn được hưởng: phụ cấp xăng xe, phụ cấp khác... Nổi bật tại Công ty là chính sách phúc lợi khá toàn diện. Mục tiêu của Công ty là tạo ra môi trường làm việc thân thiện, vui tươi và giúp nhân viên có một cuộc sống tốt hơn. Nhân viên Công ty đều được hưởng các chế độ phúc lợi sau đây

❖ **Chính sách đào tạo**

Công ty thành lập trung tâm đào tạo, có nhiệm vụ tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu, mở rộng theo yêu cầu hoạt động SXKD của công ty. Ngoài ra, công ty còn tổ chức các buổi hội thảo các công nghệ thiết bị mới nhằm nắm bắt kịp thời các tiến độ của thế giới và trong nước, thực hiện tiêu chí không để lỗi thời trong khoa học công nghệ so với thế giới.

Hiện nay, Công ty có 3 trung tâm nghiên cứu ở các lĩnh vực Điện – Điện tử, tin học, hóa sinh – Cơ khí nhằm nghiên cứu sâu hơn trong việc xử lý các loại nước thải, từng bước làm chủ trong điều kiện

10. Chính sách cổ tức

Dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư, doanh thu, tình hình tài chính, nhu cầu tiền mặt và các yếu tố khác có liên quan trong từng thời điểm cụ thể, HĐQT sẽ cân nhắc đề xuất đưa ra tỷ lệ cổ tức hàng năm. Tỷ lệ cổ tức sẽ phải được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm. Ngoài ra, HĐQT có thể tạm ứng mức cổ tức vào từng thời điểm nhất định, phù hợp với tỷ lệ lợi nhuận đạt được tại thời điểm quyết định tạm ứng.

Cổ tức có thể được trả bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu hoặc bằng các tài sản nếu có sự đồng ý của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp thanh toán bằng tiền mặt thì cổ tức được trả bằng đồng Việt Nam. Tỷ lệ cổ tức được chi trả trong các năm qua như sau:

Bảng 20. Tình hình chi trả cổ tức hai năm gần nhất

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Phương thức chia cổ tức
2019	10%	Chia cổ tức bằng tiền mặt
2018	7%	Chia cổ tức bằng tiền mặt

(Nguồn: BWE)

11. Tình hình tài chính của Công ty

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. BCTC của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

- ❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**
Trong suốt quá trình hình thành phát triển, Công ty chưa từng tăng vốn điều lệ.

Đơn vị: Triệu đồng

Nguồn vốn	31/12/2018		31/12/2019	
	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
Vốn điều lệ	1.500.000	1.500.000	1.500.000	1.500.000
Vốn chủ sở hữu	4.066.667	4.125.775	2.171.074	2.199.762
Tổng nguồn vốn kinh doanh	13.697.628	13.777.966	6.120.358	6.207.483

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty sử dụng hiệu quả và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư xây dựng các dự án.

- ❖ **Trích khấu hao tài sản cố định**

TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nhà xưởng, vật kiến trúc	:	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	06 - 08 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	06 - 30 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	:	03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	:	05 - 13 năm
- Quyền sử dụng đất	:	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	:	05 - 15 năm

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Quý I/2020)

- ❖ **Mức lương bình quân**

Bảng 21. Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
----------	----------	----------

Mức lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	16	17,55
--	----	-------

(Nguồn: BWE)

Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty không có các khoản nợ quá hạn và không có dư nợ bảo lãnh.

Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 22. Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	428	-
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.655	22.928	16.045
3.	Thuế thu nhập cá nhân	482	18	1.690
4.	Thuế tài nguyên	318	422	422
5.	Các loại thuế khác	3.494	-	24.560
6.	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.686	16.313	-
	Tổng cộng	31.635	40.108	42.717

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC Quý I/2020-Riêng)

Bảng 23. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
1.	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	428	68
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.655	22.928	16.045
3.	Thuế thu nhập cá nhân	482	18	1.690

4.	Thuế tài nguyên	318	422	422
5.	Các loại thuế khác	3.494	-	-
6.	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	12.686	16.313	24.561
	Tổng cộng	31.635	40.108	42.786

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC Quý I/2020-Hợp nhất)

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ Công ty và theo của pháp luật.

❖ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 24. Các khoản nợ vay của Công ty (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	757.389	865.195	1.038.285
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP HCM	-	100.958	159.323
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	74.529	-	123.914
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	309.330	384.043	443.209
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương	27.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương	36.428	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Dương	-	46.500	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương	-	-	25.228
Vay dài hạn đến hạn trả	310.102	333.693	286.610
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.642.396	1.788.285	1.868.034

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	527.540	461.186	456.455
Ngân hàng Phát triển Châu Á	479.698	471.296	471.296
Ngân hàng Thế giới	407.773	386.311	386.311
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	40.320	26.880	23.520
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	95.566	71.290	65.221
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương	59.107	46.664	43.553
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương	310.027	414.492	466.894
Quỹ Bảo vệ Môi trường Bình Dương	21.528	36.622	34.521
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	10.938	8.750	8.203
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(310.102)	(333.693)	(286.610)
Trái phiếu thường	-	198.488	198.671
Tổng cộng	2.399.785	2.653.480	2.906.319

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, BCTC Quý I/2020-Riêng)

Bảng 25. Các khoản nợ vay của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	762.589	869.965	1.042.454
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP HCM	-	100.958	159.323
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	74.529	-	123.914
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	309.330	384.044	443.209
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương	27.000	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương	36.428	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Dương	-	46.500	-
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương	-	-	25.228
Vay dài hạn đến hạn trả - Công ty mẹ	310.102	333.693	286.610
Vay dài hạn đến hạn trả - Công ty con	5.200	4.770	4.170
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.647.166	1.788.285	1.868.034
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	527.540	461.186	456.455
Ngân hàng Phát triển Châu Á	479.698	471.296	471.296
Ngân hàng Thế giới	407.773	386.311	386.311
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	40.320	26.880	23.520
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	95.566	71.290	65.220
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương	59.107	46.664	43.553
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương-tại Công ty mẹ	310.027	414.492	466.894
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương-tại Công ty con	9.970	4.770	4.170
Quỹ Bảo vệ Môi trường Bình Dương	21.528	36.622	34.521
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	10.938	8.750	8.203
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(315.302)	(338.463)	(290.780)
Trái phiếu thường (i)	-	198.488	198.671
Tổng cộng	2.409.755	2.658.250	2.910.488

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

❖ **Các khoản phải thu**

Bảng 26. Chi tiết các khoản phải thu (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	760.396	844.317	904.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	356.850	347.297	448.700
<i>CTCP Xây dựng số 5</i>			150.154
<i>CTCP Tài chế Vật liệu Xanh</i>	11.374	15.804	16.150
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	-	7.705	
<i>Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam-Singapore</i>	19.452	22.423	20.817
<i>Phòng TNMT thị xã Thuận An</i>	49.884	10.411	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	276.140	298.659	261.578
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	-	12.095	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	303.137	346.887	327.670
<i>CT TNHH Đại Phú Thịnh</i>	30.806	-	-
<i>CTCP Xây dựng số 5</i>	-	31.000	-
<i>TCT Đầu tư và Phát triển CN -CTCP</i>	-	85.858	85.858
<i>JINDAL SAW GULF LLC</i>	-	12.601	13.352
<i>Trung tâm phát triển Quỹ đất thị xã Tân Uyên</i>	86.721	115.995	115.995
<i>Liên doanh Viwassen-Thép mới</i>	47.148	-	-
<i>Các đối tượng khác</i>	138.461	101.432	112.465
<i>Dự phòng</i>	(16.487)	(27.107)	
Phải thu về cho vay ngắn hạn		16.500	16.500
<i>CTCP Tài chế Vật liệu Xanh</i>		16.500	16.500
Phải thu ngắn hạn khác	116.895	160.741	139.228
<i>Tạm ứng</i>	44.134	32.522	52.776
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	3.207	2.639	2.639
<i>Phải thu vật tư tạm ứng thi công công trình</i>	5.721	19.690	7.684
<i>Phải thu vật tư xuất cho mượn</i>	-	55.922	-
<i>Phải thu tạm ứng hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bồi thường tái định cư</i>	1.632	4.800	4.800
<i>Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay</i>	3.872	4.356	1.996

<i>Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	8.193	10.651	-
<i>Tạm ứng tiền mua đất</i>	9.672	12.060	13.440
<i>Phải thu về các khoản tiếp tục xử lý sau cổ phần hóa</i>	25.577	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	14.887	18.101	55.893
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.487)	(27.107)	(27.107)
Các khoản phải thu dài hạn	30.263	924.112	919.562
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>	16.500	-	-
<i>Phải thu dài hạn khác</i>	13.763	924.112	919.562
Tổng cộng	790.658	1.768.430	1.824.552

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 27. Chi tiết các khoản phải thu (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Các khoản phải thu ngắn hạn	752.331	824.530	895.446
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	354.291	339.869	438.438
CTCP Xây dựng số 5	4.537	-	150.161
Công ty Liên doanh TNHH KCN Việt Nam-Singapore	19.451	22.423	20.817
Phòng TNMT thị xã Thuận An	49.883	10.412	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	280.420	307.034	267.460
Trả trước cho người bán ngắn hạn	301.882	347.417	328.201
CT TNHH Đại Phú Thịnh	30.806	-	-
CTCP Xây dựng số 5	-	31.000	-
TCT Đầu tư và Phát triển CN -CTCP (i)	-	85.859	85.859
JINDAL SAW GULF LLC	-	12.601	13.351
Trung tâm phát triển Quỹ đất thị xã Tân Uyên (ii)	86.721	115.995	115.995
Liên doanh Viwassen-Thép mới	47.148	-	-
Các đối tượng khác	137.207	101.962	112.996
Dự phòng	(0)	(7.307)	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Phải thu ngắn hạn khác	112.296	156.730	148.329
Tạm ứng	46.026	37.728	60.666
Ký cược, ký quỹ	3.207	2.639	2.639
Phải thu vật tư tạm ứng thi công công trình	5.721	19.690	7.683
Phải thu vật tư xuất cho mượn (iii)	-	55.922	-
Phải thu tạm ứng hỗ trợ giải phóng mặt bằng, bồi thường tái định cư	1.632	4.800	4.800
Cho mượn vốn không lãi suất	2.572	-	-
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.598	3.290	662
Tạm ứng tiền mua đất	9.672	12.060	13.440
Phải thu về các khoản tiếp tục xử lý sau cổ phần hóa	25.577	-	-
Các khoản phải thu khác	14.293	20.603	58.439
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(16.138)	(19.486)	(19.522)
Các khoản phải thu dài hạn	13.763	924.112	919.562
Phải thu dài hạn khác	13.763	924.112	919.562
Khoản phải thu liên quan đến chênh lệch tỷ giá nguồn nhận viện trợ tại Ban Quản lý dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	13.763	-	-
Phải thu Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương (iv)	-	924.112	-
Tổng cộng	766.094	1.748.642	1.815.008

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

(i): Tạm ứng đợt 1 theo Hợp đồng nguyên tắc số 98/HĐNT/2019 ngày 05/11/2019 ngày 05/11/2019 ký giữa Công ty và Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – Công ty Cổ phần về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu Đô thị Mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương với tổng diện tích chuyển nhượng là 9.494 m². Tổng giá trị chuyển nhượng là 292,42 tỷ đồng. Mục đích sử dụng đất là để xây dựng Trung tâm thương mại và Văn phòng làm việc của Công ty theo Biên bản họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 24/BB-HĐQT ngày 04/11/2019.

(ii): Tạm ứng kinh phí bồi thường theo Hợp đồng số 01/HĐ-GPMB ngày 20/04/2018 về việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án “Công trình mở rộng Nhà máy nước Tân Hiệp” và Quyết định số 293/TTPTQĐ-HC ngày 16/08/2018 về việc chuyển kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện chi trả cho các hộ dân ảnh hưởng dự án Mở

rộng Nhà máy nước Tân Hiệp.

(iii): Xuất vật tư cho Công ty Cổ phần Xây dựng số 5 mượn để thi công gói thầu: xây dựng và lắp đặt tuyến ống nước thô D1500mm thuộc Dự án đầu tư cấp nước Khu liên hợp Bình Dương (nhà máy nước Tân Hiệp) công suất 100.000 m³/ngày đêm tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương thuộc Hợp đồng số 09/HĐ-TCXD ngày 04/11/2019 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 5.

(iv): Khoản phải thu Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương do bàn giao tài sản, công nợ từ các đơn vị gồm: Ban Quản lý Dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Môi trường; Ban Quản lý Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên; Ban Quản lý Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý Dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương. Trong đó bao gồm: 630,05 tỷ đồng phải thu về vốn Công ty đã cấp các Ban quản lý Dự án và 294,06 tỷ đồng phải thu các Ban Quản lý Dự án liên quan đến phần vốn hình thành các tài sản dở dang tại các Ban Quản lý Dự án mà trước đây đã được đưa vào xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

❖ Các khoản Nợ phải trả

Công ty không có nợ phải trả quá hạn và các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước quá hạn.

Đồng thời, Công ty cũng không tiến hành bảo lãnh hay xin bảo lãnh từ đơn vị thứ 3 cho bất kỳ khoản vay nào.

Bảng 28. Chi tiết các khoản Nợ phải trả (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
NỢ PHẢI TRẢ	9.630.961	3.984.908	4.294.988
Nợ ngắn hạn	2.425.000	1.436.377	1.665.131
Phải trả người bán ngắn hạn	403.938	169.036	307.846
CTCP Xây dựng số 5	111.692	-	57.159
CT TNHH Thương mại N.T.P	17.814	23.328	21.718
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bến Cát	10.292	10.292	10.292
Tập đoàn Kolon Toàn Cầu	87.011	-	-
TCT Xây dựng Bạch Đằng	38.107	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>CT TNHH Kobelco Eco Solution</i>	30.589	-	-
<i>CTCP Nhựa Thiều niên Tiền phong phía Nam</i>	7.239	5.603	-
<i>BMS Engineering Solutions&Technologies Pte</i>	-	-	51.464
<i>CTCP Nước Thủ Dầu Một</i>	29.865	31.356	31.062
<i>Đối tượng khác</i>	71.329	98.458	136.152
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.362	22.066	24.968
Thuế và các khoản phải nộp NN	31.497	39.919	42.717
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	-	256	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	14.541	22.928	16.045
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	458	0	1.690
<i>Thuế tài nguyên</i>	318	422	422
<i>Các loại thuế khác</i>	3.494	-	24.560
<i>Các khoản phí, lệ phí, khoản phải nộp khác</i>	12.686	16.313	-
Phải trả người lao động	94.602	54.906	36.312
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.463	19.331	35.932
<i>Chi phí lãi vay</i>	6.653	11.338	23.222
<i>Chi phí trích trước thực hiện công trình</i>	3.153	1.146	1.770
<i>Trích trước giá vốn công trình đã ghi nhận DT</i>	-	6.685	10.062
<i>Chi phí xử lý nước thải</i>	437	-	-
<i>Chi phí phải trả khác</i>	219	163	878
Phải trả ngắn hạn khác	1.095.524	225.444	102.307
<i>Tài sản thừa chờ quyết toán</i>	34.560	-	-
<i>Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN</i>	5.230	6.755	8.232
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	6.578	5.641	6.207
<i>Phải trả tiền vay vốn không tính lãi</i>	5.250	5.250	5.250
<i>Các khoản phải thu, phải nộp khác</i>	1.043.906	207.797	82.617
<i>Phải trả Ngân sách nhà nước tiền khấu hao tài sản thuộc Dự án NM xử lý nước thải TDM</i>	87.000	50.000	50.000
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông (i)</i>	105.000	150.000	20.000
<i>Phải trả Sở Tài chính BD tiền tạm ứng vốn NSNN</i>	843.003	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>Phải trả khác</i>	8.903	7.797	12.617
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	757.389	865.195	1.038.285
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP HCM</i>	-	100.958	159.323
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	74.529	-	123.914
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	309.330	384.043	443.209
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương</i>	27.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương</i>	36.428	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Dương</i>	-	46.500	-
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương</i>	-	-	25.228
Vay dài hạn đến hạn trả	310.102	333.693	286.610
Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.544	22.880	23.906
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.682	17.600	52.858
Nợ dài hạn	7.205.960	2.548.532	2.629.857
Phải trả dài hạn khác (*)	5.563.565	760.246	761.824
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	3.081	5.213	6.790
<i>Vốn vay nước ngoài đã nhận nhưng chưa có khế ước nợ (ii)</i>	71.474	41.744	41.744
<i>Vốn vay NH Thế giới tại BQL Dự án Cấp nước và vệ sinh Nam TDM-Dự án Dĩ An (ii)</i>	258.399	-	-
<i>Nguồn vốn nước ngoài tài trợ cho các BQL Dự án (iii)</i>	4.926.103	-	-
<i>Phải trả NSNN phần nguồn vốn đầu tư hoàn thành ở BQL Dự án-Quyết toán chuyển giao TSCĐ cho Công ty</i>	67.370	-	-
<i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án thu của các hộ dân-phải trả ngân sách nhà nước (iii)</i>	43.789	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>Phải trả các BQL Dự án về giá trị nguồn vốn hình thành của các TSCĐ tạm tăng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán</i>	-	678.729	678.729
<i>Tài sản thừa chờ giải quyết</i>	-	34.560	34.560
<i>Phải trả khác</i>	193.349	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.642.396	1.788.285	1.868.034
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương</i>	527.540	461.186	456.455
<i>Ngân hàng Phát triển Châu Á</i>	479.698	471.296	471.296
<i>Ngân hàng Thế giới</i>	407.773	386.311	386.311
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	40.320	26.880	23.520
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	95.566	71.290	65.221
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương</i>	59.107	46.664	43.553
<i>Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương</i>	310.027	414.492	466.894
<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường Bình Dương</i>	21.528	36.622	34.521
<i>Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam</i>	10.938	8.750	8.203
<i>Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng</i>	(310.102)	(333.693)	(286.610)
<i>Trái phiếu thường</i>	-	198.488	198.671
Tổng cộng	9.630.961	3.984.908	4.294.988

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 29. Chi tiết các khoản Nợ phải trả (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Nợ ngắn hạn	2.440.791	1.457.648	1.687.888
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	410.037	178.463	316.110
<i>CTCP Xây dựng số 5</i>	111.692	-	57.159
<i>CT TNHH Thương mại N.T.P</i>	17.814	23.328	21.718
<i>Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bến Cát</i>	10.292	10.292	10.292
<i>Tập đoàn Kolon Toàn Cầu</i>	87.011	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>TCT Xây dựng Bạch Đằng</i>	38.107	-	-
<i>CT TNHH Kobelco Eco Solution</i>	30.589	-	-
<i>CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền phong phía Nam</i>	7.239	5.603	-
<i>CTCP Nước Thủ Dầu Một</i>	29.865	31.356	31.062
<i>BMS Engineering Solutions&Technologies Pte</i>			51.464
<i>Đối tượng khác</i>	77.428	107.884	144.415
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.362	22.970	25.676
Thuế và các khoản phải nộp NN	31.635	40.108	42.786
<i>Thuế giá trị gia tăng</i>	-	428	68
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	14.655	22.928	16.045
<i>Thuế thu nhập cá nhân</i>	482	18	1.690
<i>Thuế tài nguyên</i>	318	422	422
<i>Các loại thuế khác</i>	3.494	-	-
<i>Các khoản phí, lệ phí, khoản phải nộp khác</i>	12.686	16.313	24.561
Phải trả người lao động	95.599	59.355	42.115
Chi phí phải trả ngắn hạn	12.224	20.724	37.947
<i>Chi phí lãi vay</i>	6.653	11.338	23.222
<i>Chi phí trích trước thực hiện công trình</i>	3.590	1.146	1.770
<i>Trích trước giá vốn công trình đã ghi nhận DT</i>	-	6.685	10.062
<i>Chi phí xử lý nước thải</i>	437	-	-
<i>Chi phí phải trả khác</i>	1.544	1.556	2.893
Phải trả ngắn hạn khác	1.097.119	225.582	104.036
<i>Tài sản thừa chờ quyết toán</i>	34.560	-	-
<i>Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN</i>	5.342	6.866	8.365
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	6.578	5.641	6.207
<i>Phải trả tiền vay vốn không tính lãi</i>	5.250	5.250	5.250
<i>Các khoản phải thu, phải nộp khác</i>	1.045.389	207.824	84.214
<i>Phải trả Ngân sách nhà nước tiền khấu hao tài sản thuộc Dự án NM xử lý nước thải TDM</i>	87.000	50.000	50.000
<i>Cổ tức phải trả cho cổ đông (i)</i>	105.000	150.000	20.000

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>Phải trả Sở Tài chính BD tiền tạm ứng vốn NSNN</i>	843.003	-	-
<i>Phải trả khác</i>	10.386	7.824	14.214
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	762.589	869.965	1.042.454
<i>Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP HCM</i>	-	100.958	159.323
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	74.529	-	123.914
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương</i>	309.330	384.044	443.209
<i>Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Dương</i>	27.000	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương</i>	36.428	-	-
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Dương</i>	-	46.500	-
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông</i>	-	-	-
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Bình Dương</i>	-	-	25.228
<i>Vay dài hạn đến hạn trả - Công ty mẹ</i>	310.102	333.693	286.610
<i>Vay dài hạn đến hạn trả - Công ty con</i>	5.200	4.770	4.170
<i>Dự phòng phải trả ngắn hạn</i>	9.544	22.880	23.906
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	2.682	17.600	52.858
Nợ dài hạn	7.210.817	2.550.072	2.631.398
<i>Phải trả dài hạn khác (*)</i>	5.563.565	760.246	761.823
<i>Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn</i>	3.081	5.213	6.790
<i>Vốn vay nước ngoài đã nhận nhưng chưa có kế ước nợ (ii)</i>	71.474	41.744	41.744
<i>Vốn vay NH Thế giới tại BQL Dự án Cấp nước và vệ sinh Nam TDM-Dự án Dĩ An (ii)</i>	258.399	-	-
<i>Nguồn vốn nước ngoài tài trợ cho các BQL Dự án (iii)</i>	4.926.103	-	-
<i>Phải trả NSNN phần nguồn vốn đầu tư hoàn thành ở BQL Dự án-Quyết toán chuyển giao TSCĐ cho Công ty</i>	67.370	-	-

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



<i>Tiền đền bù giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án thu của các hộ dân-phải trả ngân sách nhà nước (iii)</i>	43.789	-	-
<i>Phải trả các BQL Dự án về giá trị nguồn vốn hình thành của các TSCĐ tạm tăng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán</i>	-	678.729	678.729
<i>Tài sản thừa chờ giải quyết</i>	-	34.560	34.560
<i>Phải trả khác (iii)</i>	193.349	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.647.166	1.788.285	1.868.034
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	527.540	461.186	456.455
Ngân hàng Phát triển Châu Á	479.698	471.296	471.296
Ngân hàng Thế giới	407.773	386.311	386.311
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương	40.320	26.880	23.520
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Dương	95.566	71.290	65.220
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Bình Dương	59.107	46.664	43.553
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương-tại Công ty mẹ	310.027	414.492	466.894
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương-tại Công ty con	9.970	4.770	4.170
Quỹ Bảo vệ Môi trường Bình Dương	21.528	36.622	34.521
Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam	10.938	8.750	8.203
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(315.302)	(338.463)	(290.780)
Trái phiếu thường	-	198.488	198.671
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	87	1.541	1.541
Tổng cộng	9.651.608	4.007.721	4.319.286

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

(i): cổ tức năm 2019 được chi trả vào 19/03/2020

(ii): khoản tiền được các nhà tài trợ tạm ứng hoặc trực tiếp giải ngân cho các nhà cung cấp. Tuy nhiên, các Ngân hàng quản lý khoản vay chưa thực hiện làm kế ước nợ đối với Công ty.

(iii): Giảm do bàn giao các Ban Quản lý Dự án sang Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước

thải tỉnh Bình Dương.

(*): Các khoản phải trả dài hạn khác loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2019 là 35.123.228.844 đồng, bao gồm:

- 34.042.968.844 đồng là nợ phải trả hình thành tài sản loại trừ Dự án Hệ thống thoát nước thị xã Thủ Dầu một- Giai đoạn 1;
- 1.080.260.000 đồng là nợ phải trả hình thành tài sản loại trừ Dự án Chùa Thầy Nhỏ.

Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán của Ủy ban Nhân dân, các tài sản hình thành từ nguồn tài trợ này sẽ được bàn giao cho đơn vị quản lý khác.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Riêng)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Q1/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,61	1,15	1,01
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,46	0,82	0,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,65	0,66
- Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,37	1,87	1,98
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	3,8	3,6	0,9
- Vòng quay tổng tài sản <i>DTT/Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	0,2	0,3	0,1
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	14,4	18,4	17,6
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	7,7	21,8	5,9
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,3	7,6	2,0
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/DTT	%	15,4	21,4	20,3
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.088	3.102	858

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 -Riêng)

Bảng 31. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Q1/2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,61	1,13	1,00
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,45	0,80	0,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70	0,65	0,66
- Hệ số nợ/VCSH	Lần	2,34	1,82	1,93
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	3,83	3,50	0,87
- Vòng quay tổng tài sản <i>DTT/Tổng tài sản bình quân</i>	Lần	0,18	0,25	0,11
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	14,8	18,7	18,0
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	7,9	21,6	5,9
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,4	7,7	2,0
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/DTT	%	15,8	21,6	20,6
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.167	3.175	878

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1.	Ông Nguyễn Văn Thiện	Chủ tịch HĐQT điều hành
2.	Ông Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT điều hành
3.	Ông Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT điều hành
4.	Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT không điều hành
5.	Ông Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT không điều hành
6.	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT không điều hành

7.	Ông Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT không điều hành
----	-------------------	---------------------------------

12.1.1.Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN THIỀN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 31/12/1957 – 63 tuổi
- Nơi sinh : BÌNH DƯƠNG
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280687466 cấp ngày: 05/05/2015 tại: Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 72/3, KP1 Phường Tân Định– TX.Bến Cát Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ ngành kỹ thuật môi trường
- Quá trình công tác :
 Từ 1976 – 1977 : Công nhân khảo sát địa hình – Sở Thủy Lợi Sông Bé
 Từ 1979 – 1990 : Năm 1984: giữ chức vụ phó trưởng phòng Nông Lâm Thủy Lợi Thị xã Thủ Dầu Một
 Năm 1985–1986: Ủy viên HĐND thị xã Thủ Dầu Một.
 Năm 1987: Phó bí thư chi Bộ Phòng Nông Lâm Thủy Lợi Tx.Thủ Dầu Một
 Năm 1985–1989: học đại học Thủy Lợi
 Từ 1985 – 1989 : Học đại học Thủy Lợi
 Từ 1990 – 1996 : Phó giám đốc – xí nghiệp Điện nước nhà ở và Công trình công cộng
 Từ 1996 – 2003 : Bí thư chi bộ công ty cấp nước Sông Bé; chức vụ:

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Giám Đốc Công ty

- Từ 2003 – 2006 : Giám Đốc Công ty Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2006 – 29/09/2016 : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Nước– Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Chủ tịch HĐQT CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa
- Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Đồng Nai
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Sản xuất – XNK Bình Dương
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 4.118.340 cổ phần (chiếm 2,74% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 234.000 cổ phần (chiếm 0,0156% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Đặng Thị Mười	Vợ	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Thanh	Con	230.000	0,153
Nguyễn Thị Sánh	Chị	0	0
Nguyễn Nghĩa Hiệp	Em	0	0
Nguyễn Thành Ngọc	Em	0	0

Nguyễn Ngọc Điệp	Em	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Thu	Em	0	0
Nguyễn Ngọc Hồ	Em	4.000	0,003

12.1.2. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TRẦN CHIẾN CÔNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 06/12/1978 – 42 tuổi
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280687490 cấp ngày 15/05/2015 tại CA.Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : Số 20 Ấp kiến An, An Lập, Dầu Tiếng Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :
- Năm 2004 : Nhân viên đội xây lắp công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2004 – 2006 : Nhân viên tổ xây lắp xí nghiệp cấp nước Dĩ An công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương.
- Từ 03/2006 – 06/2006 : Trưởng phòng kinh doanh xí nghiệp cấp nước Dĩ An
- Từ 2006 – 2008 : Phó Giám đốc XN cấp nước Dĩ An – Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2008 – 2015 : Giám đốc XN cấp nước Dĩ an – C ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Từ 3/2015 – 08/2016 : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT CTCP Tái chế Vật liệu xanh
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 215.989 cổ phần (chiếm 0,144% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP : 37.500.000 cổ phần (chiếm 25% vốn điều lệ)
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Trần Công Chiến	Cha	0	0
Nguyễn Thị Hồng Châu	Mẹ	0	0
Trần Tuyết Lan	Vợ	0	0
Trần Nhất Minh	Con	0	0
Trần Đình Khoa	Con	0	0
Trần Hoàng Hận	Anh	0	0
Trần Thị Cẩm Tú	Em	0	0



Trần Thị Châu Giang	Em	0	0
---------------------	----	---	---

12.1.3. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : DƯƠNG HOÀNG SƠN
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/01/1965 – 55 tuổi
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280337426 cấp ngày: 26/10/2007 Tại: CA. Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : ĐX 68 KP6, P.Đĩnh Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí
- Quá trình công tác :
 - Từ 1997 – 2000 : Công nhân vận hành Nhà máy nước Thủ Dầu Một
 - Từ 2000 – 2002 : Trưởng Ca sản xuất Nhà máy nước Thủ Dầu Một
 - Từ 2002 – 2004 : Quản đốc nhà máy nước Thủ Dầu Một
 - Từ 2004 – 2007 : Giám đốc XN cấp nước Dĩ An
 - Từ 2007 – 29/09/2016 : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện tại tổ chức : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
phát hành

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 21.100 cổ phần (chiếm 0,014% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 11.200 cổ phần (chiếm 0,007% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thị Diên	Vợ	11.200	0,007
Dương Nguyễn Hoàng Ngọc Châu	Con	0	0

12.1.4. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ THU VÂN
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1968 – 52 tuổi
- Nơi sinh : Tiền giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280647944 cấp ngày 10/01/2002 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tiền giang
- Địa chỉ thường trú : Số 27, Tổ 8, Khu 2 Ngõ Văn Trị Phường Phú Lợi, TDM, Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12



- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
- Quá trình công tác :
 - Từ 1990 – 1993 : Nhân viên phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
 - Từ 1993 – 2000 : Nhân viên phòng tài vụ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
 - Từ 2001 – 2004 : Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
 - Từ 2005 – 2006 : Trưởng phòng Quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
 - Từ 2007 – 2011 : Phó ban quản lý dự án cấp nước và vệ sinh Nam thủ Dầu một, kiêm trưởng phòng Ban QLDA– Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – môi trường Bình Dương
 - Từ 2011 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước– môi trường Bình Dương
 - Từ 30/09/2016 đến 6/2019 : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 61.500 cổ phần (chiếm 0,041% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 5.800 cổ phần (chiếm 0,004% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Văn Vui	Cha	0	0
Nguyễn Thị Lang	Mẹ	0	0
Nguyễn Đà Thành	Chồng	0	0
Nguyễn Thị Kim Ngân	Con	0	0
Nguyễn Thành Tính	Con	0	0
Nguyễn Thị Minh Hằng	Con	0	0
Nguyễn Văn Minh	Anh	0	0
Nguyễn Thị Thu Thủy	Chị	0	0
Nguyễn Văn Nuôi	Em	0	0
Nguyễn Văn Giàu	Em	0	0
Nguyễn Thị Thu Chung	Em	0	0
Nguyễn Thành Tâm	Em	0	0
Nguyễn Thành Sự	Em	0	0
Nguyễn Thanh Toàn	Em	5.800	0,004

12.1.5. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN VĂN TRÍ
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/10/1973 – 47 tuổi
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 28096164 cấp ngày 09/11/2010 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Quê quán : Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 59/49 Khu 5, Phường Định Hoà, Tp Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác :
 Từ 2006 đến nay : Giám Đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Quỳnh Phúc
 Từ 2013 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
 Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Nước -Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám Đốc Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Quỳnh Phúc;
 Chủ tịch HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0
- Số cổ phần đại diện sở hữu cho CTCP Nước Thủ Dầu Một : 57.750.000 cổ phần (chiếm 38,5% vốn điều lệ)
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 0

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Đô	Cha	0	0
Nguyễn Thị Thơ	Mẹ	0	0

Nguyễn Thị Hồng Phúc	Chị	0	0
Nguyễn Thị Thúy	Chị	0	0
Nguyễn Thị Hằng	Chị	0	0
Nguyễn Thị Huyền	Chị	0	0
Nguyễn Văn Thuần	Anh	0	0
Nguyễn Thị Thịnh	Em	0	0
Nguyễn Thị Diễm	Em	0	0
Hoàng Thị Cúc	Vợ	0	0
Nguyễn Hoàng Quỳnh	Con	0	0
Nguyễn Hoàng Thy	Con	0	0

12.1.6. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : TẠ TRỌNG HIỆP
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/10/1982
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 273098924 cấp ngày 16/04/2012 tại Bà Rịa – Vũng Tàu
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 25, đường 30 tháng 4, P. Thắng Nhì, Tp Vũng tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Từ 2008 đến nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Thương mại Xuất Nhập khẩu Hiệp Thành Phát
- Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT CTP Nước - Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất Nhập khẩu Hiệp Thành Phát
Giám đốc Công ty HTP Water Solutions Pte.LTD
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : 0
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 0

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Tạ Trọng Đối	Cha	0	0
Nguyễn Thị Xuyên	Mẹ	0	0
Tạ Thị Huyền	Chị	0	0
Tạ Thị Hương	Chị	0	0
Tạ Trọng Huân	Anh	0	0
Phạm Thị Kiều Thanh	Vợ	0	0
Tạ Minh Đức	Con	0	0
Tạ Minh An	Con	0	0
Tạ Minh Anh	Con	0	0

12.1.7. Thành viên HĐQT

- Họ và tên : NGUYỄN THANH PHONG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/03/1972 – 52 tuổi
- Nơi sinh : An Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 024302473 cấp ngày 24/12/2010 tại TP.HCM
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : An Giang
- Địa chỉ thường trú : CK3–3–5 Kp Riverside, Residence, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Đại học Hàng Hải
- Quá trình công tác :
 - Từ 1999 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P
 - Từ 30/09/2016 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Nước - Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác :
 - Giám đốc Công ty TNHH Thương Mại N.T.P
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Chợ Lớn
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Cần Thơ 2
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Trung An
 - Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.490.000cp (chiếm 0,99% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 57.750.000 cổ phần (chiếm 38,5% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
CTCP Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Ông Nguyễn Thanh Phong là TV HĐQT của TDM	57.750.000	38,5
Nguyễn Đỗ Ngọc Bảo	Vợ	0	0
Nguyễn Thế Phú	Con	0	0
Nguyễn Thế Phương	Con	0	0
Nguyễn Thanh Hoàng	Cha	0	0
Trương Thị Quyên	Mẹ	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Hương	Em	0	0
Nguyễn Thanh Bình	Em	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Em	0	0
Nguyễn Thanh Hùng	Em	0	0
Nguyễn Thanh Việt	Em	0	0

12.2. Ban Giám đốc; Kế toán trưởng và Trưởng phòng Tài chính kế toán

12.2.1. Tổng Giám đốc:

- Họ và tên : TRẦN CHIẾN CÔNG

Lý lịch đã được trình bày ở mục 12.1.2

12.2.2. Phó Tổng Giám đốc



- Họ và tên : DƯƠNG HOÀNG SƠN

Lý lịch đã được trình bày ở mục 12.1.3

12.2.3. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : NGÔ VĂN LUI

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 20/09/1967 – 53 tuổi

- Nơi sinh : Bình Dương

- Quốc tịch : Việt Nam

- Số CMND : 280354953 cấp ngày 14/03/2015 tại Bình Dương

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Bình Dương

- Địa chỉ thường trú : 48,K9 Kp 5, P. Định Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương

- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh

- Quá trình công tác :

Từ 1988 – 1990 : Tổ trưởng tổ bơm phòng Nông Lâm Thủy Lợi Thị xã Thủ Dầu Một

Từ 1990 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương

Từ 30/09/2016 đến nay : Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 7.700 cổ phần (chiếm 0,005% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Trần Thị Bình	Mẹ	0	0
Cam Thị Hoài Minh	Vợ	0	0
Ngô Dương Khang	Con	0	0
Ngô Thuận Uyên	Con	0	0
Ngô Thị Hè	Chị	0	0
Ngô Văn Hùi	Anh	0	0
Ngô Văn Tâm	Anh	0	0

12.2.4. Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên : PHẠM THANH HÙNG
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1980 – 40 tuổi
- Nơi sinh : Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280715802 cấp ngày 24/01/2017 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Địa chỉ thường trú : 20/7 Khu phố Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Môi trường
- Quá trình công tác :
 Từ 2002 – 2003 : Phòng Kỹ thuật - Công ty Cấp thoát nước Bình Dương
 Từ 2004 – 2006 : Xí nghiệp Xử lý Chất thải
 Từ 2007 – 2008 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Xử lý Chất thải
 Năm 2009 : Giám đốc Xí nghiệp Xử lý Chất thải
 Năm 2010 : Phó Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Dĩ An
 Từ 2011 đến 16/03/2020 : Giám đốc Chi nhánh Xử lý Chất thải
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Phó Tổng Giám đốc
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 20.000 (chiếm 0,013% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan :

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Phạm Văn Hận	Cha	0	0
Nguyễn Thị Nương	Mẹ	0	0
Nguyễn Thị Ngọc Phương	Vợ	15.000	0,01

Phạm Hữu Hậu	Em	0	0
--------------	----	---	---

12.2.5. Kế toán trưởng

- Họ và tên : TRẦN TẤN ĐỨC
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/02/1977 – 43 tuổi
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280629997 cấp ngày 01/11/2007 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 1398/3, KP6, P.Định Hoà, Tp.TDM, tỉnh Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- Từ 2002 – 03/2003 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH Xây dựng Điện Miền Nam
- Từ 01/4/2004 – 02/2005 : Nhân viên kế toán Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương; nhân viên kế toán Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương
- Từ 02/2005 – 01/2011 : Kế toán trưởng Ban QLDA trực thuộc Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Từ 01/2011 – 29/09/2016 : Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV cấp Thoát Nước – Môi Trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Kế toán trưởng CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ : Kế toán trưởng
chức phát hành
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ : Không
chức khác
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.600 cổ phần (chiếm 0,008% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : 0
những người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Trần Thị Ngọc Sương	Chị	0	0
Trần Thị Ân	Chị	0	0
Trần Thị Lộc	Chị	0	0
Trần Thị Quý	Chị	0	0
Trần Bá Phước	Anh	0	0
Trần Thị Thu Hồng	Chị	0	0
Trần Tấn Tài	Anh	0	0
Nguyễn Thị Thanh Hồng	Vợ	0	0
Trần Thành Tín	Con	0	0
Trần Đông Nghi	Con	0	0

12.2.6. Trưởng phòng Tài chính kế toán

- Họ và tên : NGUYỄN THỊ DIÊN

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 08/08/165
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 28035066 cấp ngày 13/02/2009 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 62 Khu 8 Tổ 107 Hiệp Thành, Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 1990 – 2005 : Làm việc tại Công ty TNHH 1TV Cấp thoát Nước - Môi trường Bình Dương
 - Từ 2005 – 2010 : Làm việc tại Ban Quản lý dự án - Cty TNHH 1TV Cấp Thoát Nước - Môi trường BD
 - Từ 2010 đến nay : Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương (Nay là CTCP Nước – Môi trường Bình Dương)
 - Từ tháng 10/2016 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Trưởng phòng Tài chính Kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Nước Thủ Dầu Một
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.200 cổ phần (chiếm 0,007% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 57.789.300 cổ phần (chiếm 38,53% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Bà Nguyễn Thị Diên là Nhân viên của TDM	57.750.000	38,5
Dương Hoàng Sơn	Chồng	21.100	0,014
Nguyễn Văn Sáu	Em	7.000	0,005

12.3. Ban kiểm soát

12.3.1. Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên : DƯƠNG ANH THƯ
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 27/02/1976
- Nơi sinh : Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280608628 cấp ngày 15/12/2009 tại Bình Dương
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 0612C KCC Hiệp Thành 3, P.Hiệp Thành, Bình Dương.
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác :

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Từ 1999 – 2005 : Nhân viên phòng tổ chức Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2005 – 2008 : Nhân viên Ban quản lý dự án Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2008 – 2010 : Trưởng phòng kế hoạch vật tư Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 2010 – 29/09/2016 : Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước – Môi trường Bình Dương
- Từ 30/09/2016 đến nay : Trưởng Ban kiểm soát CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Nhân viên Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một
Thành viên HĐQT Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Cấp thoát nước Anh Huy
 - Hành vi vi phạm pháp luật : Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
 - Số cổ phần sở hữu cá nhân : 62.000 cổ phần (chiếm 0,04% vốn điều lệ)
 - Số cổ phần đại diện sở hữu : 0
 - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : 52.500.000 cổ phần (chiếm 35,000% vốn điều lệ)

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)	Nhân viên	57.750.000	38,5
Dương Quang Thảo	Cha	0	0
Liêu Súc Lân	Mẹ	0	0

Phan Thành Đăng	Chồng	0	0
Phan Anh Huy	Con	0	0
Phan Anh Khoa	Con	0	0
Dương Quang Toàn	Anh	0	0
Dương Anh Thi	Chị	0	0
Dương Quang Thái	Em	0	0

12.3.2. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN ĐỨC BẢO
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1978
- Nơi sinh : Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 271295544
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : Ấp 4 – Thừa Đức – Cẩm Mỹ - Đồng Nai
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Tài chính- kế toán
- Quá trình công tác :
- 2001-2004 : Công ty phần mềm kế toán doanh nghiệp FAST
- 2004-2010 : Công ty phần mềm kế toán doanh nghiệp V6
- 2010-2012 : Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn DCPA
- 2010-2014 : CTCP phần mềm quản lý doanh nghiệp Nhật Nam

2015- nay CTCP dịch vụ kế toán thuế Khoa Tuyên

2014 – nay CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Tổng giám đốc CTCP dịch vụ kế toán thuế Khoa Tuyên; Thành viên HĐQT CTCP phần mềm quản lý doanh nghiệp Nhật Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty :
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 2.100 cổ phần (chiếm 0,0014% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan : Không

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Đức Cầu	Cha	0	0
Đỗ thị Mười	Mẹ	0	0
Nguyễn Đức Đạt	Anh	0	0
Nguyễn Thị Anh Thư	Chị	0	0
Nguyễn Đức Thiên	Anh	0	0
Nguyễn Thị Tường Vy	Em	0	0
Nguyễn Thị Cúc	Vợ	0	0
Nguyễn Ngọc Trâm Anh	Con	0	0

12.3.3. Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên : NGUYỄN KIM LIÊN

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 22/8/1964
- Nơi sinh : Dĩ An – Bình Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Số CMND : 280356786
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Dĩ An – Bình Dương
- Địa chỉ thường trú : 18A1 Khu Dân cư Hiệp Thành 1- phường Hiệp Thành-
Thành phố Thủ Dầu Một – Bình Dương
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :
 - Từ 4/ 1985 – 9/2019 : Làm việc tại Sở Tài chính Bình Dương
 - Từ 9/2019 – 11/2019 : Nghỉ hưu theo chế độ
 - Từ 11/2019 – đến nay : Làm việc tại CTCP Nước – Môi trường Bình Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành : Thành viên Ban Kiểm Soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của : 0
những người có liên quan

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Văn Non	Cha	0	0
Lê Thị Trong	Mẹ	0	0
Nguyễn Văn Hoàng	Chồng	0	0
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Con	0	0
Nguyễn Hoàng Kim	Con	0	0
Nguyễn Thị Kiều	Chị	0	0
Nguyễn Thị Nga	Chị	0	0
Nguyễn Ngọc Trung	Em	0	0
Nguyễn Thị Liễu	Em	0	0
Nguyễn Ngọc Cường	Em	0	0

13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Bảng 32. Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019 (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	4.952.365	2.778.056	2.174.309
Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.352.802	907.772	445.030
Máy móc và thiết bị	794.152	412.391	381.761
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.738.745	1.417.232	1.321.514
Thiết bị dụng cụ quản lý	12.468	7.612	4.855

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Cây lâu năm, súc vật làm việc	1.235	171	1.064
TSCĐ khác	52.962	32.877	20.085
2. Tài sản cố định vô hình	92.275	8.643	83.632
Quyền sử dụng đất	85.027	2.079	82.949
Bản quyền, bằng sáng chế	50	50	-
Phần mềm máy tính	6.953	6.269	684
TSCĐ vô hình khác	245	245	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2019-Riêng)

Bảng 33. Tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2020 (Riêng)

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	4.991.447	2.884.665	2.106.782
Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.371.445	932.346	439.099
Máy móc và thiết bị	795.596	431.824	363.772
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.757.741	1.478.961	1.278.780
Thiết bị dụng cụ quản lý	12.467	7.930	4.537
Cây lâu năm, súc vật làm việc	1.235	205	1.030
TSCĐ khác	52.962	33.400	19.562
2. Tài sản cố định vô hình	92.275	8.854	83.421
Quyền sử dụng đất	85.027	2.226	82.9801
Bản quyền, bằng sáng chế	50	50	-
Phần mềm máy tính	6.953	6.330	622
TSCĐ vô hình khác	245	247	(2)

(Nguồn: BCTC Quý 1/2020-Riêng)

Trong năm công ty có hạch toán giảm giá trị tài sản cố định tạm tăng của Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương theo Công văn số 822/CPN.MT-TCKT ngày 24/06/2019 do bàn giao về Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc hợp nhất các Ban Quản lý dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 2909/UBND-

KTN ngày 19/06/2019 và Quyết định số 3466/UBND-KTN ngày 16/07/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc chuyển giao chủ đầu tư các dự án đang thực hiện dở dang cho Ban quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương.

Các khoản giảm tài sản cố định khác có liên quan đến việc điều chỉnh, xử lý các điều chỉnh liên quan đến các tài sản cố định khi cổ phần hóa nhưng không còn trong danh mục tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019.

Bảng 34. Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2019 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	5.003.646	2.789.742	2.213.903
Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.374.713	911.167	463.546
Máy móc và thiết bị	819.424	418.628	400.795
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.742.293	1.419.124	1.323.169
Thiết bị dụng cụ quản lý	12.558	7.688	4.870
Cây lâu năm, súc vật làm việc	1.235	171	1.064
TSCĐ khác	53.424	32.965	20.459
2. Tài sản cố định vô hình	92.345	8.709	83.637
Quyền sử dụng đất	85.027	2.079	82.949
Bản quyền, bằng sáng chế	50	50	-
Phần mềm máy tính	7.023	6.335	684
TSCĐ vô hình khác	245	245	-

(Nguồn: BCTC KT năm 2019-Hợp nhất)

Bảng 35. Tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2020 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	5.042.729	2.897.057	2.145.671
Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.393.355	936.055	457.300
Máy móc và thiết bị	820.868	438.629	382.239
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.761.289	1.480.664	1.280.625
Thiết bị dụng cụ quản lý	12.558	8.010	4.547

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Cây lâu năm, súc vật làm việc	1.235	204	1.030
TSCĐ khác	53.424	33.494	19.930
2. Tài sản cố định vô hình	92.345	8.923	83.422
Quyền sử dụng đất	85.027	2.226	82.801
Bản quyền, bằng sáng chế	50	50	-
Phần mềm máy tính	7.023	6.399	623
TSCĐ vô hình khác	245	247	(2)

(Nguồn: BCTC Quý 1/2020-Hợp nhất)

Trong năm 2019, Công ty hạch toán giảm giá trị tài sản cố định tạm tăng của Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương theo Công văn số 822/CPN.MT-TCKT ngày 24/06/2019 do bàn giao về Ban Quản lý Dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương với giá trị là 1.894.580.797.808 đồng. Ngoài ra, công ty có các khoản giảm tài sản cố định khác do điều chỉnh, xử lý các điều chỉnh liên quan đến các tài sản cố định khi cổ phần hóa nhưng không còn trong danh mục tài sản cố định tại 31/12/2019 với giá trị là 32.795.928.885 đồng.

13.2. Tài sản dở dang

Bảng 36. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Riêng)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Mua sắm	7.280.482	597.981	62.501
<i>Quyền sử dụng đất (i)</i>	<i>63.139</i>	<i>62.881</i>	<i>62.501</i>
Xây dựng cơ bản (ii)	63.139	62.881	848.169
<i>Tại văn phòng công ty</i>	<i>7.217.343</i>	<i>535.100</i>	<i>730.297</i>
<i>Tại BQL Dự án cấp thoát nước môi trường</i>	<i>223.660</i>	<i>417.228</i>	-
<i>Tại BQL Dự án nhà máy nước Tân Hiệp</i>	<i>839.653</i>	-	<i>117.872</i>
<i>Tại BQL Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương</i>	<i>117.846</i>	<i>117.871</i>	-
<i>Tại BQL Dự án cấp nước và vệ sinh Nam Thủ Dầu Một (iii)</i>	<i>3.807.331</i>	-	-
<i>Tại BQL Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên</i>	<i>1.569.575</i>	-	-
Tổng cộng	7.280.482	597.981	910.670

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Riêng)

Bảng 37. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Mua sắm	7.280.479	597.981	62.501
<i>Quyền sử dụng đất (i)</i>	63.138	62.881	62.501
Xây dựng cơ bản (ii)	63.138	62.881	848.169
<i>Tại văn phòng công ty</i>	7.217.341	535.100	730.297
<i>Tại BQL Dự án cấp thoát nước môi trường</i>	223.659	417.228	-
<i>Tại BQL Dự án nhà máy nước Tân Hiệp</i>	839.653	-	117.872
<i>Tại BQL Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương</i>	117.846	117.872	-
<i>Tại BQL Dự án cấp nước và vệ sinh Nam Thủ Dầu Một (iii)</i>	3.807.331	-	-
<i>Tại BQL Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên</i>	1.569.575	-	-
Tổng cộng	7.280.479	597.981	910.670

(Nguồn: BCTC KT năm 2018, 2019, BCTC Q1/2020 - Hợp nhất)

(i): Bao gồm Quyền sử dụng đất mua nhằm mở rộng, nâng công suất của Chi nhánh Cấp nước Khu Liên Hợp; mở rộng Nhà máy nước Uyên Hưng; mở rộng Dự án Khu liên hợp Nhà máy xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương và mở rộng Nhà máy nước Tân Hiệp. Các quyền sử dụng đất này do các cá nhân đứng tên mua, đã bàn giao cho Công ty và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất.

(ii): Trong đó, bao gồm các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp tại ngày 31/12/2019 với tổng số tiền là 41.140.054.672 đồng. Khi hoàn thành, quyết toán vốn đầu tư sẽ được bàn giao cho các đơn vị khác quản lý theo quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

(iii): Dự án đầu tư nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp, công suất tăng thêm 100.000 m³/ngày đêm được thực hiện theo Quyết định số 863/QĐ-CPN.MT ngày 09/07/2018 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình. Chủ đầu tư dự án là CTCP Nước-Môi trường Bình Dương. Mục tiêu của Dự án là bổ sung công suất cấp nước cho khu vực Thủ Dầu Một, Tân Uyên và Bến Cát đến năm 2030 với công suất tăng thêm 100.000 m³/ngày đêm. Tổng mức đầu tư của Dự án dự kiến là 1.062,43 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư là từ nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng; thời gian dự kiến thực hiện là 24 tháng.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Kế hoạch SXKD, lợi nhuận và cổ tức của năm 2020 được dự kiến như sau:

Bảng 38. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	%+/- 2019
1.	Sản lượng nước sản xuất (m3)	164.378.473	180.816.320	10
2.	Tỉ lệ thất thoát nước (%)	5,54	<=5,5	(0,04)
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng)	2.525.094	3.150.000	24,74
4.	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	465.315	470.000	1
5.	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	2.135.450	2.830.450	32,55
6.	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	10	12	20
7.	LNST/DTT (%)	18,40	14,92	9,78
8.	LNST/VCSH (%)	21,80	16,60	23,85

(Nguồn: BWE)

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Để xây dựng kế hoạch tương lai cho Công ty, Hội đồng quản trị đã cân nhắc rất thận trọng dựa trên các tiêu chí về tiềm năng phát triển kinh tế của địa bàn, tốc độ tăng trưởng dân số, xu hướng tiêu thụ nước sạch tại Bình Dương và các tỉnh lân cận, như sau:

- Tốc độ tăng dân số sẽ kéo theo nhu cầu nước sinh hoạt, lượng rác thải sẽ phát sinh tăng theo. Theo quy hoạch chung xây dựng Đô thị Bình Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 26/06/2012 của UBND Tỉnh Bình Dương), tốc độ phát triển dân số trung bình toàn khu vực là 6%/năm, tuy nhiên mỗi địa phương có tốc độ phát triển dân số khác nhau. Các khu vực đã được quy hoạch ổn định có tốc độ tăng dân số ngày càng chậm lại như Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An. Các khu vực đang được đầu tư phát triển có tốc độ tăng dân số cao như thị xã Bến Cát, thị xã Tân Uyên. Do vậy để phù hợp với tình hình thực tế của khu vực, các số liệu về tốc độ phát triển dân số của tỉnh Bình Dương trong các giai đoạn 2020-2030 như sau:

Bảng 39. Tốc độ phát triển dân số các khu vực qua từng thời kỳ

Khu vực thuộc địa bàn	Tốc độ phát triển dân số các giai đoạn (%)	
	2020 - 2025	2025 – 2030
Thủ Dầu Một	3,5%	3%
Bàu Bàng	3,5%	4%

Dầu Tiếng	1%	1,5%
Bến Cát	4%	5%
Phú Giáo	1,4%	1,5%
Tân Uyên	6%	6%
Dĩ An	4,5%	4%
Thuận An	4,5%	4%
Bắc Tân Uyên	2%	2,5%
Tổng cộng	3,38%	3,5%

Với tốc độ tăng dân số đề xuất như trên, dự báo dân số trong khu vực phục vụ được tính toán như sau:

Bảng 40. Dự báo dân số khu vực dự án

Khu vực thuộc địa bàn	Dân số dự báo (người)		
	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
Thủ Dầu Một	353.301	390.035	452.157
Bàu Bàng	101.068	121.607	147.954
Dầu Tiếng	119.743	131.695	141.873
Bến Cát	329.287	338.810	432.417
Phú Giáo	103.682	108.369	116.744
Tân Uyên	398.355	464.011	620.951
Dĩ An	504.854	545.642	663.857
Thuận An	638.778	691.907	841.811
Bắc Tân Uyên	70.513	74.545	84.341
Tổng cộng	2.619.581	2.866.621	3.502.105

- Nhu cầu nước sạch đến từ các khu công nghiệp hiện hữu và các khu công nghiệp có thể hình thành trong tương lai do các nhà đầu tư lựa chọn Bình Dương làm nơi sản xuất:

Bảng 41. Nhu cầu nước sạch của tại tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020-2030

Stt	Mục đích sử dụng nước	Năm		
		ĐVT:m ³ /ngày đêm		
		2020	2025	2030
1	Nước sinh hoạt	197,411	427,072	663,959

2	Nước sản xuất và dịch vụ	249,493	269,701	347,880
3	Nước phục vụ công cộng	928	41,660	63,014
4	Nước thất thoát rò rỉ và sử dụng nội bộ.	27,444	91,198	132,743
Cộng		475,277	829,631	1,207,596

(Nguồn: BWE)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán VNDIRECT đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm tài chính 2020 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN

- 1. Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
- 2. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- 3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán:** 37.500.000 cổ phiếu
- 4. Hình thức chào bán:** chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
- 5. Giá chào bán:**

Sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng, HĐQT sẽ xác định mức giá khởi điểm cho việc đấu giá công khai. Mức giá này sẽ được xác định dựa trên kết quả giao dịch thực tế của cổ phiếu BWE tại HOSE và các tiêu chí khác để đảm bảo giá đấu giá khởi điểm phù hợp với nhu cầu của Nhà đầu tư, mang lại lợi ích cao nhất cho Công ty và cổ đông.

6. Phương pháp tính giá

Sau khi được chấp thuận tăng vốn điều lệ, HĐQT sẽ làm việc với HOSE để ban hành Quy chế bán đấu giá công khai cổ phần. Tại thời điểm này, HĐQT căn cứ vào 02 tiêu chí để xác định giá đấu giá khởi điểm như sau:

(1): không thấp hơn trung bình giá đóng cửa cuối ngày của cổ phiếu BWE tại 30 phiên giao dịch liền trước tại HOSE.

(2): và/hoặc không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu BWE tại Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng/Hợp nhất năm 2019 hoặc BCTC soát xét tại thời điểm quyết định mức giá đấu giá khởi điểm

Dựa vào kết quả của 02 tiêu chí trên và nhu cầu của thị trường về cổ phiếu BWE, HĐQT sẽ quyết định mức Giá đấu giá khởi điểm phù hợp nhất để đảm bảo Công ty có thể phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký đấu giá và thu được vốn lớn nhất để tài trợ cho các dự án của Công ty.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng, Công ty sẽ thực hiện phân phối cổ phiếu thông qua 01 đợt đấu giá công khai tại HOSE theo đúng quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu dự kiến: Từ Quý II năm 2020 và sau khi được UBCKNN chấp thuận việc chào bán.

Bảng 42. Lộ trình thực hiện Đợt đấu giá công khai

Đơn vị: ngày làm việc

STT	Công việc	Thời gian
1.	Ủy Ban chứng khoán cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu	T
2.	BWE thực hiện công bố thông tin về Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu và kế hoạch tăng vốn điều lệ năm 2020	T+1 đến T+7

STT	Công việc	Thời gian
3.	BWE làm việc với HOSE để xây dựng Quy chế đấu giá cổ phần	T+1 đến T+15
4.	BWE, HOSE công bố thông tin về Quy chế đấu giá cổ phần	T+16 đến T+36
5.	Nhà đầu tư đăng ký đấu giá, đặt cọc đấu giá, bỏ phiếu đấu giá	T+16 đến T+32
6.	Tổng hợp danh sách các nhà đầu tư và phát phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư	T+32 đến T+33
7.	Tổ chức buổi đấu giá bán cổ phần	T+37
8.	Gửi thông báo và thu tiền mua cổ phần của các nhà đầu tư theo kết quả đấu giá bán cổ phần.	T+37 đến T+45
9.	Hoàn trả tiền cọc cho các nhà đầu tư tham dự đấu giá mà không được mua.	T+37 đến T+42
10.	BWE báo cáo kết quả đấu giá công khai	T+46
11.	HOSE thông báo kết quả đấu giá công khai	T+49
12.	HĐQT xử lý cổ phiếu còn dư (nếu có), báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ với UBCKNN	T+59
13.	UBCKNN ra công văn đã nhận đầy đủ hồ sơ báo cáo kết quả phát hành tăng vốn điều lệ của BWE	T+ 62
14.	BWE thực hiện đăng ký lưu ký chứng khoán bổ sung, niêm yết cổ phiếu bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công	T+64
15.	Giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thành công	T+75

8. Đăng ký mua cổ phiếu

Mọi thông tin về phương thức, thời hạn đăng ký mua cổ phiếu, phương thức thanh toán, số lượng cổ phiếu đặt mua và các nội dung khác liên quan đến đợt phát hành sẽ được trình bày chi tiết tại Quy chế đấu giá công khai cổ phiếu CTCP Nước – Môi trường Bình Dương. Quy chế đấu giá được thống nhất và ban hành bởi BWE và HOSE và được công bố thông tin chậm nhất 20 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc đấu giá tại các đường link sau: www.hsx.vn; www.biwase.com.vn và qua các báo điện tử/báo giấy thuộc trung ương/địa phương khác. Công ty sẽ thông báo toàn thị trường để các nhà đầu tư được biết và có thể tham khảo thông tin để đưa ra quyết định đầu tư.

9. Phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết

Trong trường hợp số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng thông qua đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh không thành công và phát sinh cổ phiếu còn dư, Hội

đồng quản trị tiếp tục phân bổ cho các đối tượng khác có nhu cầu mua. Giá chào bán không thấp hơn trung bình giá đầu giá thành công của cuộc đấu giá theo phương pháp bình quân gia quyền. Toàn bộ số lượng cổ phiếu được tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày Công ty hoàn tất đợt chào bán.

Tiêu chí lựa chọn Nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu bị từ chối mua như sau:

- Có năng lực tài chính mạnh, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Có kinh nghiệm tư vấn, hỗ trợ Công ty trong các lĩnh vực mà công ty đang hoạt động;
- Cam kết nắm giữ cổ phiếu trong thời gian tối thiểu 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán.

Nhà đầu tư đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 3 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP và quy định về đầu tư góp vốn của công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 189 Luật doanh nghiệp.

Công ty có thể phân phối số cổ phiếu còn dư cho cả nhà đầu tư nước ngoài nhưng cam kết luôn đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 49%.

Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu còn dư thì số cổ phiếu này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành. Khi nguồn vốn thu được thông qua đợt chào bán không đủ để đầu tư cho các mục đích sử dụng vốn, HĐQT Công ty sẽ sử dụng các nguồn vốn khả dụng khác như dòng tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, các nguồn vốn vay được tổ chức tín dụng cam kết tài trợ khác để bù đắp nguồn vốn thiếu hụt. Do đó, nếu đợt chào bán không thành công (thậm chí chỉ đạt mức 0%) thì Công ty vẫn có thể tiếp tục triển khai các mục đích sử dụng vốn như đã được ĐHCĐ thường niên năm 2020 thông qua.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của BWE không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài. Do là doanh nghiệp đại chúng nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu BWE của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán, trong đó qui định:

- “ - Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.
- Đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu

nước ngoài tối đa là 49%;

- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác;

- Đối với công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại các trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.”

Do đó, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương là 49%.

Số lượng cổ phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương tại thời điểm tháng 30/12/2019 là 15.022.800 cổ phiếu, tương đương 10%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu chào bán thông qua hình thức đấu giá công khai không bị hạn chế chuyển nhượng.

Cổ phiếu còn lại sau khi đấu giá công khai được Hội đồng quản trị phân phối cho đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Các loại thuế có liên quan

12.1 Đối với Công ty

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- ❖ Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 10% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014.

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

- ❖ Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- ❖ Thuế suất thuế giá trị gia tăng tại lĩnh vực cấp nước là 5%.

12.2 Đối với nhà đầu tư

Đối với nhà đầu tư cá nhân

- ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày

27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

- ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức:
- ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- ❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
- ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6. Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa:

Số tài khoản 119002852493

Mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh Bình Dương

Tên người thụ hưởng CTCP Nước – Môi trường Bình Dương

14. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu chào bán thành công vào giao dịch trên thị trường chứng khoán:

Đăng ký, lưu ký bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM đối với số cổ phiếu được phát hành (trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất các đợt chào bán thêm cổ phiếu).

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tùy vào kết quả chào bán cổ phiếu, Công ty sẽ phân bổ số vốn thu được vào các mục đích theo thứ tự ưu tiên như sau:

TT	Mục đích	Giá trị đầu tư (đồng)
1.	Thanh toán đợt 1 tiền gốc trái phiếu BWEBOND2018	100.000.000.000
2.	Bù đắp vốn đối ứng cho 02 hạng mục thuộc Dự án đầu tư Cấp nước Khu Liên Hợp Bình Dương (mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp tăng thêm 100.000m ³ /ngày đêm)	109.428.586.000
3.	Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác, công suất 8.400 kg/giờ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương	85.490.060.691
4.	Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương	112.167.934.731
5.	Bù đắp vốn đối ứng đã chi trả theo cam kết góp vốn thêm vào CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (đợt 1/2020)	65.543.340.000
6.	Góp vốn đợt 2/2020 vào CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	49.157.502.000
7.	Bù đắp vốn đối ứng đã thanh toán tiền đất (đợt 1, đợt 2) để chuẩn bị quỹ đất của Công ty phục vụ cho kế hoạch xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại khu Thành phố mới Bình Dương	175.449.586.000
8.	Thanh toán tiền đất (đợt 3, đợt 4) để chuẩn bị quỹ đất của Công ty phục vụ cho kế hoạch xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại khu Thành phố mới Bình Dương	116.966.080.000
Tổng cộng		814.202.623.422

(NQ ĐHĐCD thường niên năm 2020, NQ HĐQT của CTCP Nước-Môi trường Bình Dương)

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Hiện tại, Công ty đang có nhu cầu đầu tư các dự án nâng cấp, mở rộng các nhà máy liên quan đến lĩnh vực cấp nước, xử lý nước thải, chuẩn bị quỹ đất và tăng đầu tư vào công ty liên kết tổng giá trị đầu tư là: 814.202.623.422 đồng. Tùy thuộc vào kết quả chào bán (giá chào bán thành công, khối lượng cổ phiếu phân phối thành công), Công ty sẽ ưu tiên giải ngân vào các mục đích theo thứ tự như sau:

1. Thanh toán đợt 1 tiền gốc trái phiếu BWEBOND2018: 100.000.000.000 đồng

- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo;
 - Khối lượng phát hành: 2.000 trái phiếu;
 - Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
 - Giá trị trái phiếu: 200.000.000.000 đồng; Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm;
 - Ngày phát hành: 10/01/2019; Ngày đáo hạn: 10/01/2022;
- Mục đích phát hành: Tăng quy mô vốn hoạt động của Doanh nghiệp;
- Tình hình sử dụng vốn thu được: Công ty dùng để trả tiền bồi thường đất diện tích 4,5ha để Mở rộng dự án Nhà máy nước Tân Hiệp; Trả tiền lương, điện phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Thời điểm thanh toán nợ gốc trái phiếu:

	Ngày thanh toán	Giá trị thanh toán (đồng)	Điều khoản thanh toán
Đợt 1	10/01/2021	100.000.000.000	Cam kết thanh toán 50% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành
Đợt 2	10/01/2022	100.000.000.000	Cam kết thanh toán 50% tại thời điểm đáo hạn

2. Bù đắp vốn đối ứng cho 02 hạng mục thuộc Dự án đầu tư Cấp nước Khu Liên Hợp Bình Dương (mở rộng, nâng công suất Nhà máy nước Tân Hiệp tăng thêm 100.000m³/ngày đêm): 109.428.586.000 đồng

Các hạng mục đầu tư cần sử dụng vốn bao gồm:

- Hạng mục 1: Công trình thu – Trạm bơm nước thô
 - *Giá trị đầu tư: 119.428.586.000 đồng;*
 - *Vốn đối ứng được thu từ đợt chào bán: 19.428.586.000 đồng;*
 - *Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 100.000.000.000 đồng;*
 - *Tiến độ thực hiện: đã triển khai. Tính đến tháng 5/2020 đã hoàn thiện toàn bộ hạng mục*
Nguồn vốn tạm ứng để triển khai: Vốn lưu động của Công ty.
- Hạng mục 2: Xây dựng và lắp đặt tuyến ống nước thô D1500mm
 - *Giá trị đầu tư: 305.000.000.000 đồng;*
 - *Vốn đối ứng được thu từ đợt chào bán: 90.000.000.000 đồng;*
 - *Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 215.000.000.000 đồng;*
 - *Tiến độ thực hiện: đã triển khai. Tính đến tháng 5/2020 đã hoàn thiện toàn bộ hạng mục;*

Nguồn vốn tạm ứng để triển khai: Vốn lưu động của Công ty.

3. Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác, công suất 8.400 kg/giờ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương: 85.490.060.691 đồng

- *Giá trị đầu tư: 284.966.868.969 đồng;*
- *Vốn đối ứng (30% giá trị đầu tư): 85.490.060.691 đồng;*
- *Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 199.476.808.278 đồng;*
- *Tiến độ đầu tư: đã triển khai. Tính đến tháng 5/2020 đã hoàn thiện nhà bao che, phần thiết bị lò đốt dự kiến sẽ hoàn thiện trong tháng 7/2020;*

Nguồn vốn tạm ứng để triển khai: Vốn lưu động của Công ty.

4. Chuẩn bị Vốn đối ứng cho Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương: 112.167.934.731 đồng

- *Giá trị đầu tư: 373.893.115.770 đồng;*
- *Vốn đối ứng (30% giá trị đầu tư): 112.167.934.731 đồng;*
- *Vốn vay ngân hàng và các tổ chức khác: 261.725.181.039 đồng;*
- *Tiến độ đầu tư: đã triển khai. Tính đến tháng 5/2020 đã hoàn thiện nhà bao che, phần thiết bị lò đốt dự kiến sẽ hoàn thiện trong tháng 7/2020*

Nguồn vốn tạm ứng để triển khai: Vốn lưu động của Công ty

5. Bù đắp vốn đối ứng đã chi trả theo cam kết góp vốn thêm vào CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (đợt 1/2020-tức đợt 2 theo thông báo số 643/TB-CPHA)): 65.543.340.000 đồng

Công ty đã sử dụng nguồn vốn lưu động để thực hiện quyền mua cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với tư cách là cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa. Do đó, Hội đồng quản trị sẽ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành năm 2020 để bù đắp lại phần vốn lưu động đã sử dụng để góp vốn và chuẩn bị hoàn tất việc góp vốn trong thời gian tới như Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa quy định.

Thông tin về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa:

- *Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 8.192.197 cổ phiếu;*
- *Số lượng cổ phiếu đăng ký mua thêm: 8.192.197 cổ phiếu;*
- *Giá trị cần thanh toán trong đợt 1/năm 2020: 65.543.340.000 đồng.*

6. Góp vốn đợt 2/2020 vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa: 49.157.502.000 đồng.

CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (“Chánh Phú Hòa”) được cấp phép thành lập theo số đăng ký kinh doanh 3700697127 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 01/03/2006 với vốn điều lệ 120 tỷ đồng, trong đó BIWASE là cổ đông sáng lập. Chánh Phú Hòa

hoạt động trong lĩnh vực tâm linh như cung cấp các dịch vụ mai táng và các dịch vụ khác liên quan đến nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Tính đến tháng 5/2020, Chánh Phú Hòa có 88 cổ đông, trong đó có 05 cổ đông tổ chức và BIWASE chiếm 43,12% vốn điều lệ, còn lại là các cổ đông cá nhân chiếm 56,88% vốn điều lệ.

- Mỗi quan hệ giữa người nội bộ của BIWASE và Chánh Phú Hòa như sau:

Danh sách	Chức vụ tại Chánh Phú Hòa	Chức vụ tại BIWASE
Ông Nguyễn Văn Thiện	Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Hoàng Minh	Thành viên HĐQT	Không
Ông Võ Đình Ngọc	Thành viên HĐQT	Không
Ông Nguyễn Hiền Triết	Thành viên HĐQT	Không
Ông Ngô Văn Lui	Thành viên HĐQT	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Chiến	Thành viên HĐQT	Không
Bà Nguyễn Hoàng Kim Thảo	Thành viên HĐQT	Không
Bà Nguyễn Thị Diên	Trưởng BKS	Trưởng phòng Tài chính kế toán
Ông Nguyễn Hùng	Thành viên BKS	Không
Bà Lê Bạch Liên	Thành viên BKS	Không

- Năm 2018, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của CTCP Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa đã thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 189.871.000.000 đồng thành 379.742.000.000 đồng (tăng 100%) thông qua hình thức chào bán cho cổ đông hiện hữu và chia thành nhiều đợt phát hành (lần 1: năm 2018; đợt 1/2020: tháng 2/2020; đợt 2/2020: tháng 12/2020). Mục đích sử dụng vốn là xây dựng mở rộng dự án Hoa viên nghĩa trang Bình Dương. Trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, Ông Nguyễn Văn Thiện, Ông Ngô Văn Lui và Bà Nguyễn Thị Diên đều không được biểu quyết do là người có liên quan đến cổ đông lớn (có Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông năm 2018 ghi nhận rõ việc tách phiếu này).
- Triển khai kế hoạch đã được thông qua, Chánh Phú Hòa đã nộp hồ sơ tăng vốn điều lệ tại Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương theo đúng quy định (Do Chánh Phú Hòa là CTCP chưa đại chúng). Ngày 09/05/2018, Hội đồng quản trị của Chánh Phú Hòa đã ra Thông báo nộp tiền gửi BIWASE với giá trị thanh toán là 49.157.502.000 đồng (tương đương 30% số tiền góp vốn của BIWASE). Sau đó, Chánh Phú Hòa đã báo cáo kết quả phát hành lần 1 cho Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương. Ngày 20/09/2019, Chánh Phú Hòa nhận được Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ

8 với vốn điều lệ mới là 246.988.644.000 đồng.

- Ngày 25/11/2019, Hội đồng quản trị của Chánh Phú Hòa tiếp tục ra Thông báo nộp tiền gửi BIWASE với giá trị thanh toán là 65.543.340.000 đồng (tương đương 40% số tiền góp vốn của BIWASE). BIWASE đã sử dụng vốn lưu động để tạm ứng thanh toán khoản góp vốn trên.

Như phương án tăng vốn điều lệ của BIWASE đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, nguồn vốn thu được từ đợt tăng vốn điều lệ sẽ dùng để góp vốn vào Chánh Phú Hòa: 114.700.842.000 đồng như sau:

- ✓ Bù đắp vốn lưu động đã tạm ứng để góp vốn đợt 1/2020: 65.543.340.000 đồng
- ✓ Góp vốn đợt 2/2020: 49.157.502.000 đồng.

7. Bù đắp vốn đối ứng đã thanh toán tiền đất (đợt 1, đợt 2) để chuẩn bị quỹ đất cho kế hoạch xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại khu Thành phố mới Bình Dương: 175.449.120.000 đồng

Năm 2019, để chuẩn bị quỹ đất cho kế hoạch xây dựng Trụ sở mới kèm văn phòng cho thuê tại Thành phố Mới Bình Dương, Hội đồng quản trị Công ty đã ký Hợp đồng nguyên tắc số 98/HĐNT/2019 ngày 5/11/2019 với Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp – CTCP với tổng giá trị hợp đồng khoảng 292.415.200.000 đồng cho khu đất cạnh nhà máy SX nước đóng chai hiện hữu với diện tích mở rộng 9.494m² tại đường Tạo lực 4 và Tạo lực 7 khu đô thị Mới thuộc KLH CN- DV- ĐT Bình Dương. Trong đó, Công ty đã sử dụng vốn lưu động để thanh toán đợt 1 (tháng 12/2019) và sẽ thanh toán đợt 2 (tháng 5/2020): 175.449.120.000 đồng (tương đương 60% giá trị hợp đồng).

Lộ trình và tiến độ thanh toán như sau:

Đợt thanh toán	Thời gian	Tiến độ	Giá trị (đồng)
Đợt 1	Tháng 12/2019 - đã thanh toán	30%	87.724.560.000
Đợt 2	Tháng 5/2020 - đã thanh toán	30%	87.724.560.000
Đợt 3	Tháng 11/2020	35%	102.345.320.000
Đợt 4	Sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	5%	14.620.760.000
Tổng cộng		100%	292.415.200.000

8. Thanh toán tiền đất (đợt 3, đợt 4) để xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại khu Thành phố mới Bình Dương: 116.966.080.000 đồng (thông tin chi tiết đã được trình bày phía trên).

VIII. PHƯƠNG ÁN KHẢ THI

1. Đầu tư 02 hạng mục thuộc công trình Cấp nước khu liên hợp Bình Dương (nhà máy nước Tân Hiệp) công suất 100.000 m³/ngày đêm.

- Hạng mục đầu tư cần huy động vốn:
 - ✓ Hạng mục 1: Công trình thu – Trạm bơm nước thô
 - Giá trị đầu tư: 119.428.586.000 đồng
 - Vốn vay: 100.000.000.000 đồng
 - Vốn tự có: 19.428.586.000 đồng
 - ✓ Hạng mục 2: Xây dựng và lắp đặt tuyến ống nước thô D 1500mm
 - Giá trị đầu tư: 305.000.000.000 đồng
 - Vốn vay: 215.000.000.000 đồng
 - Vốn tự có: 91.500.000.000 đồng
 - Tổng giá trị vốn cần huy động thông qua đợt chào bán: 110.928.586.000 đồng
 - Giới thiệu tổng quan về Dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp nước khu liên hợp Bình Dương (nhà máy nước Tân Hiệp) công suất 100.000 m³/ngày đêm
 - ✓ Chủ đầu tư: Công ty Cổ Phần nước- Môi trường Bình Dương
 - ✓ Mục tiêu xây dựng: nhằm cải thiện điều kiện sống, sức khỏe của người dân đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn
 - ✓ Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:
 - Xây dựng công trình thu – Trạm bơm nước thô:
 - Công trình thu – Trạm bơm nước thô xây dựng mới trong khu đất trống của trạm bơm Tân Hiệp, bao gồm các hạng mục sau:
 - Xây dựng mới cụm công trình thu – trạm bơm nước thô có tổng công suất 630.000 m³/ngày, trong đó thiết bị lắp đặt giai đoạn này phục vụ công suất 105.000 m³/ngày gồm 03 máy bơm nước thô công suất mỗi bơm Q=2.600 m³/h, H≥55m, P= 530 kw và hệ thống điện.
 - Xây dựng Trạm bơm cát, ngăn chứa cát; Nhà Clo; Nhà phát điện; Lối đi nội bộ.
 - Xây dựng tuyến ống nước thô D1500mm, chiều dài 9.000 m.
 - Xây dựng nhà máy xử lý nước công suất 100.000 m³/ngày đêm
- Nhà máy xử lý xây dựng trong khu trống của Xí nghiệp cấp nước khu liên hợp, bao gồm các hạng mục sau:
- Bể trộn công suất 200.000 m³/ngày (trong đó 100.000 m³/ngày cho tương lai);
 - Bể phản ứng cơ khí + Bể lắng lamella công suất 100.000 m³/ngày;
 - Bể lọc công suất 100.000 m³/ngày;
 - Bể chứa nước sạch 20.000 m³/ngày;
 - Xây dựng trạm bơm nước sạch công suất 200.000 m³/ngày, giai đoạn này lắp

03 máy bơm nước sạch, mỗi bơm có $Q=3.000 \text{ m}^3/\text{h}$, $H=50\text{m}$, và các bơm nước rửa lọc, bơm gió rửa lọc;

- Nhà hóa chất cho công suất $100.000\text{m}^3/\text{ngày}$ có quy hoạch mở rộng cho tương lai;
 - Xây dựng 03 hồ lắng bùn và 01 bể thu hồi nước rửa lọc;
 - Xây dựng đường ống kỹ thuật thoát nước, đường nội bộ, cảnh quan...
 - Lắp đặt hệ thống điện động lực, và hệ thống Scada...
 - Đầu nối ống nước sạch vào mạng lưới D1400mm, chiều dài 1200m.
- ✓ Địa điểm xây dựng: thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
 - ✓ Phương án xây dựng: xây dựng mới
 - ✓ Loại, cấp công trình: công trình kỹ thuật cấp 1
 - ✓ Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: không
 - ✓ Tổng mức đầu tư của cả dự án: 1.353,67 tỷ đồng, trong đó phân kỳ đầu tư như sau:
 - Vốn đầu tư giai đoạn từ 2019: 1.129,95 đồng
 - Vốn đầu tư giai đoạn từ 2023: 223,72 tỷ đồng
 - ✓ Hình thức quản lý dự án: tự quản lý thực hiện dự án
 - ✓ Thông tin hiệu quả tài chính: $WACC=10,3\%$; $NPV=2.145$, 2 tỷ đồng; $IRR=20,3\%$; thời gian hoàn vốn=9 năm, 7 tháng.

2. Dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác, công suất 8.400 kg/giờ tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng lò đốt rác công suất 8.400 kg/giờ thuộc khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương.
- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.
- Địa điểm xây dựng: Ấp 1B – phường Chánh Phú Hòa – thị xã Bến Cát - tỉnh Bình Dương.
- Quy mô xây dựng:
 - ✓ Xây dựng nhà bao che diện tích xây dựng khoảng 3.800m^2 ;
 - ✓ Lắp đặt 1 lò đốt rác sinh hoạt và công nghiệp, công suất 8400 kg/h, thời gian hoạt động 22 giờ/ngày. Công suất hoạt động theo ngày: 184,8 tấn/ngày;
- Loại công trình: hạ tầng kỹ thuật;
- Cấp công trình: cấp II;
- Tổng vốn đầu tư: 284.967 tỷ đồng;
- Nguồn vốn: Vốn tự có (58%, tương đương 85,49 tỷ đồng) và vốn vay Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (42%, tương đương 199,47 đồng);
- Thời gian thực hiện: 12 tháng;
- Tổng mức đầu tư:

Bảng 43. Bảng khái toán sơ bộ dự án Đầu tư xây dựng lò đốt rác

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Chi tiết			Vốn đầu tư	Nguồn vốn
		Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
1.	Phần xây dựng	17.154			17.154	Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, Vốn BIWASE
2.	Phần công nghệ, thiết bị		221.628		221.628	Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam, Vốn BIWASE
3.	Chi phí tư vấn, chi phí khác			20.653	20.653	Vốn BIWASE
4.	Thuế VAT			25.532	25.532	Vốn BIWASE
	Tổng Cộng	17.154	221.628	246.184	284.967	

(Nguồn: BWE)

- Thông tin hiệu quả tài chính: NPV=63,406 tỷ đồng; IRR=12,57%.
- Thông tin hiệu quả kinh tế xã hội: nếu xem xét ở góc độ hiệu quả tổng hợp về mặt kinh tế, xã hội, môi trường và nhu cầu phát triển bền vững, thì việc đầu tư cho các dự án xử lý nước thải công nghiệp là có lợi và mang tính bắt buộc. Đây chính là xuất phát điểm của việc phân tích lựa chọn phương thức đầu tư và việc lựa chọn đề xuất nguồn vốn đầu tư có lợi thế hơn là một yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của dự án.

✓ Xóa đói giảm nghèo:

Khu liên hợp xử lý nước thải cho thấy khả năng mang lại những cải thiện về môi trường và sức khỏe. Thêm vào đó, khu xử lý sẽ mang lại những cơ hội về nguồn thu nhập cho lao động địa phương.

Tuyển chọn lao động chuyên sâu tại khu xử lý sẽ giải quyết cuộc sống cho một số lao động địa phương

✓ Hiệu quả xã hội và ý nghĩa môi trường của dự án

- Tạo công ăn việc làm thường xuyên cho một số lao động trong tỉnh với mức thu nhập ổn định đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường.
- Góp phần cải thiện sinh thái và môi trường vệ sinh trong tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung thông qua việc hàng năm xử lý nước thải trong thời gian kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.
- Góp phần xóa đói giảm nghèo (không bệnh tật) cho người dân.
- Cải thiện môi trường sống đô thị ngày càng hoàn thiện và sạch đẹp hơn.
- Nâng cao sức khỏe cũng như phúc lợi xã hội cho nhân dân thông qua ý thức về

trách nhiệm bảo vệ môi trường của mình.

✓ **Hiệu quả kinh tế**

- Tạo công ăn việc làm trực tiếp cho các lao động và một số lao động lao động gián tiếp tại địa phương.
- Giảm chi về vệ sinh môi trường cho ngân sách, góp phần giảm nguồn chi vốn ngân sách về công tác bảo vệ môi trường.

3. Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất tăng thêm 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost, công suất 840 tấn/ngày tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, P Chánh Phú Hòa - Bến Cát - Bình Dương.
- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.
- Địa chỉ liên lạc: Số 11 – đường Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi – thành phố Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương.
- Địa điểm xây dựng: Ấp 1B – phường Chánh Phú Hòa – thị xã Bến Cát - tỉnh Bình Dương.
- Quy mô xây dựng: nhà máy sản xuất phân composte, công suất 840 tấn/ngày bao gồm đầu tư dây chuyền sản xuất phân composte và các hạng mục.
- Tổng vốn đầu tư: 373,893 tỷ đồng.
- Nguồn vốn: Vốn tự có (33%, tương đương 112,16 tỷ đồng) và vốn vay Ngân hàng (67%, tương đương 261,72 tỷ đồng).
- Thời gian thực hiện: 12 tháng (năm 2019 - 2020).
- Tổng mức đầu tư dự án:

**Bảng 44. Bảng khái toán sơ bộ dự án
Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân compost**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Chi tiết			Vốn đầu tư	Nguồn vốn
		Xây dựng	Thiết bị	Chi phí khác		
1.	Phần xây dựng	136.028			136.028	Vốn vay, Vốn BIWASE
2.	Phần công nghệ, thiết bị		168.795		168.795	Vốn vay, Vốn BIWASE
3.	Chi phí tư vấn, chi phí khác			35.601	35.601	Vốn BIWASE

4.	Thuế VAT			33.469	33.469	Vốn BIWASE
	Tổng Cộng	136.028	168.795	69.070	373.893	

(Nguồn: BWE)

- Thông tin hiệu quả tài chính: NPV=74,759.tỷ đồng; IRR=10,09%.
 - Thông tin hiệu quả kinh tế xã hội: nếu xem xét ở góc độ hiệu quả tổng hợp về mặt kinh tế, xã hội, môi trường và nhu cầu phát triển bền vững, thì việc đầu tư cho các dự án xử lý nước thải công nghiệp là có lợi và mang tính bắt buộc. Đây chính là xuất phát điểm của việc phân tích lựa chọn phương thức đầu tư và việc lựa chọn đề xuất nguồn vốn đầu tư có lợi thế hơn là một yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tài chính của dự án.
 - ✓ Xóa đói giảm nghèo:

Khu liên hợp xử lý nước thải cho thấy khả năng mang lại những cải thiện về môi trường và sức khỏe. Thêm vào đó, khu xử lý sẽ mang lại những cơ hội về nguồn thu nhập cho lao động địa phương.

Tuyển chọn lao động chuyên sâu tại khu xử lý sẽ giải quyết cuộc sống cho một số lao động địa phương
 - ✓ Hiệu quả xã hội và ý nghĩa môi trường của dự án
 - Tạo công ăn việc làm thường xuyên cho một số lao động trong tỉnh với mức thu nhập ổn định đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường.
 - Góp phần cải thiện sinh thái và môi trường vệ sinh trong tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung thông qua việc hàng năm xử lý nước thải trong thời gian kể từ khi nhà máy đi vào hoạt động.
 - Góp phần xóa đói giảm nghèo (không bệnh tật) cho người dân.
 - Cải thiện môi trường sống đô thị ngày càng hoàn thiện và sạch đẹp hơn.
 - Nâng cao sức khỏe cũng như phúc lợi xã hội cho nhân dân thông qua ý thức về trách nhiệm bảo vệ môi trường của mình.
 - ✓ Hiệu quả kinh tế
 - Tạo công ăn việc làm trực tiếp cho các lao động và một số lao động lao động gián tiếp tại địa phương.
 - Giảm chi về vệ sinh môi trường cho ngân sách, góp phần giảm nguồn chi vốn ngân sách về công tác bảo vệ môi trường.
- 4. Thanh toán tiền đất để chuẩn bị quỹ đất cho kế hoạch xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại Khu Đô thị mới Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương**

Để đáp ứng nhu cầu phát triển khách hàng của khu vực Khu liên hợp dịch vụ đô thị Bình Dương, Khu vực thị xã Bến Cát, Tân Uyên, Bắc Tân Uyên và khu Thành phố mới Bình Dương, BIWASE thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng văn phòng làm việc tại khu thành phố mới Bình Dương.

Ngoài ra, đánh giá về tiềm năng của thị trường bất động sản phân khúc văn phòng cho thuê trong tương lai tại tỉnh Bình Dương rất lớn khi thành phố Thủ Dầu Một trở thành đô thị loại I, Hội đồng quản trị Công ty đã lên kế hoạch đầu tư dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng BIWASE tại khu Thành phố mới Bình Dương. Tòa nhà sẽ được thiết kế là trụ sở chính của Công ty kết hợp với văn phòng cho thuê kinh doanh thương mại, dự kiến triển khai trong khoảng từ năm 2021-2023. Để chuẩn bị cho kế hoạch trên, BIWASE đã ký Hợp đồng nguyên tắc mua đất số 98/HĐNT/2019 ngày 5/11/2019 với Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp – CTCP với tổng giá trị hợp đồng là 292.415.200.000 đồng cho khu đất cạnh nhà máy sản xuất nước đóng chai hiện hữu với diện tích mở rộng 9.494m² tại đường Tạo lực 4 và Tạo lực 7 khu đô thị Mới thuộc KLH CN- DV- ĐT Bình Dương.

Tính đến hết tháng 5/2020, BIWASE đã thanh toán đầy đủ 02 đợt thanh toán đầu tiên như đã quy định tại Hợp đồng với giá trị tổng cộng là 175.449.586.000 đồng bằng nguồn vốn lưu động của BIWASE. Các lần thanh toán tiếp theo sẽ vào tháng 11/2020 và dự kiến tháng 1/2021. Ngay sau khi 95% giá trị Hợp đồng được thanh toán, Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp – CTCP sẽ làm các thủ tục để chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho BIWASE.

BIWASE chào bán cổ phiếu ra công chúng và sử dụng một phần vốn thu được để thanh toán tiền đất (bao gồm bù đắp vốn lưu động đã ứng trước để thanh toán và sắp thanh toán). Việc xây dựng Tòa nhà BIWASE sẽ được tiến hành sau khi Công ty hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo luật định. Công ty sẽ sử dụng các nguồn vốn khác để triển khai dự án trong thời gian tới.

IX. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KẾ HOẠCH CHÀO BÁN KHÔNG THÀNH CÔNG

Tổng mức đầu tư các dự án là 814.202.623.422 tỷ đồng, trong đó có 1 số dự án Công ty đã chủ động giải ngân, phần còn lại của dự án sẽ được tài trợ từ dòng tiền huy động được thông qua chào bán cổ phiếu và dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty. Với những biến động bất lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam do ảnh hưởng từ dịch COVID 19, có thể ảnh hưởng đến quyết định giải ngân của các nhà đầu tư thì Công ty có thể huy động các nguồn vốn vay tài trợ khác từ các tổ chức tín dụng với lãi suất vay hợp lý để tiếp tục triển khai các dự án đầu tư, mang lại lợi ích cho Công ty và phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Bình Dương.

Thông tin chi tiết như sau:

NH cam kết cấp hạn mức tín dụng	Số Hợp đồng	Giá trị cam kết cấp hạn mức	Thời hạn
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam – CN Bình Dương	1800-LAV-190062441	100.000.000.000	Không quy định



Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Bình Dương	107B19 ngày 19/12/2019	275.000.000.000	Từ 19/12/2019 đến 19/12/2020
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – CN TP HCM	2009/2019/HĐTĐ/MSB-BIWASE	200.000.000.000	Từ 20/09/2019 đến 20/09/2020
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN TP HCM	190049/2019-HĐCVHM/NHCT640-CTCP Nước Môi trường Bình Dương	600.000.000.000	Từ 02/12/2019 đến 02/12/2020
Tổng cộng		1.175.000.000.000	

Nguồn: BWE

X. Ý KIẾN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Trên cơ sở các thông tin mà tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương và đợt chào bán cổ phiếu, với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT có một số nhận định như sau:

Cổ phiếu BWE được nhà đầu tư đánh giá rất cao về năng lực hoạt động và tiềm năng phát triển. Với những biến động chính trị và kinh tế trên toàn cầu, việc đầu tư vào các công ty thuộc các ngành nghề thiết yếu luôn là lựa chọn hàng đầu của các nhà đầu tư tại Việt Nam. Và cổ phiếu ngành nước luôn được coi là cổ phiếu phòng thủ, giúp nhà đầu tư bảo toàn vốn trong giai đoạn khó khăn nhưng vẫn mang lại tỉ lệ sinh lời ổn định. Do đó các nhà đầu tư tổ chức luôn dành sự quan tâm cho cổ phiếu BWE. Việc chào bán thêm 37.500.000 cổ phiếu BWE sẽ được thị trường quan tâm và hấp thụ. Và với việc sử dụng tiền thu được để mở rộng năng lực sản xuất trong ngành nghề kinh doanh thiết yếu là ngành nước sẽ là sức hút lớn và khiến Nhà đầu tư sẵn sàng đăng ký mua cổ phiếu. Với những nhận định trên, tổ chức tư vấn tin tưởng đợt chào bán sẽ thành công theo đúng kế hoạch của tổ chức chào bán.

XI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2018, 2019

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3824 3973

Website: www.aasc.com.vn

Điện thoại: (84-24) 3941 0510

Fax: (84-24) 3941 0500

Website: <https://www.vndirect.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán BCTC năm 2018, 2019

Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Địa chỉ: 01 Lê Phụng Hiểu, Phường Trảng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3824 1990

Fax: (84-24) 3824 3973

Website: www.aasc.com.vn

XIII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II: Điều lệ Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương;

Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng, Hợp nhất năm 2018, 2019; BCTC Riêng/Hợp nhất Quý I/2020.

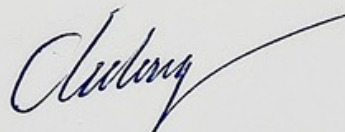
Bình Dương, ngày 28 tháng 7 năm 2020

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN



NGUYỄN VĂN THIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN CHIÊN CÔNG

BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

TRẦN TẤN ĐỨC

DƯƠNG ANH THƯ

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VNDIRECT



GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

VŨ NAM HƯƠNG